

TINH HOA NIKĀYA

THIỀN ĐƯỜNG NIKĀYA



TINH HOA NIKĀYA

Tập 3

TỶ KHEO NI THÍCH NỮ TOÀN LIÊN
(PHƯỚC CHƠN TÍN TOÀN)

DL: 2022 - PL: 2566



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA	10
1 LỘ TRÌNH TU TẬP TRONG NIKĀYA	16
1.1 Truy tìm đường lối tu tập hợp lý (logic).....	16
1.2 Trình tự tu tập theo Văn Tư Tu	17
1.3 Tiến trình thành tựu Pháp Tám Đúng.....	26
1.3.1 Bước 1: Tu tập Chánh Tri Kiến	26
1.3.2 Bước 2: Thở nhập Chánh Tri Kiến.....	28
1.3.3 Bước 3: Như lý tác ý và Chánh Tư Duy	30
1.3.4 Bước 4: Các pháp còn lại tiếp tục thành tựu.	31
1.4 Ví dụ cách xử lý khi Sân sanh khởi.....	32
1.4.1 Nhận diện sân	32
1.4.2 Phát hiện các thâm ý, tìm nguyên nhân sân ..	33
1.4.3 Như lý tác ý giải tỏa các thâm ý, giải tán các cảm giác	34
1.4.4 Pháp “Bỏ mặc”	35
1.4.5 Pháp “Lấy độc trị độc”	36

1.4.6	Pháp “Diệt sân từ xa”.....	40
1.4.7	Khởi Tâm Từ	43
1.4.8	Đại lộ rộng lớn	45
1.4.9	Kết luận.....	46
1.5	Lộ trình tu tập	47
1.5.1	Kinh Gaṇaka Moggallāna (<i>Trung III</i> , bài 107)	47
1.5.2	Giữ gìn giới hạnh, oai nghi, biết sợ trong các lỗi nhỏ nhặt	57
1.5.3	Hộ trì các căn	58
1.5.4	Tiết độ trong ăn uống.....	59
1.5.5	Chú tâm cảnh giác	59
1.5.6	Chánh niệm tỉnh giác	61
1.5.7	Thành tựu Bảy Diệu Pháp.....	62
1.5.8	Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa (<i>Trung I</i> , bài 39)	63
1.5.9	Kết luận.....	65
1.6	Khéo biết mình, biết pháp	70
1.7	Cách định tâm đúng trong đạo Phật	73
1.7.1	Có phải cứ vào tu là ngồi thiền cho định tâm liền?.....	73
1.7.2	Vì sao cần tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền?	74

1.7.3	Tâm tứ là gì?	76
1.7.4	Tác dụng của Tứ thiên	77
1.8	Thiền sắc giới và Thiền vô sắc giới.....	81
1.8.1	Nghi ngờ về Thiền Vô Sắc Giới	81
1.8.2	Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT (<i>Tăng IV</i> , 152).	82
1.8.3	Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 (<i>Tăng IV</i> , 155)	83
1.8.4	Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 (<i>Tăng II</i> , 54).....	87
1.8.5	Kinh KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (<i>Tăng I</i> , 484).	90
1.8.6	Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 (<i>Tăng II</i> , 57).....	93
1.8.7	Kinh THIỀN (<i>Tăng IV</i> , 173).....	94
1.8.8	Sơ thiền quán Ngũ uẩn chứng Bất lai, Lưu tận	99
1.8.9	Sự khác biệt trong nhân quả thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu	101
1.8.10	Đức Phật không vay mượn trí tuệ thế gian.	105
1.9	Tu đúng cách mới có kết quả.....	109
1.9.1	Kinh Cán Búa (<i>Tương III</i> , 272)	109
1.9.2	Lời cảnh báo của bậc Chánh Giác	113
2	NGUYÊN NHÂN NIKĀYA BỊ THẤT TRUYỀN	116

2.1	Chánh Pháp tồn tại bao nhiêu năm?	116
2.1.1	Kinh Tượng Pháp (<i>Tương II</i> , 384).....	116
	Diệu pháp có nghĩa là Chánh Pháp chân thật vì diệu mà Đức Phật đã truyền trao.	117
2.1.2	Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (<i>Tăng III</i> , 649)	120
2.2	Kinh Nikāya và sự trường tồn của Chánh Pháp .	130
2.3	Nguyên nhân Mạt pháp	132
2.3.1	Kinh Tượng Pháp (<i>Tương II</i> , 384).....	132
2.3.2	Kinh Luật Của Bạc Thiện Thệ (<i>Tăng II</i> , 94)	133
2.3.3	Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 1 (<i>Tăng II</i> , 598)	135
2.3.4	Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 2 (<i>Tăng II</i> , 599)	135
2.3.5	Kinh Đất (<i>Tăng I</i> , 118)	136
2.3.6	Kinh Các Sức Mạnh (<i>Tăng I</i> , 102)	137
2.3.7	Kinh Phi Pháp (<i>Tăng I</i> , 39).....	138
2.3.8	Kinh Phi Pháp (<i>Tăng I</i> , 41).....	139
2.3.9	Kinh Vô Phạm (<i>Tăng I</i> , 43).....	140
2.3.10	Kinh Bà-la-môn (<i>Tương V</i> , 272)	141
2.3.11	Kinh Trú (<i>Tương V</i> , 269)	142
2.3.12	Kinh Sợ Hải Trong Tương Lai 3 (<i>Tăng II</i> , 479)	143

2.3.13	Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (<i>Tăng</i> II, 484)	147
2.3.14	Kinh Cỏ Rom (<i>Tương</i> II, 467)	150
2.3.15	Kinh Vị Trưởng Lão (<i>Tăng</i> II, 493)	150
2.4	Tóm lược những nguyên nhân diệt pháp	153
3	LÀM SAO CHÁNH PHÁP HƯNG THỊNH?	160
3.1	Tìm hiểu kỹ Phật pháp	160
3.1.1	Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp	160
3.1.2	Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật	161
3.1.3	Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói	163
3.2	Tôn kính Tam Bảo	164
3.2.1	Tôn kính Phật	164
3.2.2	Tôn kính Pháp	165
3.2.3	Tôn kính Tăng	166
3.2.3.1	Bảy trường hợp Đức Phật không nhận là đệ tử	167
3.2.3.1.1	Người cứng đầu, nói nhiều, hoang dâm, gian dối	167
3.2.3.1.2	Người không thành tựu Trí về Ngũ uẩn	168
3.2.3.1.3	Người không thành tựu Trí về Sáu căn	170

3.2.3.1.4	Người không thành tựu Trí về Mười Hai Duyên	173
3.2.3.1.5	Người không thành tựu Trí về Cảm Thọ	175
3.2.3.1.6	Người không thành tựu Trí về Lợi danh.....	178
3.2.3.1.7	Người không thành tựu Trí về Bốn đại.....	181
3.2.3.2	Kết luận.....	184
3.2.4	Tôn kính các học pháp	185
3.2.5	Tôn kính thiền định.....	186
3.3	Không phóng dật	187
3.3.1	Không tham ngủ	187
3.3.2	Không dính mắc ruộng vườn	188
3.3.3	Không quá thân mật.....	189
3.3.4	Không phóng dật.....	191
3.3.5	Tri túc.....	194
3.4	Tu tập “Hạnh nhu hòa”.....	196
3.4.1	Tùy thuận pháp tiếp đón	196
3.4.2	Cung kính nhau, lắng nghe nhau	197
3.4.3	Tâm tánh nhu hòa, dễ nói	199
3.4.4	Không gây chia rẽ.....	203
3.5	Tu tập “Hạnh cẩn trọng”.....	210
3.5.1	Cẩn trọng nghe pháp.....	210

3.5.2	Cần trọng học thuộc lòng các pháp.....	211
3.5.3	Cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp.....	211
3.5.4	Cần trọng quan sát ý nghĩa các pháp.....	212
3.5.5	Cần trọng thực hành pháp và tùy pháp.....	213
3.5.6	Cần trọng nắm vững Ngũ - Nghĩa của kinh	214
3.5.7	Cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp	215
3.6	Tu tập “Hạnh tinh cần đúng pháp”.....	216
3.6.1	Tinh cần tinh tấn.....	216
3.6.2	Tu tập Bốn niệm xứ.....	232
3.6.3	Trau dồi Giới Định Tuệ.....	237
3.7	Tự giác trước, giác tha sau.....	242
3.7.1	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới thọ đại giới cho người.....	242
3.7.2	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới làm y chỉ sư cho người.....	243
3.7.3	Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới đi thuyết pháp.....	245
3.7.4	Người đứng đầu phải có chánh kiến.....	247
3.8	Thực hành “Hạnh giác tha”.....	252
3.8.1	Thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng.....	252
3.8.2	Đọc tụng pháp một cách rộng rãi.....	252

3.8.3	Tạo thuận duyên cho vị thuyết pháp.....	253
3.9	Kết luận	255
4	SƠ LƯỢC LỊCH SỬ KẾT TẬP KINH ĐIỂN.....	259
4.1	Các kỳ kết tập kinh điển Phật Giáo	259
4.2	Sau khi Đức Phật nhập diệt	262
4.2.1	Kinh Gopaka Moggallāna (<i>Trung III</i> , bài 108)	262
4.2.2	Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (<i>Tăng III</i> , 649)	281
5	GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH PHÂN LOẠI NIKĀYA .	293
5.1	Duyên lành đời trước	293
5.2	Động cơ thực hiện công trình phân loại Kinh Nikāya	296
5.3	Những khó khăn trong quá trình phân loại Năm bộ Nikāya	298
5.4	Những phát hiện trong quá trình phân loại Nikāya .	302
5.5	Ngũ uẩn Trí và Ba mươi bảy Bồ-đề Phần	308
5.6	Các hình thức phân loại trong công trình này	311
5.6.1	Phần 1 – Nikāya theo Chủ Đề.....	312
5.6.2	Phần 2 – Nikāya theo Tìm Kiếm Khác	316
5.6.3	Phần 3 – Nikāya theo Tên Kinh.....	317

5.6.4	Phần 4 – Phân loại Kinh Tiểu Bộ Tập 1 và Tập 3	318
5.6.5	Phần 5 – Bốn Bộ Nikāya bằng PDF	319
5.7	Đặc điểm văn phong trong Kinh Nikāya bản dịch tiếng Việt	320
5.7.1	Đơn giản, ngắn gọn, súc tích	320
5.7.2	Tính lặp lại của văn nói và tính nguyên bản	321
5.7.3	Văn phong gần gũi với người Việt	322
5.7.4	Thuật ngữ Hán Việt trong bản dịch	322
5.7.5	Một vài ý kiến khác	323
5.7.6	Lời khuyên dành cho học giả, hành giả	325
5.8	Lời kết	329
5.9	Lời tri ân	330
5.10	Hồi hướng	333

VÀI NHẬN XÉT VỀ TẬP SÁCH TINH HOA NIKĀYA

Trước hết, tôi thành tâm cảm ơn sâu sắc đến đạo hữu Chơn Tín Toàn, tác giả của tập sách, đưa cho tôi đọc và nhận xét. Điều này đã cho tôi có một cái nhìn rõ nét về Tinh Hoa của Kinh tạng Nikāya.

Sau khi tốt nghiệp Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam Cơ Sở II, khóa I, tôi có duyên lành đi giảng dạy ở các Trường Phật học. Những gì được học về Kinh tạng Nikāya do Hòa thượng - Giáo sư Thích Minh Châu trao truyền, tôi tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy từ đó. Từ việc học giáo lý cho đến thực nghiệm bản thân đã mang đến cho tôi niềm pháp lạc, niềm tin và hướng đi của mình. Tôi thấy rằng được sống với những đạo lý chân truyền của Đức Phật là điều hạnh phúc nhất trong cuộc đời tu hành.

Điều khó khăn để hiểu và hành trì là không nắm bắt được hệ thống tư tưởng của Phật qua Kinh Nikāya, khó khăn hơn nữa là sự phân loại cụ thể trong vô vàn những bài kinh trong năm bộ Nikāya. Qua nhiều năm giảng dạy nghiên cứu, tôi dần nhận ra những phần cốt lõi trong Kinh

Nikāya, mỗi lần hiểu ra một vấn đề, ngộ thêm được một nghĩa là một lần hạnh phúc tràn ngập trong tâm.

Khi đọc tập sách Tinh Hoa Nikāya của Chơn Tín Toàn, tôi cảm động vô cùng vì nhìn thấy quá trình tư duy, khao khát tìm kiếm chân lý của mình trong đó. Đặc biệt, những vấn đề tôi thấy chưa rõ thì tập sách này đã nói đến rất rõ, những điều mình chưa tập trung cao độ thì tập sách này cho mình một hướng nhìn tập trung hơn, nhờ đó, thấy biết được rõ hơn con đường Thánh đạo.

1. Vấn đề cốt tủy của Nikāya

Căn cứ vào lời Phật dạy, tác giả đã cho ta cái nhìn rộng và xác định mục tiêu xuyên suốt của Đức Phật: “Chư Tử-kheo, xưa cũng như nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ” và sự khổ ấy được tập chú vào cái căn bản nhất: “Sự chấp thủ đối với năm uẩn là khổ”. Điều đó, theo tác giả của tập sách, có nghĩa là “Trước kia và nay, Đức Phật chỉ tuyên bố về Năm thủ uẩn và con đường diệt tận năm thủ uẩn”. Nhận định này cho ta thấy rõ nỗi khổ của cuộc đời chính là chấp thủ năm uẩn chứ không phải cuộc đời là khổ như mọi người thường nghĩ. Điều này rất quan trọng vì khi biết rõ cái khổ là gì, do cái gì tạo nên thì sự thực hành diệt khổ mới khả thi.

Ngoài ra, tác giả chỉ cho ta rằng sự thấy biết, sự phân tích, tư duy về năm uẩn tuần tự từ thô đến tế, từ thân tâm cho đến thế giới - Đó là trí tuệ để diệt tận khổ đau, trí tuệ ấy được gọi là Trí về Ngũ uẩn. Nhờ vậy, hành giả không bị lạc vào định nghĩa về trí tuệ một cách chung chung. Tác giả kết luận rằng: “Tinh thần chính của Nikāya là Trí về Ngũ uẩn, và đó là Trí mà Đức Phật đã chứng ngộ và trao truyền cho chúng sanh. Khi biết rõ như vậy Trí tuệ của hành giả sẽ không bị tản mác, không bị phân tán, không bị lạc lối trong rừng Kinh Nikāya”. Quả thực là điều khám phá quý báu.

2. Vấn đề Chánh pháp

Chánh pháp là gì? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời thỏa đáng cho mọi người. Nếu không xác định Chánh pháp là gì thì con đường tu hành sẽ có nhiều ngã ba đường và không thể đi đến mục đích. Tác giả dựa vào Kinh Nikāya để định nghĩa về Chánh pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian (có hiệu quả tức thời), đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu”. Tác giả đã phân tích rõ về định nghĩa Chánh pháp này và kết luận: “Pháp mà Đức Phật đã chứng ngộ, đã giảng dạy với thượng trí của Ngài đó chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy bồ đề phần và Tám Thánh đạo

phần”. “Ngay cả đến giây phút cuối cùng, trước khi nhập Niết-bàn, Đức Phật vẫn khẳng định lại rằng Ba mươi bảy bồ đề phần là những pháp mà Ngài đã chứng ngộ và giảng dạy lại cho đệ tử của Ngài. Ngài còn căn dặn đệ tử phải khéo học hỏi, khéo tu tập, khéo thực chứng và khéo truyền rộng Thánh pháp này để con đường chân chánh này được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng với đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Đó là Chánh pháp vì đây là con đường diệt khổ mà Đức Phật đã khẳng định: “Trước sau gì Ngài cũng chỉ giảng nói về Khổ và Con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ở đây là Ba mươi bảy bồ đề phần, không có con đường nào khác. Tác giả cũng dựa vào tuyên bố trong Kinh Nikāya để xác định thêm Chánh pháp là những gì Đức Phật đã chứng ngộ và đã giảng thuyết nên không thể tự tiện thêm bớt gì. Bất cứ một sự thêm bớt nào đều có thể làm loãng hoặc sai lệch chánh pháp này, đó là lời cảnh giác cần thiết cho các hành giả thời đại.

3. Tiến trình thành tựu Thánh đạo

Vấn đề mà tôi tâm đắc ở đây là sự thực hành trì, Bậc Đạo Sư đã có, con đường đã được thiết lập, đệ tử tu hành cũng có nhưng sự thành tựu đạo quả thì kẻ có người không,

thậm chí không nhiều hơn có... Tại sao? Bởi vì sự tu tập ấy không rõ ràng, không biết bắt đầu như thế nào hoặc ngay từ khi bắt đầu đã bị sai nên không có kết quả tốt đẹp.

Tác giả đã từng bước phân tích, có bốn bước được phân tích sâu để hành giả có thể thực tập, quán chiếu: Tu tập chánh kiến, Thể nhập chánh kiến, Như lý tác ý và Chánh tư duy, cuối cùng là các pháp còn lại trong Bát Chánh Đạo. Tác giả tập chú vào Chánh kiến và Chánh tư duy rất chi tiết và thuyết phục, rồi kết luận: “Phần trên là một số phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bẩn, những cấu uế. Khi đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, thì cái nhìn, cái thấy của hành giả sẽ sâu sắc, thiện xảo, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và vận dụng Như lý tác ý”. Tôi cho rằng điều này là đúng hướng như Đức Phật dạy trong Đại Kinh Bốn Mươi Pháp: “Chánh kiến đi hàng đầu trong mọi pháp môn”. Đồng thời lối tu này thể hiện sự thấy, sự biết rõ, khách quan và khoa học rất phù hợp cho lối tư duy hiện đại.

Bước thứ tư các pháp còn lại gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Trên cơ sở thành tựu Chánh kiến và Chánh tư

duy, các pháp còn lại được soi chiếu giữa chánh tà, đúng sai, các mức độ sâu cạn từng bước thành tựu, kể cả con đường Chánh định, các trạng thái tâm chứng cũng mô tả rõ. Tôi cho rằng rất lợi ích và tạo nhiều cảm xúc tích cực cho những người yêu mến con đường Thánh đạo này.

Tóm lại, với một vài nhận định như trên không thể nào đầy đủ được, nhưng với tấm lòng của người khao khát Chánh pháp, tôi rất tùy hỷ, đồng tình và tán dương việc làm đầy ý nghĩa của tác giả, với tập sách này Tôi cho rằng đây chính là Tinh Hoa của Nikāya.

Kính mong tập sách này sẽ sớm là cẩm nang cho những người con Phật đang trên con đường tu tập hướng về đạt thành các Thánh quả.

Chùa Từ Tâm, Sài Gòn, mùa An cư

PL.2563 – DL.2019

Tỳ-kheo **Thích Viên Giác**

1 LỘ TRÌNH TU TẬP TRONG NIKĀYA

1.1 Truy tìm đường lối tu tập hợp lý (logic)

Sanh tử luân hồi có mặt là do tâm bị nhiễm dục, nhiễm sanh hữu và nhiễm sự vẫn dục vô minh trong nội tâm. Sanh tử được chấm dứt là do tâm được giải thoát khỏi dục nhiễm, hữu nhiễm và vô minh nhiễm. Trạng thái tâm bị nhiễm dục (dục lậu), nhiễm sự sanh sản hiện hữu liên tục (hữu lậu), nhiễm sự vẫn dục không trong sáng (vô minh lậu), do tâm bị ba sự uế nhiễm này nên tâm phải chịu sự sanh tử liên tục, phải trầm luân trong sanh tử, phải chịu đựng những thống khổ do sanh tử mang lại. Nếu ai muốn chấm dứt những thống khổ do sanh tử mang lại thì phải đào thải ba uế nhiễm này khỏi nội tâm. Đó là logic là nguyên lý đưa đến sự chấm dứt sanh tử. Người tu đạo cần hiểu biết rõ điều này để định hướng cho mình một trí tuệ chân chánh và một đường lối tu đúng đắn, thích hợp trong việc đào thải những uế nhiễm trong nội tâm, đưa đến chấm dứt sanh tử.

Truy tìm đường lối tu đúng đắn thích hợp trong việc đào thải những cấu uế trong nội tâm:

- Muốn đào thải các cấu uế trong tâm thì cần phải nhìn thấy những cấu uế trong nội tâm.
- Muốn nhìn thấy những cấu uế trong nội tâm thì phải nhìn thấy rõ Ngũ uẩn vì những cấu uế này nằm trà trộn trong Ngũ uẩn.

- Muốn nhìn thấy rõ Ngũ uẩn thì phải nương theo lời chỉ dẫn về Ngũ uẩn của Đức Phật để nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân.

Như vậy, đường lối tu đúng đắn để đào thải những rác bần, cấu uế trong tự thân đó là:

- Cần học thuộc lòng những bài kinh định nghĩa về Ngũ uẩn mà Đức Phật đã chỉ dạy và nghe thêm bài giảng của những bậc thông tỏ trí về Ngũ uẩn, đây gọi là **Văn**.
- Sau đó, đưa những điều đã được học, đã được nghe vào quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, áp dụng như lý tác ý để nhận diện Ngũ uẩn và nhận diện những rác bần, cấu uế nằm trong Ngũ uẩn, đây gọi là **Tư**.
- Sau khi nhìn thấy rõ sự lộng hành của Ngũ uẩn và nhìn thấy rõ những cấu uế, rác bần nằm trong Ngũ uẩn thì hành giả tiếp tục Như lý tác ý “thực hành một đời sống với Tám cái đúng”, tức là đưa thân tâm vào trong sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn để đào thải những cấu uế rác bần này khỏi nội tâm, đây gọi là **Tu**.

1.2 Trình tự tu tập theo Văn Tư Tu

Như vậy, Văn Tư Tu là trình tự tu tập hợp lý, logic đi đến sự tẩy sạch những rác bần, những cấu uế trong nội tâm.

Văn và Tư là hai pháp đưa đến thành tựu chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân. Trong Kinh Hy Vọng (Tăng I, 160), Đức Phật đã nói: “*Có hai duyên làm chánh kiến sanh khởi. Đó là, Nghe tiếng của người khác và Như lý tác ý*”. Nghe tiếng của người khác là Văn và Như lý tác ý là Tư.

Khi nghe pháp, nghe giảng, chỉ dẫn từ bậc có chánh kiến hoặc từ những kinh sách chân chánh; kết hợp với sự tư sát, quán sát những điều đã được học, được nghe vào trong cuộc sống; phát giác phát hiện những điều đã được học, được nghe đúng với sự thật của những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Đó gọi là Nghe tiếng của người khác và Như lý tác ý. Hai pháp này phối hợp với nhau đưa đến sự thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu cái nhìn, cái thấy chân thật về tự thân và cuộc sống, thành tựu sự thấy biết đúng về tự thân và cuộc sống, đây gọi là Như thật tuệ tri.

Như thật tuệ tri có nghĩa là đúng với sự thật về tự thân và cuộc sống, đúng với sự thật về các pháp mà thấy, mà biết. Như vậy, như thật tuệ tri có nghĩa là trí tuệ thấy biết các pháp đúng như sự thật về các pháp. Người có cái nhìn, cái thấy, cái biết về các pháp đúng như sự thật của các pháp thì đó gọi là bậc có chánh kiến. Như vậy, khi Văn và Tư một cách chân chánh, đúng pháp thì chánh kiến đi đến thành tựu, vào được cánh cửa đầu tiên của phương pháp Tám đúng.

Lưu ý, bên cạnh đó, Đức Phật cũng đã nói: “*Có hai duyên làm tà kiến sanh khởi. Đó là, Nghe tiếng của người khác và Phi như lý tác ý*”. Như vậy, khi nghe pháp, nghe giảng, nghe chỉ dẫn từ người có tà kiến hoặc từ những nguồn kinh sách không chân chánh kết hợp với những tư tưởng, suy nghĩ, cảm xúc lệch lạc, vô minh của tự thân, hai pháp này phối hợp với nhau đưa đến sự thấy biết sai lầm về cuộc sống, thấy biết sai lầm về những gì đang diễn ra trong cuộc sống, đó gọi là tà kiến. Đó là hai duyên đưa đến sanh khởi tà kiến. Với người có tà kiến, có cái nhìn, cái thấy sai lệch về sự thật của các pháp, sai lệch về sự thật của tự thân, sai lệch về sự thật của cuộc sống thì cánh cửa đưa đến sự thoát khổ bị khép lại. Vị ấy sẽ phải luân quản triền miên trong dòng trầm luân của sanh tử. Đây là điều chua xót, là nỗi đắng cay trong sự tu học của tự thân khi gặp phải duyên *Nghe tiếng của người khác* từ một người có tà kiến, có sự hiểu biết sai lầm và từ những nguồn kinh sách không chân chánh, không phải từ bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết giảng.

Như vậy, trình tự tu tập theo Văn Tư Tu như sau:

1. Văn:

- Văn là nghe. Hành giả nghe kỹ những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, tìm hiểu kỹ Kinh Nikāya, xác định nguồn gốc Kinh Nikāya, nắm vững cốt tủy trong Kinh Nikāya, nắm vững pháp hành truyền

thông nguyên chất trong Nikāya; xác định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn và Phương Pháp Tám Đúng trong đạo lộ tu tập đưa đến sự giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não và khổ đau.

- Học thuộc lòng những bài kinh định nghĩa về Ngũ uẩn đã được Đức Phật chỉ dạy trong Nikāya như: Kinh Đấng Được Ăn, Kinh Thủ Chuyển, Kinh Bảy Xứ, Kinh Trăng Rằm, Kinh Niệm Xứ.
- Nghe bài giảng của các bậc thiện tri thức, những bậc thành tựu chánh kiến, giảng giải pháp theo sát định nghĩa về Ngũ uẩn trong kinh Nikāya, theo sát lời dạy nguyên chất của Đức Phật.

2. Tư:

- Tư là tư sát, là như lý tư duy, như lý tác ý. Hành giả đưa những điều đã được học, được nghe vào việc tư sát thân tâm, quán sát nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, tư sát sự vận hành của Ngũ uẩn trong cuộc sống, như lý tác ý về Ngũ uẩn theo đúng như lời dạy, lời chỉ dẫn của Đức Phật.
- Khéo tư sát, khéo quán sát, khéo nhìn sâu vào Ngũ uẩn, khéo như lý tác ý để phát giác phát hiện những thọ tướng hành tinh vi, phát hiện những rác bần, những cấu uế lậu hoặc, những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã nằm trà trộn trong Ngũ uẩn.

- Khéo tư sát, khéo quán sát để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn, Bốn Sự Thật về Lậu hoặc.

3. Tu:

- Tu là tu tập, là thực tập, là tập những giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà hành giả đã được nghe, đã được học từ lời dạy của Đức Phật.

Khi nói về Tu trong Văn Tư Tu thì hành giả cần nhớ hai từ Tu tập và Tu hành. Lời này có nghĩa là: Tu là phải tập, Tu là phải hành. Người tu là người phải thực tập, thực hành một đời sống trọn lành với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã hướng dẫn. Tức là phải thực tập, thực hành sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh. Tám sự chân chánh này là Tám pháp mà một người tu chân chánh cần phải thực hành trong đời sống của mình để điều chỉnh thân khẩu ý của mình đi vào một đời sống chân chánh, đúng pháp, có khả năng đưa đến đâm thủng vô minh, diệt tận vô minh, diệt tận khát ái, diệt tận tham sân si, bản ngã và diệt tận những rác bẩn, những pháp ác bất thiện thô tế trong nội tâm. Tám pháp chân chánh này được thâm nhiếp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Kinh Nikāya. Do đó, sau khi Văn và Tư như trên thì trong phần Tu, hành giả cần tu tập, thực tập, thực hành Tám pháp

chân chánh, đưa thân tâm vào trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn.

Như vậy, có ba sự tu tập mà một người tu chân chánh cần phải thực tập, thực hành, đó là tu tập giới hạnh, tu tập thiền định và tu tập trí tuệ.

- Trong phần tu tập Giới hạnh, hành giả tu tập, thực tập những giới hạnh, đức hạnh hiền thiện của một người tu. Hành giả *giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập các học giới, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc*. Bên cạnh những đức hạnh hiền thiện căn bản này, hành giả còn phải khéo tu tập những đức hạnh vi diệu, thanh cao, thánh thiện của một người con Phật chân chánh như: Hạnh hiền của Thánh nhân, hạnh bao dung rộng lượng; hạnh tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả; hạnh tâm như đất, nước, gió, lửa; hạnh diệt dục, hạnh diệt ngã, hạnh diệt ái, hạnh diệt sân; hạnh tầm quý, hạnh tha thiết, khao khát và không biết đủ trong các thiện pháp... Đó là những đức hạnh vi diệu, cao thượng, thánh thiện mà một người tu chân chánh cần phải tu tập, cần phải thực hành.

- Trong phần tu tập Thiền định, hành giả cần tu tập an tịnh thân tâm theo mười sáu hơi thở. Trong khi an trú tâm trong mười sáu hơi thở, hành giả tẩy sạch thân tâm khỏi năm triền cái, rồi từ đó hành giả đi vào sự tu tập Tứ thiền. Đường hướng tu tập thiền định như vậy là chân chánh, là đúng pháp, đúng với lời dạy của Đức Phật, đúng với cách thức tu tập sự định tâm của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Trong phần tu tập Trí tuệ, hành giả tu tập Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hành giả làm cho bốn trí tuệ này được thành tựu viên mãn trong hành giả. Bất cứ một sự vận hành, hoạt động, sanh khởi nào của sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều không lọt khỏi đôi mắt trí tuệ của hành giả. Thân tâm của hành giả được đưa vào trong đời sống với Tám sự chân chánh. Trong đời sống chân chánh này, hành giả tiếp tục tu tập sự quán sát Ngũ uẩn, nhận diện Ngũ uẩn, truy sát những căn bã, rác bần nằm trong Ngũ uẩn, diệt tận hết tất cả những căn bã, rác bần, cấu uế này khỏi nội tâm.

Sự tu tập giới hạnh, thiền định và trí tuệ như trên là ba sự tu tập chân chánh mà một người con Phật chân chánh cần phải thực tập, cần phải có trong đời sống tu hành của mình.

Về phần giới hạnh, chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau với những nét cơ bản cần tu tập về giới hạnh mà Đức Phật đã

nói trong Kinh Nikāya. Còn phần thiên định và trí tuệ thì chúng tôi đã trình bày trong tập sách này nên ở đây xin không giải thích thêm.

Như vậy, Văn Tư Tu là trình tự tu tập, là đạo lộ tu tập, là đường lối tu tập trên con đường đi đến sự diệt tận tham sân si, diệt tận những cấu uế trong nội tâm, tẩy sạch thân tâm, đưa thân tâm đi đến sự trong sạch, thanh tịnh, giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi phiền não và khổ trong sanh tử.

Tóm lại, đường lối tu đúng đắn để đào thải những rác bần, cấu uế trong nội tâm đó là con đường của Văn Tư Tu. Và phải Văn Tư Tu như trên thì mới có thể đi đến lậu tận, đi đến sự đào thải những cấu uế lậu hoặc khỏi nội tâm, đạt đến sự chấm dứt sanh tử. Người con Phật cần xác định rõ đường lối Văn Tư Tu này để không lầm đường lạc lối khi nghe thấy nhiều sự hướng dẫn tu học trong đạo Phật ngày nay.

Vì vậy, để tránh cho người con Phật những lầm lạc đáng tiếc trong một đạo Phật phát triển tràn lan như ngày nay, khi đến với đạo Phật, người con Phật cần nắm vững, cần biết rõ và cần xác định rõ những điều sau:

- Mục đích của đạo Phật là đi đến sự chấm dứt sanh tử.

- Mục đích của đạo Phật là diệt tận dục, ái, bản ngã, tham, sân, si.
- Mục đích của đạo Phật là giải thoát tâm khỏi các cấu uế lậu hoặc.
- Mục đích của đạo Phật là giải thoát tâm khỏi tất cả những phiền não và khổ đau.
- Mục đích của đạo Phật là thanh lọc sạch một nội tâm cấu bản.
- Con đường đưa đến đạt được mục đích này chính là **“Văn Tư Tu một đời sống với Tám Cái Đúng”**, tức là phải thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách.
- Tổng quan của đạo lộ tu tập đưa đến giải thoát chính là **Giới Hạnh**, Thiền **Định** và Trí **Tuệ**. Người không thấy, không biết, không tu tập, không thành tựu Thánh giới, Thánh định, Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát mà Đức Phật đã hướng dẫn thì khó lòng mà mơ tưởng đến một ngày chấm dứt được luân hồi sanh tử, phiền não và khổ đau.

Đó là những điều mà người con Phật chân chánh cần ghi khắc trong tâm, cần ghi nhớ trong lòng. Người con Phật cần xác định rõ “mục đích của đạo Phật và đường lối tu tập trong đạo Phật” để có một định hướng rõ ràng cho mình

khi quyết định đi theo con đường của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

1.3 Tiến trình thành tựu Pháp Tám Đúng

1.3.1 Bước 1: Tu tập Chánh Tri Kiến

Theo bài kinh trên thì hai duyên để Chánh kiến sanh khởi hay hai pháp cần phải tu tập, thực hành để sanh khởi chánh kiến, đó chính là: “Nghe người khác nói và Như lý tác ý”.

Trong phần “Nghe người khác nói” tức là: Nghe lời Đức Phật chỉ dạy trong kinh, nghe những bài giảng chân chánh, đúng pháp từ những người con chân chánh của Đức Phật, những bậc thiện tri thức, những vị đã thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu sự thấy biết chân chánh về tự thân. Đó là duyên thứ nhất để sanh khởi Chánh kiến.

“Như lý tác ý” tức là tác động tâm ý tư duy, quán sát thân tâm, quán sát cuộc sống theo đúng như chân lý, theo đúng như sự thật về thân tâm, về cuộc sống mà mình đã được nghe trong lời giảng dạy của Đức Phật và của các bậc thiện tri thức.

- Nghe tiếng của người khác, đây gọi là Văn.
- Như lý tác ý, đây gọi là Tư.

Trong phần Văn hay trong phần “Nghe tiếng của người khác” hành giả cần phải nghe nhiều bài kinh nguyên chất

của Đức Phật nói về Chánh kiến, về đạo lộ tu hành và hành giả cũng cần phải nghe nhiều bài giảng của những bậc thiện tri thức đã thành tựu Chánh kiến. Sau khi nghe kỹ, nghe tới nghe lui nhiều lần, hành giả cần nắm giữ những điều đã được nghe, ghi nhớ những điều đã được nghe, tích tập những điều đã được nghe. Đối với các pháp hiền thiện chân chánh từ đầu cho đến cuối, có nghĩa, có văn, hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, đối với các pháp như vậy hành giả được nghe nhiều, được thọ trì, đã được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ sự thấy biết chân chánh.

Trong phần Văn, hành giả cần nhớ rằng: Thái tử Tất Đạt Đa xuất gia là vì mục đích muốn thoát khỏi sanh tử. Do đó, khi Ngài thành đạo và đạo Phật được hình thành thì mục đích của đạo Phật cũng chính là đạt được sự chấm dứt sanh tử. Vì vậy, khi đến với đạo Phật, hành giả cần nắm biết rõ mục đích của đạo Phật, cần tìm hiểu kỹ về sanh tử, thế nào là sanh tử, cái gì là sanh tử, cái gì đang phải chịu sự sanh tử, duyên tập khởi của sanh tử, duyên đoạn diệt của sanh tử và phương pháp tu tập chân chánh đưa đến chấm dứt sanh tử. Trong phần Văn, hành giả cần nắm hiểu rõ những vấn đề này, hành giả cần tìm được mối liên hệ giữa luân hồi sanh tử với phiền não khổ đau, với Năm thủ uẩn và với Bốn Sự Thật về Khổ. Khi nào tất cả mọi vấn đề trên đã được hành giả hoàn toàn sáng tỏ, hành giả không còn nghi

ngờ gì, không còn thắc mắc gì trong các vấn đề này. Khi ấy, hành giả thành tựu phần Văn trong Văn Tư Tu, hành giả có thể bắt tay vào việc Như lý tác ý để nhận diện Ngũ uẩn.

Trong phần Tư hay trong phần “Như lý tác ý”, hành giả cần đưa những điều đã được nghe, đã được học trong kinh sách, trong lời giảng dạy của bậc thiện tri thức vào quán sát thân tâm để tìm hiểu sự thật về những điều đã được nghe trong thực tế của thân tâm, thực tế của cuộc sống. Hành giả đem những điều đã được nghe từ bậc Chánh Đẳng Giác để đối chiếu với thân tâm, đối chiếu với cuộc sống để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng những sự thật này. Đó gọi là như lý tác ý.

Ví dụ, trong Kinh Đấng Được Ăn, Đức Phật đã định nghĩa về thức: *“Rõ biết nên gọi là thức”*. Sau khi được đọc, được nghe như vậy, hành giả áp dụng nhận diện sáu thức trong thực tế thân tâm hay thực tế cuộc sống. Đó gọi là Như lý tác ý. Với sự thực hành như vậy, hành giả đang hướng đến Chánh tri kiến, đang tu tập Chánh tri kiến.

1.3.2 Bước 2: Thể nhập Chánh Tri Kiến

Trong giai đoạn tu tập để thể nhập Chánh kiến về tự thân, sự Như lý tác ý của hành giả chính là sự tác ý tập nhận diện Ngũ uẩn thường xuyên trong ngày, tác ý nhận diện Ngũ

uẩn lúc bình thường, nhận diện Ngũ uẩn lúc đục khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc ái khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc sân khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc si khởi, nhận diện Ngũ uẩn lúc thiên bị vọng tưởng, lúc thiên bị hôn trầm, lúc thiên được an tịnh, tỉnh giác, nhận diện Ngũ uẩn lúc bản ngã khởi, nhận diện Ngũ uẩn khi ăn, khi nói, khi vui chơi, khi đi, đứng, nằm, ngồi, thức, im lặng... Đây là giai đoạn nhận diện Ngũ uẩn để thấy biết rõ tự thân, để thành tựu Chánh kiến về tự thân.

Khi hành giả thuần thục trong sự nhận diện Ngũ uẩn, tức đã thấy biết duyên sanh và duyên diệt của chúng, đã thấy biết rõ phương pháp tu tập chân chánh để chế ngự, nhiếp phục lòng dục, lòng ái, lòng tham sân si đối với Ngũ uẩn. Trí về Ngũ uẩn nơi hành giả tỏa sáng thường trực, mọi hoạt động, mọi sự sanh khởi của dục, ái, tham, sân, si, bản ngã nằm trong Ngũ uẩn đều được hành giả thấy biết, phát hiện, nhận diện, gọi tên chính xác rõ ràng, không một hoạt động nào của Ngũ uẩn có thể qua mặt được hành giả. Khi ấy, hành giả đã thành tựu phần Tư trong Văn Tư Tu, Chánh tri kiến trong hành giả được thành tựu viên mãn, hành giả được gọi là bậc đã thể nhập Chánh kiến, đã thể nhập Dự lưu Thánh quả, đã bước vào dòng Thánh, đã đứng gõ vào cửa bất tử.

1.3.3 Bước 3: Như lý tác ý và Chánh Tư Duy

Khi tham, sân, si, dục, ái, bản ngã sanh khởi, hành giả tác ý nhận diện Ngũ uẩn và tác ý nhìn sâu vào trong Ngũ uẩn để phát giác, phát hiện ra hành tướng của những rác bần này trong nội tâm rồi tiếp tục Như lý tác ý để diệt tận những cấu uế này khỏi nội tâm.

Như vậy, như lý tác ý được thực hiện như sau:

- Như lý tác ý định nghĩa Ngũ uẩn từ lời Phật dạy để nhận diện Ngũ uẩn trong tự thân, nhận diện những cấu uế đang có mặt trong thân tâm, để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu Chánh tri kiến.
- Như lý tác ý để đào thải tham, sân, si, dục, ái, bản ngã, đào thải những rác bần, những cấu uế còn tồn đọng trong nội tâm, làm sanh khởi, phát triển và thành tựu Chánh tư duy. Tức là, sau khi Chánh tri kiến được thành tựu thì những tư duy về ly dục, tư duy về ly sân, tư duy về bất hại sẽ dần được sanh khởi, phát triển và thành tựu viên mãn. Sự thành tựu về Chánh tư duy cũng là sự thành tựu về Như lý tác ý.

1.3.4 Bước 4: Các pháp còn lại tiếp tục thành tựu

Khi Chánh tri kiến về tự thân được thành tựu thì Chánh tư duy cũng bắt đầu được sanh khởi, được phát triển và rồi đi đến sự thành tựu viên mãn.

Khi Chánh tư duy được sanh khởi, được phát triển và được thành tựu, tâm hành giả hướng nội, luôn quán sát thọ, tưởng, hành trong nội tâm, khi đối duyên xúc cảnh, hành giả bắt đầu có sự kiểm soát chặt chẽ lời nói của mình. Khi thấy mình có những lời nói bất thiện do vô minh, do tập khí, do thói quen, hành giả quyết tâm từ bỏ những lời nói bất thiện, không đúng pháp của một người tu chân chánh. Hành giả dần tu tập sự từ bỏ nói dối, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ lời nói độc ác, từ bỏ lời nói nhảm nhí, nói thêu dệt, nói phù phiếm. Những lời nói không chân chánh trong vô minh, trong tập khí, trong thói quen của hành giả dần được từ bỏ, hành giả dần đi đến thành tựu sự hiền thiện, sự chân chánh, sự đúng pháp trong lời nói, trong khẩu hành. Như vậy, hành giả dần đi đến thành tựu Chánh ngữ.

Tóm lại, khi trí tuệ về tự thân đã được khai mở, đã được thông tỏ, đã được sáng tỏ hoàn toàn; khi sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong hành giả đã được thấy biết trọn vẹn thì suy nghĩ, lời nói, hành động, sự kiếm sống nuôi mạng, sự siêng năng chân chánh, sự quán niệm chân chánh và sự

định tâm chân chánh. Tất cả những thiện pháp này sẽ dần được thành tựu trong hành giả.

Khi trí tuệ về tự thân được sáng tỏ, khi Chánh kiến về tự thân được thành tựu thì ánh sáng trí tuệ này, Chánh kiến này sẽ chiếu soi và dẫn đường cho tất cả mọi hoạt động, mọi sự tu tập về thân khẩu ý của hành giả. Trong phạm vi của phần này, chúng tôi xin chỉ giới thiệu tóm lược về hành trình đi đến sự thành tựu Pháp Tám Đứng như trên.

1.4 Ví dụ cách xử lý khi Sân sanh khởi

Ví dụ, khi hành giả phát hiện nội tâm có cảm giác khó chịu, bực bội, tức giận, sân giận khởi lên, hành giả thực hành như sau:

1.4.1 Nhận diện sân

Hành giả nhìn thẳng vào trong cảm giác đó, nhận diện cảm giác sân đang xuất hiện chỗ nào trên thân, độ lớn nhỏ của cảm giác sân, độ mạnh yếu của cảm giác sân. Thọ tâm có sáp nhập với thọ thân hay không, nếu có thì độ sáp nhập nhiều hay ít? Đi cùng trong cảm thọ sân này là tưởng sân và hành sân đang có mặt, và chúng đang vận hành thế nào; thức lúc này là như thế nào; sắc thân lúc này có thay đổi sắc diện hay không; gương mặt đang thế nào, ánh mắt đang thế nào, các cơ trên mặt đang thế nào, tay chân đang thế

nào... Hành giả tập nhận diện tất cả các hành tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức khi sinh xuất hiện, khi sinh khởi. Hành giả cần nhận diện cảm giác dục trong khi sinh, xem kỹ cảm giác này có thúc giục, có xúi giục, có bức ép mình phải nói vậy, làm vậy để trả đũa, trả lời, phản đối, phản ứng với điều được thấy, được nghe, được cảm giác, được hay biết vừa rồi hay không...

Nếu tướng sinh và hành sinh lộ diện một cách thô thiển thì hành giả dễ dàng nhìn ra. Trường hợp nếu tướng sinh và hành sinh là vi tế, ngấm ngấm, mập mờ, khó thấy thì thật khó để hành giả có thể nhìn ra. Khi ấy, hành giả tập nhìn sâu vào trong cảm giác sinh, lắng tâm để lắng nghe, để đọc được những thâm ý, những bóng dáng mập mờ trong cảm thọ sinh.

1.4.2 Phát hiện các thâm ý, tìm nguyên nhân sinh

Khi lắng tâm để đọc hiểu được những thâm ý vi tế ngấm ngấm trong cảm thọ sinh. Khi ấy, hành giả sẽ phát hiện ra trong cảm thọ sinh vi tế này là những thâm ý chống đối, bất mãn, không hài lòng vì bị trái ý nghịch lòng, vì người liếc mình, vì người bất kính với mình, vì người vậy khác với mình, vì mình có thành kiến, định kiến với người, vì bản ngã bị đụng chạm, vì không hài lòng với điều này việc kia... Đó là những thâm ý nằm trong cảm giác sinh và đó cũng là những nguyên nhân làm cho sinh khởi. Hành

giả tập lắng nghe, tập đọc hiểu những thâm ý ngấm ngấm vi tế này.

1.4.3 Như lý tác ý giải tỏa các thâm ý, giải tán các cảm giác

Sau khi nhận diện những nguyên nhân sinh khởi, hành giả Như lý tác ý để diệt các nguyên nhân sinh, phá trừ những thâm ý chấp trước, dính mắc, trói buộc. Như lý tác ý là cách để phá trừ những Tà tư duy và tu tập Chánh tư duy.

Ví như, khi biết sinh khởi là do mình không hài lòng về lời nói của người, hành giả cần Như lý tác ý như sau: *“À, sinh này sinh khởi là do mình bực về lời nói của người. Nhưng bực như vậy để làm gì, có được gì đâu, chỉ làm cho tâm sinh trong mình tăng trưởng thêm mà thôi! Thật không xứng với Thánh hạnh mà mình đang tu tập... Sao mình lại muốn người nói theo ý mình, làm theo ý mình được... Mình là ai mà lại đòi hỏi người khác theo ý mình... Mình chẳng là ai cả trong cuộc đời này... Mình chỉ là khối hôn mê, vô minh và mê muội... Mình chỉ là sự vô thường, tạm bợ và mong manh... Thôi, hãy tan biến đi cảm giác sinh này... Thôi, hãy thành mây thành khói đi cảm giác sinh này... Hãy thành hư không đi, hãy tan vào hư không đi, cảm giác sinh này... ”.*

Như vậy, cách Như lý tác ý trên có ý nghĩa như sau: Trước hết, hành giả dùng trí tuệ để giải phá những thâm ý chấp trước trong nội tâm. Sau đó, tác ý hướng những thâm ý, những nguyên nhân sân, những cảm thọ sân đưa chúng đi đến sự giải tỏa, giải tán, tan biến thành mây khói, tan biến vào hư không, không để chúng tiếp tục tồn đọng, tồn ứ trong thân tâm.

Đó gọi là Như lý tác ý để diệt sân. Như vậy, tùy theo những thâm ý nằm trong cảm giác sân hay những nguyên nhân sân sanh khởi mà hành giả khéo vận dụng trí tuệ, khéo tác ý để dập tắt những thâm ý này, rồi sau đó hành giả tiếp tục tác ý để phá tan khối cảm giác sân đang tồn ứ trong thân tâm.

1.4.4 Pháp “Bỏ mặc”

Nếu sau khi đã khéo Như lý tác ý diệt tận thâm ý sân, rồi đến tác ý để phá tan khối cảm thọ, dù đã khéo tác ý để phá cảm thọ nhưng khối cảm thọ khó chịu trong thân vẫn không tan hết được vì tập khí sân, sự tích tụ sân, hàng tồn kho của sân trong hành giả vẫn còn nhiều, còn nặng nề, còn sâu sắc quá. Khi ấy, hành giả tiếp tục Như lý tác ý như sau: *“Này cảm thọ sân, ngươi vẫn còn chưa tan u, vậy ngươi hãy ở đó đi, ta đi làm công việc của ta”*.

Khi tác ý như vậy, hành giả biết rõ cảm giác sân là vô thường, nó sanh rồi sẽ diệt và một khi tâm này đã không tiếp tay cùng nó, không hòa đồng hòa nhập trong nó. Nó sẽ không có chân đứng trong tâm, và như vậy, nó lại càng mau chóng tan biến hơn. Hành giả biết cảm thọ này là vô thường, biết cảm thọ này là tiêu vong, biết cảm thọ này là hoại diệt. Hành giả tác ý để nó ở đó, rời bỏ nó và đi ngồi thiền hoặc làm những công việc mình nghĩ là hợp thời. Một lúc sau, nó sẽ tan biến hoàn toàn. Bài học này sẽ cho hành giả biết rằng, cảm thọ sân trong hành giả vẫn còn nhiều lắm, hàng tồn kho về sân trong hành giả vẫn còn nhiều, nhưng sự khéo thấy biết, khéo tác ý và khéo tu tập trong hành giả như vậy cũng đã là tạm ổn rồi.

1.4.5 Pháp “Lấy độc trị độc”

Lại nữa, khi cảm thọ sân sanh khởi, hành giả tác ý tìm nguyên nhân sự sân này. Sau khi tìm ra được nguyên nhân, hành giả tác ý cho sanh khởi sự không đồng ý với sự sân này, không hài lòng với sự sân này: *“Này thọ sân, này tâm sân, này sự bực bội, người đã sân si bực bội tức giận như vậy bao nhiêu lâu rồi, bao nhiêu đời rồi, bao nhiêu kiếp rồi?... Sân si như vậy chưa đủ sao?... Đau khổ như vậy chưa đủ sao?... Sanh trong địa ngục như vậy chưa đủ sao?... Bây giờ người còn tiếp tục sân si, còn định đưa ta vào địa ngục nữa sao, còn định tiếp tục làm khổ ta nữa*

sao?... Thôi đủ rồi này tâm sân... Thôi đủ rồi này thọ sân... Thôi đủ rồi này sự bực bội, ngươi đừng làm khổ ta nữa... Ngươi đừng giết hại ta nữa... Ngươi đừng đưa ta vào địa ngục nữa... Ta sợ ngươi rồi... Ngươi hãy tan biến đi... Ngươi hãy thành mây, thành khói, thành hư không đi... Ngươi hãy diệt tận hoàn toàn đi... ”.

Sự tác ý như vậy chính là pháp thứ năm trong đoạn tầm pháp môn mà Đức Phật đã giảng dạy trong bài Kinh An Trú Tầm (Trung I, bài 20): “*Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục, và đánh bại. Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi tác ý hành tướng các tầm và sự an trú các tầm ấy, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm. Nhờ nghiêng răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm, các ác bất thiện tầm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ trừ diệt chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh”.*

Pháp hành này cũng gọi là “lấy độc trị độc, lấy sân trị sân”. Ví như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai, có thể chế ngự, nhiếp phục và đánh bại, hành

giả cho mình khởi lên sự tức giận đối với lòng sân, hành giả dùng tâm nắm lấy thọ sân này quất vào nó những nhát roi thật mạnh, không cho phép nó được tiếp tục sân với người, cảnh, vật bên ngoài; vạch trần sự nguy hiểm, sự tai hại của nó và tác ý giải tỏa nó hoàn toàn, biến nó thành hư không, không cho nó tiếp tục sanh khởi trong tương lai.

Như vậy, hành giả cho mình tức giận với lòng sân, chứ quyết không để tâm này đi sân hận với sáu trần bên ngoài, quyết không để tâm này đi tàn phá người xung quanh và quyết không để tâm này đưa mình vào địa ngục. Đây gọi là “*lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm*”, hành giả dùng tâm với tuệ lực hùng hậu, mạnh mẽ để chế ngự, nhiếp phục và đánh bại những thọ, tướng, hành sân hận trong tâm.

Điều đặc biệt trong pháp hành này là tuy hành giả cho mình khởi lên sự tức giận với lòng sân nhưng tâm hành giả không tăng trưởng sự sân hận. Không những vậy, hành giả còn có một hỷ lạc nhẹ nhàng thâm sâu bên trong do trí tuệ đã nhiếp phục được lòng sân trong mình, hành giả không còn cho phép mình sân hận, bực bội với người, cảnh, vật bên ngoài mà hành giả chuyên chú trong việc nhiếp phục lòng sân bên trong mình, không cho phép lòng sân được tồn tại, được tiếp tục sân hận với bất cứ điều gì trên đời. Tiếp tục như vậy, hành giả sẽ thấy lòng sân trong mình

giảm thiểu và đi đến diệt tận. Pháp hành này là hành giả đã khéo vận dụng chánh tinh tấn, chánh tư duy, chánh tri kiến để nhiếp phục tâm sân.

Đây gọi là hành giả đã có sự tinh tấn siêng năng, chứ không phải tinh tấn hạ liệt. Hành giả đã có sự nhiệt tình, có sự xấu hổ, không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, không cho đi đến hiện hữu những tâm tư hướng đến dục, ái, tham, sân, si. Đúng với lời dạy của Đức Phật trong Kinh Hành (*Tăng I, 572*)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi hay khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, đứng, ngồi, nằm có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, hay khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, đứng, ngồi, nằm có sở hành

như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng, tinh cần tinh tấn siêng năng.

*- Nếu khi đi khi đứng
 Khi ngồi hay khi nằm
 Khởi lên các ác tâm
 Liên hệ đến gia đình
 Thực hành theo ác đạo
 Mờ ám bởi si mê
 Vị Tỷ-kheo như vậy
 Không chứng Vô thượng giác.
 - Ai khi đi khi đứng
 Khi ngồi hay khi nằm
 ĐIỀU PHỤC ĐƯỢC TÂM TU
 Ưa thích tâm chỉ tịnh
 Vị Tỷ-kheo như vậy
 Chứng được Vô thượng giác”.*

1.4.6 Pháp “Diệt sân từ xa”

Lại nữa, hành giả có thể tác ý diệt sân từ xa, tức là khi sân chưa sanh khởi, hành giả tập tác ý ghê sợ lòng sân, ghê sợ tâm sân, ghê sợ cảm giác sân. Hành giả tác ý rằng tâm sân đưa mình đi vào địa ngục, đưa mình đi vào súc sanh, ngựa quỳ, cối khổ, cảnh người xấu xí, khổ đau, hành giả không

muốn mình tiếp tục bị sân dẫn đi trong cõi khổ, hành giả muốn từ bỏ sân, muốn nhiếp phục sân, muốn chấm dứt sân.

Khi sân chưa sanh khởi, hành giả tác ý nhớ về những lần sân đã xảy ra với mình, nó đã làm cho mình khổ như thế nào, lời nói và hành vi không kiềm chế như thế nào, tạo thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp như thế nào, xấu hổ và nhục nhã như thế nào... Hành giả tập cho mình run sợ trước sự sân, run sợ trước thọ sân, run sợ trước tâm sân này, hành giả không còn muốn sân tiếp tục sanh khởi và lộng hành trong mình nữa. Hành giả tập run sợ một cách thật sự, run sợ một cách chân thật, chân thành trước những cảm giác sân hận, hờn giận, bực bội, tức tối, khó chịu, hiềm hận, thù hận, oán thù. Hành giả có thể thâm đọc, thâm nhắc nhở mình, thâm cảnh báo mình hãy lánh xa sự sân hận, thù hận, tức giận trong tâm như sau:

QUÁN DIỆT SÂN

Ta sợ người quá, thọ sân
 Người độc ác nhất trên đời
 Người đưa ta vào địa ngục
 Người đưa ta vào khổ đau.

Người độc ác quá, thọ sân
 Người tàn sát cuộc đời này
 Đời này bị người thống trị

Đời này thống khổ vì nguoi.

Ta lạy nguoi đó, thọ sân
Nguoi đừng sanh nữa trên đời
Hãy tan biến dùm đi nhé
Biến tan khỏi thân tâm ta.

Ta lạy nguoi, tham sân si
Kẻ thiêu đốt cuộc đời này
Hãy dừng bàn tay độc ác
Hãy tan biến khỏi đời ta.

Ta lạy nguoi, tham sân si
Đề ta yên ổn đi nào
Không tham sân gì nữa cả
Ngọt ngào, lắng dịu, bình yên.

Bình yên, lắng dịu, ngọt ngào
Thọ này ngọt dịu làm sao
Không sân, thật là dễ chịu
Không tham, tâm thật dịu êm.

Đây là bài dùng để Như lý tác ý diệt trừ những cảm thọ, cảm giác sân hận, tức giận trong lòng, làm chuyển hóa những cảm giác này, hướng cảm giác sân đi đến sự tan biến

và làm cho tâm sanh khởi những cảm giác ngọt ngào, lắng dịu, an lạc, bình an. Hành giả có thể học thuộc bài này để quán diệt lòng sân ngay cả khi chúng chưa sanh khởi. Nếu thấy bài dài thì hành giả cố gắng học thuộc ba đoạn sau:

“Ta sợ người quá, thọ sân
 Người độc ác nhất trên đời
 Người đưa ta vào địa ngục
 Người đưa ta vào khổ đau.

Ta lạy người đó, thọ sân
 Người đừng sanh nữa trên đời
 Hãy tan biến dùm đi nhé
 Biến tan khỏi thân tâm ta.

Ta lạy người, tham sân si
 Để ta yên ổn đi nào
 Không tham sân gì nữa cả
 Ngọt ngào, lắng dịu, bình yên.”

1.4.7 Khởi Tâm Từ

Lại nữa, nếu sau khi đã khéo Như lý tác ý diệt tham ý sân, phá cảm giác sân, thọ sân trong tâm đã tan biến, nhưng thọ sân trong thân vẫn còn ức, vẫn còn nặng trong thân, khí sân nơi thân vẫn còn, nhưng tâm đã hoàn toàn không còn thọ

sân. Khi đó, hoặc hành giả tác ý bỏ mặc cảm thọ khó chịu còn tồn đọng trong thân như đã nói ở trên, hoặc hành giả “tiếp tục Như lý tác ý” cho sanh khởi từ tâm. Hành giả tác ý tâm từ với tự thân, làm khởi lên tình thương với chính mình.

Hành giả thấy thương mình trong sự tác ý như sau: “*Đã vô lượng kiếp rồi mình đã bị những cảm giác sân này sanh khởi, khống chế, hành hạ, điều khiển, ức chế, áp bức, thống trị mình, khống chế mình, đàn áp mình, mình không có được tự do, mình không có được sự bình yên vì những cảm giác sân này... Đôi khi có những chuyện mình không muốn sân nhưng mà thọ vẫn cứ sân, rồi xúi giục mình làm những điều đưa đến đau khổ cho mình, đau khổ cho người, rồi chịu những nhân quả, nghiệp báo khổ đau... Thương thay cho mình trong dòng sanh tử luân hồi trăm luân này... Thương thay cho mình trong những cảm giác sân hận, hờn giận, tức giận, hơn thua, bản ngã, ích kỷ, ta đây này... Thương thay cho cái thế giới hôn mê, si ám, đầy dẫy tham, đầy dẫy sân, đầy dẫy si này... Thương thay cho những cuộc đời chìm đắm trong vô minh, trong phiền não và trong khổ đau... ”*

Cần lưu ý, tác ý tâm từ chỉ có thể thực hiện được sau khi đã giải phá được thọ sân trong tâm và bây giờ chỉ còn lại thọ khó chịu trong thân, tâm đã hết sân. Sự khéo tác ý ở đây chính là sau khi đã khởi tâm từ thương xót chính mình,

hành giả tiếp tục tác ý mở rộng tình thương, mở rộng từ tâm ra với cuộc đời này, với thế giới này, làm cho cảm thọ từ mẫn rộng mở và lan tỏa cùng khắp thế giới, cùng khắp các chúng sanh. Khi ấy, cảm thọ từ mẫn này sẽ thay thế, sẽ chiếm chỗ hoàn toàn, sẽ đẩy lui hoàn toàn, sẽ diệt tận hoàn toàn cảm thọ sân còn tồn đọng trong thân khi nãy. Mỗi khi thọ sân sanh khởi, hành giả tác ý và diệt tận thọ sân như vậy, không hòa nhập trong thọ sân, không tiếp tay cho thọ sân, thiện xảo đào thải thọ sân như vậy thì dần dần lòng sân trong hành giả đi đến giảm thiểu và đi đến diệt tận hoàn toàn.

Đây gọi là sự khéo tu tập, khéo Như lý tác ý, khéo vận hành Chánh tri kiến, Chánh tư duy và Chánh tinh tấn.

1.4.8 Đại lộ rộng lớn

Trên đây là một số những phương cách thiện xảo, khéo nhận diện, khéo như lý tác ý, khéo vận dụng Chánh tri kiến, Chánh tư duy để chế ngự, nhiếp phục và đào thải hoàn toàn khỏi nội tâm những cặn bã, những rác bần, những cấu uế.

Khi hành giả đã bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến thì cái nhìn, cái thấy và trí tuệ của hành giả sẽ sâu sắc, tinh tế, uyển chuyển trong sự vận dụng Chánh tư duy và Như lý tác ý. Khả năng vận dụng, phát triển, khai mở Như lý tác ý trong ly dục tư duy, ly sân tư duy và bất hại tư duy

của hành giả trở nên thiện xảo và có thể đạt được mức tối cao, mức tận cùng trong Như lý tác ý. Khi ấy, hành giả sẽ thấy rằng con đường Tám đúng, pháp hành Tám đúng, đạo lộ Tám đúng là một Đại lộ rộng lớn, một đường lối tu tập có khả năng làm cho trí tuệ của hành giả có thể bùng nổ và khai mở đến tận cùng trong sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm và nhiếp phục những rác bần, cấu uế trong thân tâm.

1.4.9 Kết luận

Tóm lại, khi những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã sanh khởi hành giả khéo nhận diện Ngũ uẩn, khéo nhận diện tướng trạng của những rác bần trong nội tâm, thiện xảo Như lý tác ý trong nhiều phương diện, thiện xảo chế ngự, nhiếp phục, từ bỏ chúng, đào thải chúng khỏi thân tâm. Tinh cần như vậy, hành giả sẽ dần dần đào thải khỏi thân tâm những rác bần, những lậu hoặc, cấu uế.

Sự khéo Như lý tác ý như trên cũng là sự nở hoa của Chánh tư duy sau khi Chánh tri kiến được khai mở, được thành tựu. Khi Chánh tri kiến được thành tựu thì những dòng suy nghĩ, suy tư chân chánh trong hành giả sẽ dần xuất hiện, tức là Chánh tư duy dần xuất hiện. Vì sao?

Khi những dục, ái, tham, sân trong tâm không được tâm thấy biết trọn vẹn thì tâm không hướng đến sự từ bỏ, đào

thải chúng. Nhưng khi những dục, ái, tham, sân trong tâm được tâm thấy biết rõ ràng thì tâm sẽ tầm quý, sẽ xấu hổ, tủi nhục, nhàm chán, ghê sợ chúng, tâm không còn muốn tiếp tục nuôi dưỡng, tích trữ những rác bần, những cấu uế này. Những dòng tư duy, suy nghĩ, tác ý hướng về sự ghê sợ dục, ghê sợ sân, ghê sợ si. Đây gọi là những suy nghĩ chân chánh, Thánh thiện bắt đầu sanh khởi, và những dòng suy nghĩ này sẽ đẩy lùi những suy nghĩ suy tư hướng về dục, hướng về sân, hướng về ngu si. Tức là khi Chánh tri kiến được thành tựu thì Chánh tư duy sẽ sanh khởi và sẽ thay thế chỗ của Tà tư duy, sẽ đào thải Tà tư duy hoàn toàn khỏi nội tâm.

1.5 Lộ trình tu tập

1.5.1 Kinh Gaṇaka Moggallāna (*Trung III*, bài 107)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthī, Pubbārāma (Đông Viên), nơi lâu đài của Migāramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallāna đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migāramātu này,

có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng.

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bắn cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bắn cung.

Cũng vậy, Thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: “Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần”. Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.

- Có thể trình bày chăng, thưa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?

- Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác.

*Cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: “Hãy đến Tỳ-kheo, **hãy giữ giới hạnh**, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới”.*

*Này Bà-la-môn, khi vị Tỳ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỳ-kheo, **hãy hộ trì các căn**, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỳ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỳ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý*

căn”.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn”.

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “Hãy đến Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp”.

Này Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: “Hãy đến Tỷ-

*kheo, **hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác**, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác”.*

*Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: “**Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng**, tịch tịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng rom”. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch tịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đóng rom. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt:*

- *Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.*
- *Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.*
- *Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.*
- *Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội*

tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc.

- *Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.*

Sau khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt:

- *Vị ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.*
 - *Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
 - *Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tinh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.*
 - *Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.*
- ❖ *Này Bà-la-môn, đối với những Tỷ-kheo nào là **bậc hữu học**, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.*
- ❖ *Còn đối với những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã*

làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?

– Nay Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?

– Nay Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông: Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rājagaha (Vương Xá)?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rājagaha.

– Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rājagaha, người này đến Ông và nói như sau: “Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rājagaha”. Ông nói với người ấy như sau: “Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rājagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu”. Dầu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rājagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau: “Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi”. Rồi Ông nói với người ấy như sau: “Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rājagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời

gian, *Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu*". Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rājagaha một cách an toàn.

– *Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rājagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rājagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lầy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rājagaha một cách an toàn?*

– *Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.*

– *Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là Bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, **Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.***

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Gaṇaka Moggalana bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống*

không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư nguy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, cam ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư nguy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, có trí tuệ, không cam ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

*Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng. Cũng vậy là **lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời***

khuyến giáo hiện nay.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh Pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

(Hết trích kinh)

1.5.2 Giữ gìn giới hạnh, oai nghi, biết sợ trong các lỗi nhỏ nhặt

❖ Kinh Không Thể Roi Xuống (Tăng I, 623)

“Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể bị thối đạo, vị ấy gần Niết-bàn. Thế nào là bốn?”

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo:

- *Đầy đủ giới,*
- *Hộ trì các căn,*
- *Biết tiết độ trong ăn uống,*
- *Chú tâm cảnh giác.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ giới?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo giữ giới”.

1.5.3 Hộ trì các căn

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn”.

1.5.4 Tiết độ trong ăn uống

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: “Nhu vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống”.

1.5.5 Chú tâm cảnh giác

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các triền cái; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi triền cái; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh

hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi triền cái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác”.

Kinh Hành (Tăng I, 572)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo chấp nhân, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến, không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đang đi, khi đang đứng, khi đang ngồi, khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhân, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh tấn siêng năng”.

Kinh CHẾ NGỰ (Tăng I, 574)

“Nếu Tỷ-kheo trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi, trong khi nằm thức, tham, sân, si được từ bỏ, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ, tinh cần, tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh

nhất tâm. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi, trong khi đứng, trong khi ngồi, trong khi nằm thức, có sở hành như vậy; vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng”.

1.5.6 Chánh niệm tỉnh giác

Kinh TẬT BỆNH (Tương IV, 340)

“Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thương y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nếm đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác”.

Kinh TÔN GIẢ NANDA (Tăng III, 510)

“Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rõ biết khi các thọ khởi lên, rõ biết khi các thọ an trú, rõ biết khi các thọ chấm dứt, rõ biết khi các tướng khởi lên, rõ biết khi các tướng an trú,

rõ biết khi các tướng chấm dứt; rõ biết khi các tâm khởi lên, rõ biết khi các tâm an trú, rõ biết khi các tâm chấm dứt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tỉnh giác”.

1.5.7 Thành tựu Bảy Diệu Pháp

KINH HỮU HỌC (Trung II, bài 53)

1. “Ở đây, này Mahanama, vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.
2. Vị này có lòng tàm, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
3. Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp.
4. Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đọc tụng bằng lời, được ý suy tư, được chánh kiến thể nhập.

5. Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.
6. Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu.
7. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Này Mahanama, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu Bảy diệu pháp”.

1.5.8 Kinh Đại Kinh Xóm Ngựa (Trung I, bài 39)

“Sa-môn! Sa-môn! Này các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Ông là vậy. Và nếu các Ông được hỏi: “Các Ông là ai?” Các Ông phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”.

Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu tập như sau: “Chúng ta sẽ tho trì và thực hành những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chơn chánh và sự tư nhân này của chúng ta mới như thật. Và những đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả

lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn và các pháp tác thành Bà-la-môn?

- *“Chúng ta sẽ thành tựu tầm quý” như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tu tập. Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tầm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”. Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, **Ta khuyến cáo các Ông**. Này các Tỷ-kheo, **Ta tuyên bố cho các Ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.***

Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

- *“Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*
- *“Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta*

không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.

- *“Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cõi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*
- *“Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cõi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”.*

1.5.9 Kết luận

Tóm lại, trong phần tu tập giới hạnh, hành giả cần tìm hiểu cẩn trọng phần giới hạnh trong Kinh Sa-môn Quả (*Trường I, bài 2*). Trong sự tu tập giới hạnh, hành giả cần biết rằng, giới hạnh của một người tu không phải chỉ đơn giản là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không dùng chất kích thích... Những giới hạnh này là những giới hạnh căn bản và bước đầu trong sự tu tập giới hạnh. Nhưng khi đã đi sâu vào sự tu tập tâm, hành giả sẽ có những đức hạnh cao thượng hơn cần được tu tập như tâm hiền từ, tâm từ bi hỷ xả, tâm kham nhẫn, tâm tha thứ bao dung... Càng đi sâu vào trong sự tu tập tâm, hành giả huấn luyện tâm, nhiếp phục những pháp ác bất thiện trong nội tâm thì càng có nhiều những đức hạnh, nét hạnh, hiền thiện cao quý, cao đẹp mà một người tu chân chánh cần

phải tu tập. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu đôi nét chủ đạo trong sự tu tập của một hành giả.

- Đưa thân, khẩu, ý vào đời sống giới hạnh, Thánh hạnh, đức hạnh cao quý mà Đức Phật đã chỉ dạy.
- Hộ trì các căn.
- Tiết độ trong ăn uống.
- Chú tâm cảnh giác.
- Chánh niệm tỉnh giác.
- Tri túc, biết đủ.
- Dễ nói, dễ chấp nhận các lời giáo giới.
- Tu tập tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả.
- Tu tập tâm như đất, nước, gió, lửa, rộng lượng, bao dung, an tịnh, rộng lớn.
- Tu tập thân tâm như miếng giẻ rách, người bần cùng hạ liệt.
- Tu tập thân hiền từ, lời nói hiền từ, ý nghĩ hiền từ.
- San sẻ tứ vật dụng có được với các vị đồng phạm hạnh có giới đức.
- Tu tập “Tín, tâm, quý, văn, tấn, niệm, tuệ”.
- Tu tập “Giới, định, tuệ”.

Trên đây là một số pháp căn bản mà một người tu cần phải thực hành để nhiếp phục những thân hành, khẩu hành, ý hành loạn động thô tế trong thân tâm. Trong Kinh Vị Sát Đế Lý (*Tăng III*, 138), Đức Phật đã nói: “Giới hạnh là điểm

tự của người tu”. Câu kinh này có nghĩa là: Người không có giới hạnh sẽ không thể tu tập thành tựu những thiện pháp cao thượng, tốt đẹp, trí tuệ. Người có giới hạnh, thành tựu giới hạnh, viên mãn trong giới hạnh thì vị này có cơ sở để tu tập và thành tựu những thiện pháp cao thượng và trí tuệ. Trong Kinh Khả Lạc (*Tăng IV*, 418), Đức Phật đã nói: “Thức ăn cho giới hạnh, thức ăn cho đức hạnh chính là thân hữu với thiện, bạn bè với thiện”. Đây là điều mà người con Phật cần lưu ý: Muốn tu tập giới hạnh, giới đức trọn lành thì nên thân cận, nên gần gũi với bạn hiền, bạn lành, bạn có đạo đức, bạn có đức hạnh, có thiền định và có trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đã truyền trao.

Trong Kinh Sāriputta (*Trường V*, 12), Đức Phật đã nói như sau:

“Toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình này. Nay Sāriputta, với Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, được chờ đợi rằng Thánh đạo Tám ngành sẽ được tu tập, sẽ được làm cho viên mãn”.

Và nay Sāriputta, thế nào là Tỷ-kheo **thiện bạn hữu**, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành?

Ở đây, nay Sāriputta, Tỷ-kheo tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt,

hướng đến từ bỏ. Tỷ-kheo tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Sāriputta, là Tỷ-kheo thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

“Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Sāriputta, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Sāriputta, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình”.

Như vậy, khi làm bạn với một vị có sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh và định tâm chân chánh thì hành giả sẽ có cơ hội được tiếp cận, được thân cận, được làm bạn với Tám sự chân chánh, được tu tập một đời sống với tám sự chân chánh như trên, trong Kinh Nikāya gọi đó là Thánh đạo tám ngành. Và một khi, hành giả lấy Tám sự chân chánh, hay phương pháp Tám đúng làm người bạn thân của

mình trong đời sống tu hành, lấy Tám đúng làm kim chỉ nam cho mình trong thân hành, khẩu hành, ý hành thì hành giả sẽ có cơ hội được giải thoát khỏi sanh tử, giải thoát khỏi khổ đau và phiền não do sanh tử mang lại.

Tóm lại, những người con chân chánh của Đức Phật đừng lãng quên mục đích tu đạo của mình; đừng lãng quên sự vô thường và rỗng không của cuộc sống; đừng lãng quên nghiệp và nhân quả chẳng bao giờ tha thứ cho ta; đừng lãng xãng chạy theo những hoạt động của thế tục; đừng thỏa mãn với những vật chất có được từ hình tướng tu hành mang lại; đừng chìm đắm trong lợi dưỡng, cung kính của thế gian; đừng thỏa mãn với đời sống giới hạnh, giới đức mà mình thành tựu; đừng thỏa mãn với những trạng thái an tịnh, trong sáng, lắng dịu tạm thời của thân tâm. Hành giả hãy luôn bám chặt vào Văn Tư Tu, tuân thủ theo Giới Định Tuệ, đưa thân tâm mình vào trong một đời sống trọn lành và cao đẹp với Tám Cái Đúng, tức là, tu tập sự thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, nói lời đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ và định đúng cách. Đó là phương pháp tu hành, là đạo lộ tu hành, là đường lối tu hành của tất cả các Đức Phật từ quá khứ cho đến hiện tại và vị lai. Đây là điều mà người con Phật chân chánh không bao giờ cho phép mình được xao lãng, được lãng quên.

1.6 Khéo biết mình, biết pháp

Trong giai đoạn tu tập chánh tri kiến, hành giả cần lưu ý rằng đây là lúc đang tu tập chánh tri kiến, đang hướng đến chánh tri kiến chứ chưa phải là đã thể nhập chánh tri kiến. Có hai pháp cần thực hành trong sự tu tập chánh kiến. Nếu hành giả không nghiêm túc, cẩn trọng tu tập hai pháp này thì sẽ không thể nào đi đến sự thể nhập vào chánh kiến, thành tựu chánh kiến. Vì vậy, hành giả đừng xem thường, đừng hời hợt, đừng qua loa với hai pháp này. Nếu Văn (nghe tiếng người khác) không đầy đủ, không chính xác thì Tư (như lý tác ý) sẽ không thể thực hành một cách tốt đẹp, chính xác và như vậy sẽ không thể thành tựu Tư, không thể thành tựu như lý tác ý. Khi Tư không thành tựu thì sẽ không thể thành tựu trí tuệ về tự thân, không thể thành tựu chánh kiến, không thể tiến hành sự tu tập nhiếp phục thân, đào thải dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc khỏi nội tâm.

Nhưng nếu hành giả chỉ dừng lại ở phần Văn, đứng luôn trong phần nghe pháp, nghe giảng, đọc kinh, học kinh mà không thực hành tư sát các pháp; không đưa các pháp đã được nghe vào trong thực tế thân tâm để nhận diện các pháp, nhận diện thân tâm; không thực tập như lý tác ý để thực thấy, thực biết rõ các pháp. Thế nên, hành giả không

thể nào đi đến sự thành tựu trí tuệ, thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy biết rõ về tự thân.

Mỗi hành giả cần phải xác định rõ mình đang ở giai đoạn nào của sự tu tập và cần làm cho thành tựu, làm cho viên mãn, làm vững chắc mỗi bước đi, mỗi giai đoạn tu tập của mình. Hành giả không ở hoài trong một giai đoạn, nhưng cũng không lướt qua các giai đoạn. Hành giả không đứng hoài tại một bước chân nhưng cũng không bước đi quá mau với những bước chân xiêu vẹo, khập khểnh, yếu ớt, nghiêng ngã, dễ hụt chân vấp ngã. Mỗi bước chân của hành giả phải vững vàng, phải rõ ràng, phải mạnh mẽ. Bước chân này vững rồi thì mới bước lên bước tiếp theo. Cũng vậy, phần Văn phải vững chắc mới bắt tay vào phần Tư. Văn không vững, xiêu vẹo, lệch lạc thì Tư không thể thực hiện được hoặc Tư sẽ bị méo mó, lệch lạc, hời hợt, cạn cợt, qua loa, tự thân vẽ bày thêm hoặc tự thân sẽ cắt xén vầy khác, rồi lập thành tri kiến của tự thân, tri kiến trong vô minh, si ám không đưa đến sự thấy biết trọn vẹn, chân chánh về tự thân; không đưa đến sự thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc trong tự thân. Trí tuệ đó sẽ dẫn vào kiến thủ, đi vào ngõ cụt, đi vào rừng rậm, không có lối thoát. Một khi Tư đã méo mó, lệch lạc, xiêu vẹo thì Tư không thể thành lập, thiết lập, phát triển và thành tựu viên mãn.

Nếu hành giả chỉ thích nghe pháp, không thực hành quán sát ý nghĩa các pháp trong tự thân, không khéo kết hợp việc nghe và việc tư sát, như lý tác ý nhận diện các pháp trong tự thân thì phần Tư sẽ không thể thành tựu. Khi Tư không thành tựu thì hành giả không thể tiến hành việc Tu tập, nhiếp phục thân tâm, thay đổi, chỉnh sửa và đào thải khỏi thân tâm những tập khí, tánh tình bất thiện trong thân tâm.

Tóm lại, hành giả cần phải biết mình, biết pháp. Hành giả cần phải biết mình đang ở giai đoạn nào của sự tu và cần phải biết pháp nào mình cần hành trì, cần tu tập trong giai đoạn đó. Và hành giả cần phải tiến hành tu tập thành tựu, tu tập viên mãn pháp đó. Hành giả phải cẩn trọng trong từng giai đoạn của sự tu, trong từng pháp mà mình đang tu. Học cái gì thì vững cái đó. Tập cái gì thì phải thành tựu cái đó. Đang ở giai đoạn nào thì biết rõ mình đang ở giai đoạn đó. Tu tập cho thật tốt, thật hoàn hảo từng giai đoạn. Sau đó, hành giả mạnh mẽ bước lên những bước tiếp theo. Đó gọi là hành giả đã khéo biết mình, biết pháp.

1.7 Cách định tâm đúng trong đạo Phật

1.7.1 Có phải cứ vào tu là ngồi thiền cho định tâm liền?

Trong phương pháp Tám đúng, khi Đức Phật hướng dẫn chánh định, cách thiền định chân chánh hay cách định đúng (Định đúng cách) trong sự tu tập tâm đó chính là Tứ thiền.

Tứ thiền là một sự tu tập tâm, huấn luyện tâm đi từ thô đến tế. Hành giả không phải cứ bước vô tu là ngồi thiền, không phải cứ nhào vô ngồi thiền là bất tâm vắng lặng, buông hết mọi vọng niệm, chỉ giữ một sự biết và cũng không cần biết rõ những gì đang diễn ra trong thân tâm mình. Lối thiền theo Thánh chánh định của các Đức Phật và các bậc Chánh Đẳng Giác giảng dạy là pháp thiền định phải được dẫn đầu với chánh kiến, phải được sửa soạn bởi bảy pháp chân chánh là Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng và tẩy sạch Năm triền cái rồi mới đi vào bốn tầng thiền định. Bốn tầng thiền trong chánh định là bốn cung bậc định tâm đi từ thô đến tế. Sơ thiền là hành giả định tâm, an trú tâm trong trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh. Trạng thái định tâm này còn rất thô vì còn có tầm, có tứ. Tầm, tứ trong Sơ thiền là hành giả hướng tâm về quan sát thực tại an lạc, thoải mái của thân tâm (Ngũ uẩn) khi không bị năm triền cái chi phối. Khi quán sát thấy sự an lạc này, hành giả khéo tác ý làm cho sanh khởi lên

cảm giác hỷ lạc trong thân tâm, làm cho hỷ lạc này được lan tỏa, được thấm nhuần toàn khắp thân tâm, hành giả an trú một cách viên mãn và sung mãn trong trạng thái hỷ lạc này. Trạng thái thiền định này còn rất thô, vì định này còn có tầm, có tứ, có sự tác ý về ly dục. Nhưng, vì sao hành giả cần phải tu tập trạng thái thiền hỷ lạc do ly dục sanh này? Vì sao hành giả cần phải làm sung mãn trạng thái thiền này? Vì sao các bậc Chánh Đẳng Giác hướng dẫn trạng thái thiền này?

1.7.2 Vì sao cần tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền?

Tác dụng của hỷ lạc do ly dục sanh trong trạng thái Sơ thiền là dùng để tẩy sạch những tàn dư của dục lậu còn tiềm ẩn trong thân tâm, tẩy sạch những cảm giác bức xúc, thúc giục còn tiềm ẩn của dục lậu. Ví như một người khi được ăn một chiếc bánh ngon đất liền thì không còn thèm chiếc bánh dờ rẻ liền, khi được ở trong một ngôi biệt thự to lớn sang trọng thì không còn ham muốn căn nhà lá cũ kỹ rách nát.

Cũng vậy, **dục lạc** là những cảm giác khoái lạc khi được thỏa mãn những tham muốn, đòi hỏi đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc. Khi không có sắc, thanh, hương, vị, xúc để phục vụ, để đáp ứng cho lòng dục thì cảm giác khoái lạc này không sanh khởi. Vì vậy, dục lạc là những cảm giác

khoái lạc bị nô lệ, bị lệ thuộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc. Chẳng những bị lệ thuộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc mà những cảm giác khoan khoái dục lạc này rất ngắn ngủi, rất tạm bợ, có bản chất là vô thường và tan biến.

Ly dục lạc là những cảm giác an lạc hoan hỷ khi hành giả khéo quán sát thấy thân tâm mình đã xả ly được lòng tham dục và các pháp ác bất thiện trong năm triền cái hay những cảm giác an lạc hoan hỷ khi hành giả khéo quán sát thấy nội tâm bên trong là định tĩnh và nhất tâm. Ly dục lạc là những cảm giác hỷ lạc, vui mừng khi thấy mình không bị tham dục và các pháp bất thiện chi phối. Những cảm giác ly dục lạc này sanh khởi do sự khéo tu tập, khéo tác ý chân chánh theo lời dạy của bậc Chánh Đẳng Giác. Ly dục lạc là những cảm giác hoan hỷ, hỷ lạc không lệ thuộc, không nô lệ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài. Chẳng những không lệ thuộc vào bên ngoài mà ly dục lạc có thể sanh khởi bất cứ khi nào hành giả muốn và sẽ duy trì lâu mau tùy theo ý muốn của hành giả. Khi hành giả thường thức được cảm giác khoan khoái, hỷ lạc, dễ chịu của trạng thái thân tâm không bị dục, không bị các pháp bất thiện chi phối. Hành giả thường thức trọn vẹn sự khoan khoái an lạc của cảm giác ly dục lạc này. Hành giả nhớ lại những cảm giác dục lạc thấp kém trước kia và thấy rõ những cảm giác khoan khoái trong dục lạc là những cảm giác bị nô lệ, bị lệ thuộc, bị trói buộc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nếu

không có xúc chạm với sắc, thanh, hương, vị, xúc thì những cảm giác dục lạc này không có mặt. Hành giả thấy rõ những cảm giác dục lạc này là những cảm giác bị nô lệ, bị trói buộc, bị lệ thuộc vào ngoại trần, bản chất của nó là vô thường, tạm bợ, mong manh, dễ tan vỡ, dễ tan biến. Nhìn thấy rõ sự thật về các dục lạc nên hành giả không còn thèm muốn đối với dục lạc. Nhờ sự biết thưởng thức sâu sắc những cảm giác ly dục lạc nên hành giả tẩy sạch được những dục lạc và dục lậu còn tàn dư, còn tiềm ẩn sâu trong nội tâm và hoàn toàn không còn muốn quay trở lại đối với những dục lạc nô lệ, thấp kém.

1.7.3 Tâm tú là gì?

Tâm là tầm cầu, tìm kiếm, chiều hướng tâm hướng đến, tìm kiếm đến một điều gì đó.

Tứ là tư sát, là xem xét, là quán sát một vấn đề nào đó.

Tâm tú là tâm hướng đến một điều gì đó và tư sát điều đó, quán sát điều đó.

Tâm tú trong sơ thiền là hành giả hướng tâm tác ý đến sự nguy hại, sự vô thường tạm bợ, vay mượn, nô lệ, bị trói buộc vào ngoại trần của các cảm giác dục lạc và hướng tâm tác ý đến sự bình yên, an ổn, dễ chịu của thân tâm khi không bị các cảm giác thèm khát ngoại trần chi phối, không bị các pháp ác bất thiện khống chế. Sự hướng tâm tác ý đến

bản chất của dục lạc, sự nguy hại của dục, của các pháp bất thiện và hướng tâm tác ý đến bản chất của ly dục lạc và sự bình an của ly dục lạc, đó gọi là tầm. Tầm này gọi là ly dục tầm, ly sân tầm, bất hại tầm. Sau khi hướng tâm tác ý ghê sợ đối với dục lạc, ghê sợ đối với Năm triền cái và tác ý sự an lạc dễ chịu của thân tâm trong ly dục lạc, hành giả an trú thân tâm trong sự an lạc dễ chịu của ly dục lạc, đây gọi là Tứ. Sự hướng tâm tác ý như vậy và an trú tâm như vậy, đó gọi là tầm và tứ trong Sơ thiền (thiền thứ nhất).

1.7.4 Tác dụng của Tứ thiền

▪ Tác dụng của Sơ thiền

Như vậy, ly dục lạc là những cảm giác hoan hỷ, an lạc, lành mạnh, thanh cao, cao quý, cao thượng. Khi cảm xúc được thưởng thức, được những cảm giác khoan khoái, thoải mái, hỷ lạc, thanh cao của trạng thái thân tâm an ổn bình yên, hành giả thấy không còn thèm khát những cảm giác dục lạc nô lệ, ngắn ngủi, thấp kém. Đó là lý do vì sao Đức Phật hướng dẫn tu tập hỷ lạc do ly dục sanh trong Sơ thiền.

Ví như một người dùng xà bông để rửa một cái chén dính đầy dầu bẩn nhờn nhúa. Cũng vậy, hành giả dùng sự thể nhập sung mãn trạng thái khoan khoái, dễ chịu, hỷ lạc của ly dục để tẩy rửa tâm hết sạch những tàn dư yêu thích dục lạc của thế gian. Nếu chưa thưởng thức những cảm giác an

lạc của ly dục lạc thì những cảm giác của dục lạc có thể sanh khởi lại, quấy rối tâm và làm phiền tâm. Đó là tác dụng của Sơ thiền.

▪ Tác dụng của Nhị thiền

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái Sơ thiền, tẩy sạch được dục tham và các pháp ác bất thiện nhờ hỷ lạc của Sơ thiền, hành giả tiến lên bước nữa là tiến đến thưởng thức trạng thái của hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tức là hành giả làm cho an tịnh, làm cho dừng lại trạng thái tâm *hướng đến an trú (tâm tứ)* trong sự tác ý về trạng thái hỷ lạc do thân tâm được ly dục, hành giả cho dừng lại tâm tứ này, rồi tiến đến thưởng thức sự dễ chịu, hoan hỷ, an lạc của thân tâm khi nội tâm không bị tán loạn, tâm hướng nội, nội tâm định tĩnh bên trong, đây gọi là hỷ lạc do định sanh. Trong trạng thái Nhị thiền này, thọ hỷ trong tâm và thọ lạc trong thân là song hành và an trú. Hành giả cho khởi lên cảm giác thân an lạc dễ chịu và cảm giác tâm hoan hỷ vui nhẹ đối với trạng thái an tịnh, lặng yên trong tâm. Sau khi thọ lạc và thọ hỷ sanh khởi, hành giả tiếp tục an trú và thưởng thức cảm giác hỷ lạc này khi tâm trong trạng thái yên lặng, nội tĩnh nhất tâm. Tác dụng hỷ lạc do định sanh trong trạng thái nhị thiền này giúp tâm tẩy sạch thói quen thích suy nghĩ, thích nghĩ ngợi lan man lung tung trong tâm. Đó là tác dụng của Nhị thiền.

▪ Tác dụng của Tam thiên

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái Nhị thiên, sau khi thường thức sự dễ chịu an lạc của thân tâm khi nội tâm tĩnh lặng, hành giả tiến lên bước nữa là làm cho dừng lại, làm cho tịnh chỉ lại cảm giác vui nhẹ trong tâm, tức là làm dừng lại hỷ thọ, cho chấm dứt hỷ thọ, chỉ còn lưu lại cảm giác dễ chịu của thân và an trú vững chắc trong trạng thái thân tâm này, đây gọi là thiên thứ ba. Tác dụng của thiên thứ ba là làm giảm dần tình trạng dao động trong tâm, xả bớt trạng thái tâm hỷ vui, chỉ lưu giữ lại trạng thái dễ chịu trong thân, đây gọi là “Xả niệm lạc trú”. Đó là tác dụng của Tam thiên.

▪ Tác dụng của Tứ thiên

Sau khi an trú sung mãn trong trạng thái của định Tam thiên, hành giả tiến thêm bước nữa là làm cho dừng lại luôn, làm cho tịnh chỉ luôn cảm giác dễ chịu trong thân. Thân và tâm bây giờ thuần nhất trong sự thanh tịnh, lặng yên hoàn toàn. Hành giả an trú vững chãi, sâu sắc trong trạng thái thân tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Đây gọi là an trú trong Thiên thứ tư. Tác dụng của thiên này là hướng hành giả thể nhập vào trạng thái thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn vắng lặng. Với trạng thái hoàn toàn thanh tịnh vắng lặng như vậy của thân tâm, hành giả sẽ dễ thấy biết rõ những lậu

hoặc, những uế nhiễm còn tàn dư trong thân tâm và sẽ mau chóng tẩy sạch những tàn dư cấu uế này trong tâm. Đó là tác dụng của Thiền thứ tư.

Với sự an trú tuần tự trong bốn thiền như trên, nếu hành giả tác ý nhận diện Ngũ uẩn trong các trạng thái thiền này và khéo quán từ bỏ Ngũ uẩn, từ bỏ những kiết sử còn tồn đọng trong nội tâm thì ngay hiện tại hành giả có thể đắc quả lậu tận. Hay nếu chỉ diệt tận được năm hạ phần kiết sử, còn tồn đọng năm thượng phần kiết sử thì hành giả chứng quả Bất lai.

Như vậy, Tứ thiền hay Chánh định trong Bát Chánh Đạo là một phương pháp định tâm thiện xảo, giúp tâm định dần từ thô đến tế, không bắt buộc tâm phải dừng lại tất cả các hoạt động một cách đột ngột trong khi tâm còn đầy dẫy tham sân si và các pháp ác bất thiện. Phương pháp thiền định này không tạo áp lực cho tâm khi ngồi thiền mà lại còn dẫn dắt tâm nhẹ nhàng đi vào thiền định sau khi thanh lọc tâm khỏi các pháp ác bất thiện. Phương pháp định tâm này là một phương pháp thiện xảo, vi diệu, tạo cảm hứng cho tâm, tạo sáng khoái cho tâm, tạo sự nhẹ nhàng an lạc cho tâm trong khi đi vào thiền định. Phương pháp thiền định này là kinh nghiệm xương máu của Bồ-tát Tất Đạt Đa sau nhiều năm tu khổ hạnh vẫn không tìm được ánh sáng của trí tuệ giác ngộ giải thoát. Ngài đã từ bỏ khổ hạnh, và sau đó, Ngài đã tự mình phát giác phát hiện phương pháp

thiền định tuân tự vi diệu thiện xảo này. Phương pháp thiền định này là Tinh Hoa trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong việc tu thiền định.

Đọc đến đây, hành giả có thể cảm thấy hân hoan và muốn bắt tay ngay vào việc tu tập Tứ thiền. Nhưng xin quý vị hãy lưu ý: Bốn tầng thiền định này được tu tập sau khi hành giả bước vào được cánh cửa của Chánh tri kiến, tức thấy biết rõ sự vận hành của Ngũ uẩn trong nội tâm và thấy biết rõ những rác bần trong tâm, thành tựu bảy Chánh Pháp đầu tiên trong Bát Chánh Đạo, tẩy sạch được hoàn toàn năm triền cái là dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, hoài nghi. Vì vậy, hành giả có thể khởi tâm hoan hỷ với pháp hành Thánh chánh định này nhưng kết quả thật sự của thiền định này chỉ có thể có khi hành giả đi đúng tuân tự con đường của Bát Chánh Đạo.

1.8 Thiền sắc giới và Thiền vô sắc giới

1.8.1 Nghi ngờ về Thiền Vô Sắc Giới

Có ý kiến cho rằng, “khi còn là Bô-tát, Thái tử Tất Đạt Đa đã từng học thiền Vô sở hữu xứ với ngài Alara Kalama và thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ với ngài Uddaka Ramaputta nhưng Bô-tát thấy hai thiền này không đưa đến trí tuệ về sanh tử, vì vậy Bô-tát Tất Đạt Đa đã bỏ đi. Nhưng trong Nikaya lại thấy sau này Đức Phật có dạy các thiền

này nên những ý kiến sau này cho rằng bốn thiền vô sắc được chỉ dạy trong Nikaya là do người đời sau thêm vào trong Nikaya chứ không phải thiền của Đức Phật dạy”.

Những ý kiến này mới nghe có vẻ hợp lý. Nhưng khi hành giả đi sâu vào trong Nikaya, thực sự thực hành nghiêm túc con đường của Bát Chánh Đạo, thể nhập vào chánh tri kiến, thể nhập vào trong Thánh trí về Ngũ uẩn và để cho Thánh trí này thể nhập vào các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới thì khi ấy hành giả sẽ hiểu được sự khác nhau giữa Thánh đệ tử và người phàm phu trong việc tu tập thiền vô sắc giới là như thế nào. Và vì sao sau khi thành đạo Đức Phật vẫn dạy các tầng thiền vô sắc giới cho các Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và các vị Thánh đệ tử khác? Để sáng tỏ trong vấn đề này, chúng ta hãy cùng nhau cẩn trọng tìm hiểu các bài kinh sau đây:

1.8.2 Kinh CHÍN THỨ ĐỆ DIỆT (*Tăng IV, 152*)

- *Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt. Thế nào là chín?*

1. *Thành tựu sơ Thiền thì các **dục tưởng** bị đoạn diệt.*
2. *Thành tựu đệ nhị Thiền thì các **tâm tứ** bị đoạn diệt.*
3. *Thành tựu đệ tam Thiền thì **hỷ** bị đoạn diệt.*
4. *Thành tựu đệ tứ Thiền thì **hơi thở vào, hơi thở ra** bị đoạn diệt.*

5. Thành tựu Không vô biên xứ thì **sắc tướng** bị đoạn diệt.
6. Thành tựu Thức vô biên xứ thì **Không vô biên xứ tướng** bị đoạn diệt.
7. Thành tựu Vô sở hữu xứ thì **Thức vô biên xứ** bị đoạn diệt.
8. Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ thì **Vô sở hữu xứ** bị đoạn diệt.
9. Thành tựu Diệt thọ tướng định thì **các tướng và các cảm thọ** bị đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh đã làm sáng tỏ mục đích tu tập tứ thiền và các thiền vô sắc. Và mục đích tu tập chín thiền này là để đoạn diệt dục tướng, tầm tứ, hỷ, lạc, sắc tướng, các tướng và các thọ.

1.8.3 Kinh THỨ ĐỆ TRÚ 2 (Tăng IV, 155)

(Trích đoạn)

- Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín Thiền chứng thứ đệ trú này. Hãy lắng nghe...

Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú Thiền chứng?

1). ...Chỗ nào các **dục** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo ly các dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tâm, với tứ. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

2). Chỗ nào các **tâm và tứ** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tại đây, các tâm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt tâm và tứ, sống an trú”.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay” ... sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

3). Chỗ nào **hỷ** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú **Thiền thứ ba**. Tại đây, hỷ được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú...

4). Chỗ nào **xả lạc** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt xả lạc, sống an trú...

5). Chỗ nào **sắc tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý các sai biệt tướng, biết rằng: “Hư không là vô biên”, chứng đạt và an trú **“Không vô biên xứ”**. Ở đây, các sắc tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt các sắc tướng, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

6). Chỗ nào **Không vô biên xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua Không vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú **“Thức vô biên xứ”**. Tại đây, Không vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Không vô biên xứ tướng, sống an trú...

7). Chỗ nào **Thức vô biên xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tướng một cách hoàn toàn, biết rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú **“Vô sở**

hữu xứ”. Tại đây, Thức vô biên xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Thức vô biên xứ tướng, sống an trú...

8). Chỗ nào **Vô sở hữu xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **“Phi tướng phi phi tướng xứ”**. Tại đây, Vô sở hữu xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy, sau khi đoạn diệt Vô sở hữu xứ tướng, sống an trú...

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ... đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

9). Chỗ nào **Phi tướng phi phi tướng xứ tướng** được đoạn diệt?

... Tỷ-kheo vượt Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú **“Diệt thọ tướng định”**. Tại đây, Phi tướng phi phi tướng xứ tướng được đoạn diệt. Các vị ấy sau khi đoạn diệt Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, sống an trú.

Này các Tỷ-kheo, chắc chắn người không lường gạt, không man trá sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói “Lành thay”. Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói “Lành thay” sẽ đánh lễ, chấp tay và hầu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây chính là thứ đệ trú Thiên chứng.

(Hết trích kinh)

Bài kinh lại một lần nữa xác định rõ cho chúng ta mục đích của chín thiền là để triệt hạ dần, triệt tiêu dần những dục, ái đối với Ngũ uẩn, những dính mắc, chấp thủ, trói buộc đối với Ngũ uẩn từ thô đến tế.

1.8.4 Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 (Tăng II, 54)

1. Có **bốn hạng người** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. **Một kiếp**, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Phạm chúng Thiên**.
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là

sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- *Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp này, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Quang Âm Thiên**.*
- *Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy... đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến nga quỷ.*
- *Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tron ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù... tức là vấn đề sanh thú.*

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

- *Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Biến*

tinh Thiên. **Bốn** kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở **Biển tịnh Thiên**.

- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy... đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tron ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Đây là sự đặc thù... tức là vấn đề sanh thú.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

- Vị ấy ném được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phân lớn với Thiên ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên. **Năm** kiếp, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở **Quảng quả Thiên**.
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống tron ven tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.
- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tron ven tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là

sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

1.8.5 Kinh KHÔNG VÔ BIÊN XỨ (Tăng I, 484)

Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

*1). Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người hoàn toàn vượt qua sắc tướng, chám dứt đối ngại tướng, không tác ý các tướng sai biệt, xem “hư không là vô biên”, đạt đến và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy thường thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tin giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với **chư Thiên đã đạt Không vô biên xứ.***

- *Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Không vô biên xứ là **hai mươi ngàn kiếp.***
- *Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi nạ quý.*

- Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.
- 2). Lại nữa, ở đây có người vượt qua Không vô biên xứ, xem “thức là vô biên”, đạt đến an trú Thức vô biên xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với **chư Thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ**.
- Nay các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ là **bốn mươi ngàn kiếp**.
 - Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngã quý.
 - Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù... về vấn đề sanh thú và tái sanh.

3). Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Thức vô biên xứ, xem “không có gì cả”, đạt đến an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thường thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên đã đạt Vô sở hữu xứ.

- Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn kiếp.
- Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đây cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngã quý.
- Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đây cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiên hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

1.8.6 Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 (Tăng II, 57)

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ... **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư** và an trú. Vị ấy, ở đây về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

(Hết trích kinh)

1.8.7 Kinh THIỀN (Tăng IV, 173)

(Trích đoạn)

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:*

- “*Y chỉ nơi Sơ Thiền, các lậu hoặc được diệt tận”.*
- “*Y chỉ vào Thiền thứ hai, các lậu hoặc được diệt tận”.*
- “*Y chỉ vào Thiền thứ ba, các lậu hoặc được diệt tận”.*
- “*Y chỉ vào Thiền thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận”.*
- “*Y chỉ vào Không vô biên xứ... ”.*
- “*Y chỉ vào Thức vô biên xứ... ”.*
- “*Y chỉ vào Vô sở hữu xứ... ”.*
- “*Y chỉ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận”.*

2. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Sơ Thiền, các lậu hoặc được đoạn tận”, như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?*

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.*

- Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về **thọ**, thuộc về **trưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né tâm** mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến **giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, là vị **hóa sanh**, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn...

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ **Thiền thứ hai...** y chỉ **Thiền thứ ba...** y chỉ **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?

- Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục nốt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị

hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

*Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn...*

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

*4. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào **Không vô biên xứ Thiền**, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?”*

- *Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý đến tướng sai biệt, biết rằng: “Hư không là vô biên”, chứng đạt và an trú Không vô biên xứ.*
- *Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tướng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục rọt, là mũi tên... do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.*

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: “Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận”, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**... y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**... các lậu hoặc được đoạn diệt”, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua **Thức vô biên xứ** một cách hoàn toàn, biết rằng: “Không có vật gì”, chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục rọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tắt cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt”, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

Như vậy, xa cho đến các tướng Thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy Trí để thể nhập.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tướng phi phi tướng** Thiền chứng và **Diệt thọ tướng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiền chứng. Ta nói rằng: “Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết rõ”.

1.8.8 Sơ thiền quán Ngũ uẩn chứng Bất lai, Lậu tận

Tóm lại, các bài kinh trên đã làm cho chúng ta sáng tỏ mục đích việc tu tập các tầng thiền là để đoạn diệt dục tướng, tầm tứ, hỷ, lạc, sắc tướng, tướng và các cảm thọ. Đó cũng là lý do vì sao Đức Phật lại giảng dạy các tầng thiền này cho đệ tử của Ngài.

Trong bài kinh Hạng Người Sai Khác 1 (Tăng II, 54) và kinh Không Vô Biên Xứ (Tăng I, 484), Đức Phật đã truyền

trao cho chúng ta một thông điệp quan trọng rằng: Trong tứ thiên và trong thiên vô sắc, nếu không tu tập Chánh tri kiến, không thành tựu trí về Ngũ uẩn, không nhận diện được Ngũ uẩn nhưng lại bắt tay vào tu tập các thiên thì đó cũng vẫn được gọi là kẻ phàm phu, người ngoại đạo. Dù là vị này tu tập thành tựu các thiên, nhưng sau khi hưởng hết phước ở các cõi trời tương ứng với các thiên này thì cũng vẫn bị đọa trở lại trong luân hồi sanh tử.

Lại nữa, trong kinh Thiên (*Tăng IV, 173*) và kinh Hạng Người Sai Khác 2 (*Tăng II, 57*), Đức Phật cũng đã trao gửi cho chúng ta thêm một thông điệp quan trọng rằng: Không nhất thiết phải tu tập đầy đủ các tầng thiên thì mới đạt được lậu tận, chỉ cần đi theo con đường của Bát Chánh Đạo, khi vào tới Sơ thiên, khéo tu tập trong Sơ thiên, khéo nhận diện Ngũ uẩn và quán từ bỏ Ngũ uẩn trong Sơ thiên thì cũng có thể chứng được Lậu tận hoặc Bất lai, đây là điều chúng ta cần đặc biệt lưu ý.

Như vậy, không nhất thiết là hành giả phải tu tập đầy đủ các thiên, nhưng cũng đừng vì vậy mà chủ quan dừng lại ở Sơ thiên, bỏ qua sự học hiểu và tu tập các thiên còn lại. Vì sao? Vị thành tựu chánh kiến cần biết rõ tất cả các mặt hàng còn tồn kho, còn tồn đọng trong mình để khi thành tựu chánh niệm, tẩy sạch Năm triền cái và đi vào chánh định thì khéo tu tập trong chánh định, khéo vận dụng các thiên, khéo tu tập các thiên để diệt tận những hàng tồn kho

cuối cùng còn tồn đọng trong mình. Vì vậy, hành giả đừng quá lo ngại trước các tầng thiền nhưng cũng đừng chủ quan trong sự tu tập các thiền.

Thông điệp cuối cùng trong các bài kinh trên, đó là Đức Phật đã cho chúng ta biết rõ sự khác biệt giữa Thánh đệ tử và người không thành tựu chánh kiến (người phàm phu) trong việc tu tập các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới. Vì sao có sự khác biệt trong quả của thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu?

1.8.9 Sự khác biệt trong nhân quả thiền định giữa Thánh đệ tử và người phàm phu

Người phàm phu là người không có nghe pháp của Đức Phật, không có nghe những lời giảng dạy chân chánh của Đức Phật, không thành tựu chánh kiến, không thành tựu sự thấy biết chân chánh về Ngũ uẩn, về tự thân. Người như vậy được gọi là phàm phu - người còn ở trong vô minh, si ám.

Bậc Thánh đệ tử tức là đệ tử của Đức Phật. Đức Phật được gọi là bậc Thánh (Kinh Thế Giới - *Twong V*, 633) nên đệ tử của Đức Phật được gọi là Thánh đệ tử. Thánh đệ tử hay đệ tử của Đức Phật đó là những vị có nghe pháp của Đức Phật, có nghe những lời giảng dạy chân chánh của Đức Phật, có tu tập và thành tựu chánh kiến, thành tựu sự thấy

biết chân chánh về Ngũ uẩn, về tự thân thông qua sự thực hành theo chánh kiến mà Đức Phật đã chỉ dạy.

Nhiều bài kinh trong Nikaya đã trình bày rõ: Đức Phật không công nhận những vị không thành tựu chánh kiến, không thành tựu trí về Ngũ uẩn là đệ tử của Ngài và Đức Phật cũng đã tuyên bố những vị như vậy ngay trong hiện tại không thể chứng đắc được mục đích của sự tu hành. Đức Phật công nhận những vị có những đức hạnh vi diệu hiền thiện, có trung trực hạnh, có chân chánh hạnh, có thực hành theo đúng Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, đó là đệ tử của Ngài. Và Ngài đã khẳng định đệ tử chân chánh của Ngài chính là các vị trong hàng bốn đôi tám chúng trong Tứ Thánh quả, các vị này được gọi là Thánh đệ tử. Đó là ý nghĩa của Thánh đệ tử và kẻ vô văn phàm phu được nói đến trong các kinh. *Như vậy, vì sao có sự khác biệt giữa Thánh đệ tử và người phàm phu trong việc tu tập thiền sắc giới và thiền vô sắc giới?*

Người phàm phu, người không thành tựu chánh kiến có thể tu tập thiền sắc giới (tứ thiền) và thiền vô sắc giới, vị này có thể an trú trong các tầng thiền này. Nhưng vì vị này không đi vào các thiền này bằng Chánh tri kiến, bằng Bát Chánh Đạo nên khi thể nhập vào các tầng thiền này, vị này không thật sự rõ biết hành tướng của Ngũ uẩn trong trạng thái thiền này. Ngũ uẩn hoạt động như thế nào để tạo thành các tầng thiền này thì vị này không rõ biết. Sự trú và sự

xuất khỏi các tầng thiên là sự thay đổi của Ngũ uẩn như thế nào, vị này không hoàn toàn rõ biết. Vị này không biết rõ mục đích của tứ thiên và các thiên vô sắc nên khi thành tựu các thiên này, thành tựu sự thể nhập trong các thiên này, vị này không quán chiếu xả ly tham ái đối với thiên này, không quán chiếu từ bỏ Ngũ uẩn trong các thiên này, không diệt tận các lậu hoặc còn tàn dư trong nội tâm. Như vậy, sự an trú trong các thiên này của người phàm phu vẫn là sự an trú trong vô minh, vô trí đối với Ngũ uẩn.

Vì vậy, người không thành tựu chánh kiến hay người phàm phu sau khi tu tập tứ thiên và các thiên vô sắc, thuần thực trong các thiên này, khi thân hoại mạng chung, vị này sanh vào cõi chư thiên tương ứng với các trạng thái của tứ thiên và thiên vô sắc. Nhưng sau khi hưởng hết thọ mạng ở các cõi này, vị này sẽ rơi lại vào trong địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người tùy theo các tàn dư nghiệp của mình. Vì sao? Vì lậu hoặc đã không được nhìn thấy và không được diệt tận một cách hoàn toàn nên các lậu hoặc tàn dư tiếp tục rò rỉ và đẩy tâm thức này đi tiếp trong sanh tử mà tâm thức này không hề hay biết. Và thế là luân hồi sanh tử lại tiếp tục triền miên.

Đối với vị Thánh đệ tử của Đức Phật, sau khi đã tu tập thành tựu Chánh tri kiến theo lời Phật dạy, vị này thực hành con đường Bát Chánh Đạo và cuối cùng đi đến sự tu tập, thực tập tứ thiên và các tầng thiên vô sắc giới. Vị này rõ

biết mục đích của tứ thiền là dẫn dắt tâm đi dần vào trạng thái định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, nhu nhuyễn, dễ sử dụng và mục đích của các thiền vô sắc là để giải phá hoàn toàn các sắc tướng về tự thân và cuộc sống. Vị này rõ biết hành tướng của Ngũ uẩn trong các thiền này. Vị này thực hành các thiền này với mục đích làm thanh tịnh thân tâm, giải phá các sắc tướng, các bóng dáng về tự thân, giải phá những mầm mống vi tế còn dính mắc với Ngũ uẩn trong sắc tướng. Cuối cùng, vị này quán chiếu hành tướng của Ngũ uẩn trong các thiền để phát hiện những lậu hoặc uế nhiễm còn tàn dư trong nội tâm. Vị này diệt tận lậu hoặc, diệt tận tham ái, chấp thủ còn tàn dư đối với Ngũ uẩn. Như vậy, vị Thánh đệ tử thực hành các thiền này với Thánh trí tuệ, với tâm không tham đắm, không chấp thủ, không trói buộc trong các thiền. Vị ấy biết rõ mục đích của các thiền cuối cùng là để đi đến sự nhiếp phục tham, sân, si, vô minh, lậu hoặc trong nội tâm, vị ấy hướng đến sự chứng đạt mục đích này.

Vì vậy, các vị đệ tử chân chánh của Đức Phật sau khi đã thành tựu Chánh tri kiến, tu tập Bát Chánh Đạo, đi vào thực hành tu tập thiền sắc giới và thiền vô sắc giới, các vị an trú và thể nhập viên mãn trong các tầng thiền này. Khi thân hoại mạng chung, các vị sanh vào cõi chư thiên tương ứng các trạng thái thiền, nhưng sau khi hưởng hết thọ mạng ở các cõi này, các vị sẽ nhập Niết-bàn, không còn trở lui,

không còn rơi rớt lại trong các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngã quý, loài người. Vì sao? Vì các lậu hoặc, các mầm mống đưa đến sự rò rỉ trong sanh tử về sau đã được các Ngài thấy biết và diệt tận, chúng không còn sanh khởi trở lại trong tương lai, chúng không còn một chút nào để có thể lén lút dẫn các Ngài tiếp tục đi trong sanh tử. Và như vậy, sự trầm luân trong sanh tử của các vị đã được chấm dứt tại đây.

Đó là lý do vì sao có sự khác nhau giữa Thánh đệ tử và người phạm phu trong sự tu tập tứ thiền (thiền sắc giới) và thiền vô sắc giới.

1.8.10 Đức Phật không vay mượn trí tuệ thế gian

Tóm lại, Bồ-tát Tất Đạt Đa khi đi tìm đạo đã được hai vị thầy ngoại đạo dạy thiền Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ nhưng vì các vị không thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn nên không nhìn rõ sanh tử và nguyên nhân của sanh tử. Do đó, các vị thầy đã không giúp Ngài thông giải được vấn đề sanh tử. Vì vậy, dù tu tập đạt được tâm thanh tịnh trong các thiền này nhưng khi buông các thiền này ra thì Ngài vẫn không giải tỏa được những thắc mắc về sanh tử và không giải quyết được vấn đề sanh tử của tự thân, do đó, Ngài không tôn trọng các thiền này, Ngài bỏ đi.

Sau khi bỏ đi, Ngài đã tự thân tu tập và thành tựu Chánh Đẳng Giác. Với trí tuệ Chánh Đẳng Giác của Ngài, Ngài biết rõ lợi ích và mục đích của các thiền này một cách rõ ràng chứ không mù mờ như khi còn tu học với hai vị thầy ngoại đạo. Vì vậy, sau này Ngài đã hướng dẫn cho đệ tử sự tu tập tuân tự rõ ràng đi từ Chánh tri kiến đi đến Chánh định, đến các tầng thiền sắc giới và vô sắc giới. Ngài đã thiện xảo hướng dẫn các Thánh đệ tử tu tập thiền vô sắc giới để phá dần các sắc tướng và đi đến phá tan luôn các vô sắc tướng. Ngài hướng dẫn cách an trú trong các tầng thiền và cách quán Ngũ uẩn trong các tầng thiền để thể nhập Bất lai quả và Lưu tận. Ngài đã sắp đặt, đã hướng dẫn, đã trình bày một đạo lộ tuân tự để phá trừ dần tất cả mọi dính mắc, chấp thủ, trói buộc từ thô đến tế về sắc, thọ, tưởng, hành, thức trong nội tâm, đi đến lưu tận giải thoát. Như vậy, với trí tuệ Chánh đẳng giác, Đức Phật đã không câu nệ trong việc sử dụng hai thiền giống với hai thầy ngoại đạo đã hướng dẫn cho Ngài trước đó.

Nhìn lại nhân duyên, đúng là ban đầu Bồ-tát biết đến hai thiền này qua hai thầy ngoại đạo nhưng không phải vì vậy mà sau đó Đức Phật đã đem hai thiền này vào giảng dạy về sau, không phải như vậy. Vấn đề ở đây chính là: *Sau khi thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác, với trí tuệ Chánh đẳng giác của Ngài, với trí tuệ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lưu tận minh của Ngài, Ngài thấy biết tất cả những gì*

đang vận hành, đang hoạt động trong cuộc sống và Ngài thấy biết tất cả các loại thiên đang có mặt trong cuộc sống.

Sau khi thấy biết tất cả mọi góc độ, mọi khía cạnh về thiên, mọi hình thức tu tập thiên, Ngài đã phát hiện ra một đạo lộ tu tập tuần tự trong thiên định để hướng dẫn tâm đến sự an tịnh và diệt tận mọi uế nhiễm trong nội tâm, chấm dứt sanh tử, chấm dứt khổ trong sanh tử. Trong đạo lộ đó có Bát Chánh Đạo, Giới Định Tuê và các tầng thiên vô sắc giới.

Vậy nên, hành giả đừng nghĩ rằng hai thiên này là do Đức Phật học của ngoại đạo, và cũng đừng nghĩ rằng nghiệp là một lý thuyết mà Đức Phật đã lấy từ Bà-la-môn giáo để đưa vào hướng dẫn và giảng dạy cho đệ tử. Đừng nghĩ như vậy, nghĩ như vậy là một suy nghĩ sai lầm và xuyên tạc Đức Phật.

Bởi vì trí tuệ của Đức Phật bao trùm cuộc sống này. Trí tuệ của Ngài bao phủ thế giới này. Tất cả những gì đang có mặt, đang vận hành trong cuộc sống này đều được Ngài thấy biết rõ: *“Thế giới được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Thế giới sanh khởi được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Thế giới đoạn diệt được Như Lai thấy biết trọn vẹn; Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai thấy biết trọn vẹn. Cái gì trong toàn thế giới này được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai thấy biết trọn vẹn. Do vậy, được gọi là Như Lai. Trong toàn thế giới này, Như Lai*

là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai” (Kinh Thế Giới - Tăng I, 592).

Như vậy, Đức Phật đã thành tựu trí tuệ viên mãn và hoàn hảo về cuộc sống này. Sự thấy biết của Ngài không bị sứt mẻ, không bị khiếm khuyết trong mọi khía cạnh, trong mọi vấn đề trong cuộc sống. Vì vậy, vấn đề về thiền hay vấn đề về nghiệp mà Ngài đã chỉ dẫn, đã trình bày là những vấn đề mà trí tuệ của Ngài thấy biết một cách chân chánh, hoàn hảo, viên mãn, trọn vẹn, không cần phải nghe ai nói hay nghe ai chỉ dẫn. Bởi những lời chỉ dẫn của thế gian, của người phạm phu, của ngoại đạo thì luôn bị khiếm khuyết, sứt mẻ, không trọn vẹn, không viên mãn, không hoàn hảo như trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật không vay mượn trí tuệ vô minh của người thế gian vì trí tuệ của Ngài đã là toàn tri, toàn kiến, đại tự tại.

Với trí tuệ thấy biết trọn vẹn về cuộc sống, cái gì thiện thì Đức Phật nói là thiện, cái gì bất thiện thì Đức Phật nói là bất thiện. Sự thật về phương pháp tu tập chân chánh và Sự thật về phương pháp tu tập không chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử là như thế nào, tất cả được Đức Phật trình bày một cách chân thật, đúng với các sự thật của các vấn đề này. Đức Phật không dựng đứng vấn đề. Đức Phật không đặt thêm đặt bớt vấn đề. Đức Phật không tương tượng ra vấn đề. Đức Phật không nói một vấn đề từ sự vay

mượn trí tuệ của người khác. Đức Phật thấy biết rõ những trí tuệ hạn chế của chúng sanh, thấy biết rõ những pháp tu hạn chế của con người, những pháp tu trong vô minh, trong ngũ cụt của con người. Ngài không vay mượn sự thấy biết của những người phàm phu. Ngài không vay mượn trí tuệ của những nội tâm còn ở trong vô minh. Trí tuệ của Ngài là vô thượng, là tối thượng. Trí tuệ của Ngài là bao trùm cuộc sống này, bao phủ thế giới này.

Thế nên, người con Phật cần nắm hiểu rõ điều này để không có những ý nghĩ sai lầm về Đức Phật và đạo Phật, không tạo điều vô phước cho bản thân.

1.9 Tu đúng cách mới có kết quả

1.9.1 Kinh Cán Búa (*Tương III, 272*)

Trong bài kinh Cán Búa (*Tương III, 272*), Đức Phật đã tuyên bố như sau:

“Do biết, do thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố sự đoạn tận các lậu hoặc, không phải do không biết, do không thấy. Do biết cái gì, thấy cái gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

- *Đây là **sắc**, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt.*
- *Đây là **thọ**, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt.*

- Đây là **tưởng**, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng đoạn diệt.
- Đây là **các hành**, đây là các hành tập khởi, đây là các hành đoạn diệt.
- Đây là **thức**, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt.

Do **biết** như vậy, do **thấy** như vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: “Mong rằng những con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn”. Tuy vậy, các con gà con ấy không có thể, với chân, móng, đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, tám, mười hay mười hai trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy có khởi lên ý muốn: “Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu

hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì?

- Không có tu tập Bốn niệm xứ.
- Không có tu tập Bốn Chánh Căn.
- Không có tu tập Bốn Như Ý Túc.
- Không có tu tập Năm Căn.
- Không có tu tập Năm Lực.
- Không có tu tập Bảy Giác Chi.
- Không có tu tập Thánh Đạo Tám Ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai **trứng gà**. Các trứng ấy được con gà mái ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn. Đầu cho con gà mái ấy không khởi lên ước muốn: “Mong rằng các con gà con của ta, với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn”. Tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu hay với miệng và mỏ, sau khi làm bẻ vỏ trứng, được xuất sanh một cách an toàn. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập. Dầu cho vị ấy không khởi lên ước muốn: “Mong rằng tâm của ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ”. Tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Vì sao? Phải nói rằng, vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì?

- Có tu tập Bốn niệm xứ.
- Có tu tập Bốn Chánh Cần.
- Có tu tập Bốn Như Ý Túc.
- Có tu tập Năm Căn.
- Có tu tập Năm Lực.
- Có tu tập Bảy Giác Chi.
- Có tu tập con đường Thánh Đạo Tám Ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một **người thợ đá** hay đệ tử người thợ đá, khi nhìn vào cán búa thấy dấu các ngón tay và dấu các ngón tay cái. Vị ấy không có thể biết được như sau: “Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn; hôm nay từng ấy, các ngày khác từng ấy”. Nhưng vị ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

19) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo chí tâm trong sự tu tập không có biết như sau: “Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày

khác từng ấy”. Nhưng vì ấy biết được (các lậu hoặc) được hao mòn trên sự hao mòn (các lậu hoặc).

*Ví như, này các Tỷ-kheo, một **chiếc thuyền** đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa khô; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng, rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng trở thành yếu và hư nát.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chí tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và hư nát”.

(Hết trích kinh)

1.9.2 Lời cảnh báo của bậc Chánh Giác

Như vậy, thông qua bài kinh trên và các Kinh Phù-di (Trung III, bài 126), Kinh Sự Tu Tập (Tăng III, 454). Đức Phật đã tuyên bố rõ rằng: “Tu đúng cách thì mới có kết quả hết sạch những lậu hoặc rác bần trong nội tâm. Tu không đúng cách thì sẽ không thể diệt tận những lậu hoặc, những tham sân si trong nội tâm”.

Như vậy, điều thứ nhất người con Phật cần biết rõ là:

- **Mục đích** của đạo Phật là đi đến sự thanh lọc sạch, tẩy trừ sạch những lậu hoặc nhiễm ô trong nội tâm. Khi tâm hết sạch những rác bần, những lậu hoặc, những tham sân si, dục, ái, bần ngã và chấp thủ đối

với Ngũ uẩn thì đó là giải thoát, đó là Niết-bàn, đó là sự chấm dứt luân hồi, sanh tử, phiền não và khổ đau.

- **Điểm đến** của đạo Phật là một nội tâm trong sạch, thanh tịnh, hết sạch những rác bần nhiễm ô trong nội tâm, hết sạch tham sân si.
- **Cứu cánh** của đạo Phật là giải thoát sanh tử, là Niết-bàn, là sự chấm dứt khổ.

Do đó, điều thứ hai mà người con Phật cần thông suốt, đó là:

- Muốn thành tựu mục đích của đạo Phật thì phải có một phương pháp đúng để thực hiện mục đích này.
- Muốn đạt tới điểm đến của đạo Phật thì phải biết rõ điểm khởi hành và lộ trình đi tới điểm đến.
- Muốn đi đến cứu cánh của đạo Phật thì đường lối tu phải logic, hợp lý, chân chánh và đúng pháp.
- Dù có ước nguyện, cầu nguyện, cầu xin tha thiết như thế nào đi chăng nữa, nhưng nếu tu không đúng cách, tu không đúng pháp, tu không đúng lộ trình đưa đến sự chấm dứt sanh tử thì sanh tử sẽ không bao giờ được chấm dứt. Đó là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Đó là tánh hợp lý, tánh logic, tánh nhân quả trong cuộc sống này.

Vì vậy, trong sự tu học này, không phải tu cái mình thích là được, không phải lựa cái dễ mà tu là được, không phải lựa cái khó mà tu là được, không phải thích ai rồi tu theo người đó là được, không phải ai nói cái gì hợp nhĩ rồi tu theo đó mà tu là được, không phải cái nhiều người đang tu theo rồi mình thấy vậy mà tu theo là được,... Điều quan trọng nhất trong sự tu học để có kết quả đưa đến sự thoát ly sanh tử đó chính là: Tu đúng cách, tu đúng pháp, pháp hành đúng cần phải tu đó chính là Ba mươi bảy pháp trong Phương pháp Tám đúng.

Đó là ý nghĩa, là thông điệp mà Đức Phật muốn nhắn gửi cho chúng sanh trong bài kinh này. Đó cũng là lời tuyên bố, là lời cảnh báo, là hồi Thánh chuông mà Đức Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã đánh lên để thức tỉnh thế gian hôn mê này trên con đường tìm kiếm đạo lộ đưa đến sự thoát khỏi sanh tử.

2 NGUYÊN NHÂN NIKĀYA BỊ THẤT TRUYỀN

2.1 Chánh Pháp tồn tại bao nhiêu năm?

2.1.1 Kinh Tượng Pháp (*Tương II, 384*)

Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca Diếp) bạch Đức Phật:

- “*Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?*

- *Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời diệu pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.*

- *Này Kassapa, diệu pháp không biến mất cho đến khi nào tương pháp không hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tương pháp hiện ra ở đời, thời diệu pháp biến mất.*

*Vì như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất. Ở đây, **khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh Pháp biến mất.***

- *Này Kassapa, có năm pháp đưa đến Chánh Pháp bị nhiễu loạn và biến mất. Thế nào là năm?*

Ở đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- *Sống không cung kính, không tùy thuận theo Đức Phật*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Chánh Pháp*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận học giới*
- *Sống không cung kính, không tùy thuận đối với Thiên định”.*

(Hết trích kinh)

Tóm lại, ý nghĩa của bài kinh này như sau:

Diệu pháp có nghĩa là Chánh Pháp chân thật vi diệu mà Đức Phật đã truyền trao.

- “Vàng thật” là ví với Chánh Pháp. Chánh pháp là những điều chân chánh về thân tâm, về cuộc sống đã được Đức Phật giác ngộ, nhìn thấy rõ và tuyên bố, tuyên thuyết, khai thị, khai minh, hiển lộ, trình bày, chỉ dẫn cho chúng sanh. Vàng thật là tượng trưng cho Chánh pháp. Và vàng thật cũng chính là tượng trưng cho “Kinh thật”, tượng trưng cho những lời dạy chân thật, nguyên chất của Đức Phật, những lời dạy thật sự là của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- “Vàng giả” là ví với Tượng pháp. Tượng pháp nghĩa là tương tự như Chánh pháp nhưng nó không phải là Chánh pháp. Mới nhìn, mới nghe thì thấy nó giống

Chánh pháp, thấy nó giống với lời Phật dạy và lầm tưởng nó là Chánh pháp, nhưng khi đi sâu vào trong đó thì thấy nó không phải là Chánh pháp, nó không thiết thực ở hiện tại, nó bị giới hạn trong hiểu biết cục bộ, phạm phu, không thể kiểm chứng ở thực tại, không có khả năng hướng thượng, không đưa con người đi đến sự nhiếp phục và diệt tận những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, cấu uế trong tự thân. Vàng giả là tượng trưng cho Kinh giả, tượng trưng cho những quyển kinh sách giả mạo lời Phật dạy, giả mạo của Phật thuyết, giả mạo nói là Phật thuyết. Như vậy, vàng giả chính là những “kinh sách ngụy tạo, kinh sách giả mạo” lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

- “Khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh pháp biến mất”, tức là khi nào trong hàng tứ chúng đệ tử của Đức Phật có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ không học hiểu đúng Chánh pháp của Phật dạy, không thành tựu Chánh tri kiến, thành tựu tà tri kiến, thành tựu sự hiểu biết sai lầm lệch lạc về thân tâm và cuộc sống, rồi truyền bá sự hiểu biết, sự thực hành sai lầm cho người khác. Khi những người như vậy xuất hiện trong Tăng chúng, chính họ làm cho Chánh pháp thần diệu của Đức Phật bị biến mất.

Như vậy, Chánh pháp này biến mất khi kinh giả xuất hiện, kinh ngụy tạo xuất hiện, và trong hàng tứ chúng đệ tử Phật

có những người ngu si, không hiểu biết, ngã mạn cao, chấp trước tri kiến của tự thân, trí tuệ không tới nơi tới chốn, truyền bá trí tuệ sai lệch và sự tu tập lệch lạc, truyền bá kinh nghiệm tu tập trong vô minh của tự thân. Đó là những nguyên nhân đưa đến sự biến mất của Chánh pháp.

Câu kinh “*khi nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh pháp biến mất*”, câu kinh này cũng có thể hiểu rằng khi nào trong tứ chúng có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ có địa vị, có chức vụ, có danh vọng cao, nhưng các vị này tuy ở trong hình thức tứ chúng đệ tử Phật lại ôm ấp tư tưởng của ngoại đạo, ôm ấp những tà kiến lệch lạc, ôm ấp những tri kiến của cá nhân, tri kiến của phàm phu, tâm tư chống đối, chống phá Tam Bảo, muốn làm lũng đoạn Phật giáo, muốn phá hoại Phật giáo, muốn hủy diệt Phật giáo. Khi những hạng người như vậy xuất hiện trong tứ chúng, họ xuyên tạc những điều Đức Phật đã chỉ dạy, phỉ báng những lời dạy nguyên chất của Đức Phật, họ làm cho quần chúng hiểu sai lời Đức Phật, làm cho quần chúng đi xa khỏi lời Phật dạy, làm cho quần chúng xa rời Chánh pháp và làm cho Chánh pháp bị biến mất.

Đây là những điều mà người con Phật ngày nay cần suy gẫm, ngẫm nghĩ sâu sắc, sâu xa để không bị “tiền mất, tật mang”, ôm vào trong tâm những tri kiến lệch lạc, những tà kiến sai lầm, si mê trong tà đạo không lối thoát, rong ruổi

trong trầm luân sanh tử, tự xa lìa chánh kiến, chánh đạo, xa lìa con đường đưa đến chấm dứt phiền não, khổ đau, xalìa cánh cửa bước vào bất tử.

2.1.2 Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (Tăng III, 649)

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Lần thứ hai...

3. Lần thứ ba, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Mahāpajāpatī Gotamī biết được: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng”, liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

4. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, rồi ra đi đến Vesāli, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesāli.

Ở đấy, Thế Tôn ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với tóc cao sạch, đắp áo cà-sa, cùng với nhiều nữ nhân Sākya ra đi đến Vesāli, tiếp tục bộ hành và đến Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính. Tôn giả Ānanda thấy Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cửa chính, thấy vậy liền nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

- Thưa Gotamī, vì sao lại đứng ở cửa với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than như vậy?

- Thưa Tôn giả Ānanda, vì rằng Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết.

- Vậy thưa Gotamī, hãy đứng chờ ở đây, chờ cho đến khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

5. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cửa nói rằng: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng”. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

- Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

6. Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình”.

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả không?

- Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả.

- Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai người dì, người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

7. - Nay Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận **Tám Kính Pháp**, thời Gotamī có thể được thọ cụ túc giới:

1. Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ đại giới trong một ngày cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chắp tay, xir sư đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
2. Tỷ-kheo ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.
3. Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới.

- Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.*
4. Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tư tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghĩ. *Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.*
 5. Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp pakkhamānattam (man-na-đoa) cho đến nửa tháng. *Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.*
 6. Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng. *Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.*
 7. Không vì duyên cớ gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo. *Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.*
 8. Này Ānanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. *Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh*

lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thời cho phép Mahāpajāpatī Gotamī được thọ cụ túc giới.

8. Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahāpajāpatī Gotamī, sau khi đến, nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

- Nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận tám kính pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ cụ túc giới: “Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni... không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo. Pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường cho đến trọn đời không được vượt qua”. Nếu Gotamī chấp nhận tám trọng pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ cụ túc giới.

- Thưa Tôn giả Ānanda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông, còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa (hay cụ thảng hoa) dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy, thưa Tôn giả, tôi xin chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

9. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi đến, đánh lễ

Thế Tôn rời ngôi xuống một bên. Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã chấp nhận tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

- Nay Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm.

Vì rằng, nay Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm.

Ví như, nay Ānanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại. Cũng vậy, nay Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài.

Ví như, nay Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là “trắng như xương” rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, nay Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài.

Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh được tên là “đỏ sét” rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài. Cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài.

Ví như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai, xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua. Cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành tám kính pháp này, cho các Tỷ-kheo-ni cho đến trọn đời không vượt qua.

(Hết trích kinh)

Như vậy, thông qua bài kinh trên, Đức Phật đã tuyên bố: Diệt pháp này hay Chánh Pháp này tồn tại năm trăm năm. Như vậy, năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, sự kiện gì đã xảy ra trong Phật giáo, làm băng hoại Chánh Pháp, làm diệt vong Chánh Pháp? Người con Phật ngày nay cần tìm hiểu kỹ những sự kiện đã diễn ra trong đạo Phật sau khi Đức Phật nhập diệt năm trăm năm để tự mình thấy biết vấn đề này và để tự thân không bị lầm lạc rơi vào những tà thuyết, tà đạo trà trộn vào trong đạo Phật.

Tại sao nếu nữ nhân không xuất gia trong Tăng đoàn thì Chánh Pháp tồn tại một ngàn năm, còn khi cho nữ nhân xuất gia trong Tăng đoàn thì Chánh Pháp chỉ tồn tại có năm

trăm năm?

Đức Phật đã dùng ví dụ: “*Vì như, này Ānanda, những gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thì những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp nào hại*”. Vì sao một gia đình có nhiều phụ nữ, ít đàn ông thì đạo tặc, trộm cắp dễ xâm nhập, dễ nào hại? Vì phần nhiều phụ nữ là yếu đuối, nhẹ dạ, cả tin nên dễ bị lừa, dễ bị phỉnh dụ, dễ bị dẫn dắt, vì thế mà kẻ gian dễ trà trộn, dễ xâm nhập vào trong gia đình ấy để gây nhiễu, gây thiệt hại trong gia đình. Cũng vậy, khi trong Tăng chúng có nhiều phụ nữ, mà phần nhiều phụ nữ có tánh nhẹ dạ, cả tin, dễ tin người, dễ bị dụ, cả nể như vậy nên khi trong tăng chúng xuất hiện những tà thuyết, tà pháp do vô tình, hay cố tình từ những người thiếu hiểu biết trong tứ chúng đưa ra thì những người phụ nữ này dễ dàng chấp nhận, dễ dàng đón nhận những tà pháp này. Họ không tìm hiểu cẩn trọng những điều được thấy, được nghe; không tìm hiểu cẩn trọng những nguồn kinh sách tự cho là của Phật dạy, làm cho tà pháp được lộ hành, được phát triển trong lòng Chánh Pháp của đạo Phật, tạo ra sự chia rẽ, sự suy đồi trong đạo Phật. Rồi người trước truyền cho người sau những tà pháp, tà thuyết trà trộn, trá hình trong đạo Phật, đưa Chánh Pháp trong đạo Phật dần đi đến sự diệt vong là vì thế. Đó là lý do Đức Phật không muốn cho nữ nhân xuất gia trong đạo Phật và đó cũng là lý do Đức Phật tuyên bố Chánh Pháp tồn tại năm trăm năm.

Nhưng ngày nay, dù người nữ có xuất gia hay không xuất gia trong đạo Phật thì đạo Phật cũng đã đi qua một ngàn năm và đến thời điểm này là đã hơn hai ngàn năm trăm năm. Như vậy, hơn hai ngàn năm vừa qua có biết bao nhiêu những loạn lạc, những nhiễu loạn, những thêm bớt, những trá hình, những giả mạo cho là Phật giáo trong đạo Phật. Vì vậy, chúng ta ngày nay đừng đổ lỗi cho người nữ đã xuất gia vào trong tăng đoàn, mà bản thân mỗi hành giả đến với đạo Phật hãy cố gắng tìm về nguồn cội Phật giáo, tìm về những lời dạy nguyên chất của Đức Phật để thành tựu những trí tuệ chân chánh về đạo Phật, thành tựu trí tuệ chân chánh về tự thân và cuộc sống theo những lời dạy chân chánh của Đức Phật, đạt được lợi ích thật sự, lợi ích chân thật cho tự thân khi đến với đạo Phật, đến với trí tuệ của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Người học đạo ngày nay cần cẩn trọng tìm hiểu kỹ Phật pháp, tìm hiểu kỹ các nguồn kinh sách, tìm hiểu kỹ các pháp hành có đúng, có xác thực, có chính xác với lời Phật dạy hay không. Đừng hời hợt trong sự tu học của tự thân để không bị “tiền mất tật mang”, uổng công tu học mà còn rơi vào tà kiến, tà pháp của tà nhân đã đưa vào Chánh Pháp của đạo Phật.

2.2 Kinh Nikāya và sự trường tồn của Chánh Pháp

Tinh túy của Nikāya chính là Trí về Ngũ uẩn. Pháp hành chủ đạo trong Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn chính là Phương Pháp Tám Đúng. Trong nhiều bài kinh Nikāya, Đức Phật

đã nói Phương Pháp Tám Đúng và Bốn niệm xứ trong Phương Pháp Tám Đúng là Chánh Pháp của Đạo Phật, là chỗ mà những người con Phật cần phải nương tựa, cần phải tu tập và cần phải thành tựu. Những ai tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, tự mình tha thiết học hỏi Bốn niệm xứ và an trú tâm trên Bốn niệm xứ, không nương tựa vào một điều gì khác trong sự tu tập đi đến sự chấm dứt sanh tử. Những vị ấy là bậc tối thượng thừa, là những vị tối thượng trong hàng đệ tử của Đức Phật (mời tham khảo kỹ các kinh như: Kinh Bệnh, Kinh Cunda, Kinh Celam, Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống, Kinh Makhādeva). Như vậy, **Kinh Nikāya chính là Chánh Pháp của Đạo Phật.**

Kinh Nikāya có tầm quan trọng và vị trí thế nào trong Đạo Phật?

- **Kinh Nikāya còn thì Chánh Pháp còn, Kinh Nikāya mất thì Chánh Pháp mất.** Vì sao? Vì kinh Nikāya là bộ sách đúc kết lại tất cả những lời dạy chân chánh, nguyên gốc của Đức Phật. Vì vậy, nếu kinh Nikāya biến mất thì có nghĩa là những lời dạy chân thật của Đức Phật đã biến mất, Chánh Pháp đã biến mất. Chánh Pháp là phương pháp chân chánh, phương pháp đúng đưa đến sự chấm dứt khổ đau. Nhưng nếu phương pháp đúng này đã bị thất truyền, đã bị biến mất thì Con đường đưa đến sự chấm dứt luân hồi sanh tử phiền não và khổ đau

của chúng sanh sẽ bị khép lại, chúng sanh sẽ lại rơi vào trong bóng đêm của vô minh, rơi vào trong sự đen tối, lũng nhùng, luân quần của si ám, quờ quạng, và những tri kiến cục bộ, chấp vá, không lối thoát.

Đau khổ thay cho chúng sanh nếu như bộ Nikāya này bị thất truyền và biến mất một cách hoàn toàn.

2.3 Nguyên nhân Mạt pháp

2.3.1 Kinh Tượng Pháp (*Tương II, 384*)

Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca Diếp) bạch Đức Phật:

- “*Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thuở trước, học giới có ít hơn nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí nhiều hơn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ngày nay học giới có nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí ít hơn?*

- *Sự việc xảy ra như vậy, này Kassapa, trong thời các chúng sanh suy giảm, trong thời điều pháp biến mất, thời nhiều hơn là các học giới, ít hơn là các Tỷ-kheo chứng đắc chánh trí.*

- *Này Kassapa, điều pháp không biến mất cho đến khi nào tương pháp không hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào tương pháp hiện ra ở đời, thời điều pháp biến mất.*

Ví như, này Kassapa, vàng (thật) không biến mất khi nào vàng giả chưa hiện ra ở đời. Và này Kassapa, khi nào vàng

giả hiện ra ở đời, thời vàng (thật) biến mất. Ở đây, **khí nào người ngu có mặt trong Tăng đoàn, chính họ làm cho Chánh Pháp biến mất.**

- Này Kassapa, có năm pháp đưa đến Chánh Pháp bị nhiễu loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ:

- Sống không cung kính, không tùy thuận theo Đức Phật
- Sống không cung kính, không tùy thuận Chánh Pháp
- Sống không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn
- Sống không cung kính, không tùy thuận học giới
- Sống không cung kính, không tùy thuận đối với Thiên định”.

2.3.2 Kinh Luật Của Bạc Thiện Thệ (Tăng II, 94)

- “Này các Tỷ kheo, có 4 pháp này đưa đến sự hỗn loạn của Chánh Pháp. Thế nào là bốn?

1. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh, được lãnh thọ sai lầm, với văn cú sắp đặt bị đảo lộn. Do văn cú bị sắp đặt đảo lộn, này các Tỷ-kheo, nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành khó nói, khó kham nhẫn. Họ không kính trong lời giáo

giới. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì toát yếu. Các vị ấy không nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận. Khi họ mệnh chung, kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.
4. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, các Trưởng lão Tỷ-kheo là những vị sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ ấy cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất”.
5. **Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 3 (Tăng II, 602)**, giống như kinh trên nhưng Đức Phật nói thêm pháp thứ năm là: *Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, nay các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự tản xuất*

lẫn nhau. Ai không có tịnh tín không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

2.3.3 Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 1 (Tăng II, 598)

- “Này các Tỷ-kheo, năm pháp này đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?”

1. Không cẩn trọng nghe pháp
2. Không cẩn trọng học thuộc lòng pháp
3. Không cẩn trọng thọ trì pháp
4. Không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp
5. Không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp”.

2.3.4 Kinh Diệu Pháp Hỗn Loạn 2 (Tăng II, 599)

- “Này các Tỷ-kheo, năm pháp này đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?”

1. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không học thuộc lòng Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Không hỏi tự nói, Như thị thuyết, Bốn sanh, Vị tăng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến diêu pháp hỗn loạn và biến mất.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến diêu pháp hỗn loạn và biến mất.
4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không có đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến diêu pháp hỗn loạn và biến mất.
5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm không tùy tâm, không tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến diêu pháp hỗn loạn và biến mất”.

2.3.5 Kinh Đất (Tăng I, 118)

(Trích đoạn)

--Những Tỷ-kheo nào, chặn đứng cả văn và nghĩa, bằng cách nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số,

không lợi ích cho đa số, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Ngươi. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều vô phước, làm cho **điều pháp biến mất**.

--Những Tỷ-kheo nào, tùy thuận cả văn và nghĩa, bằng cách nắm giữ đúng đắn các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Ngươi. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều phước đức và làm cho **điều pháp an trú**.

2.3.6 Kinh Các Sức Mạnh (Tăng I, 102)

(Trích đoạn)

10. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự hỗn loạn (mê mờ) và biến mất của diệu pháp. Thế nào là hai?

- Văn cú bị đảo ngược, và ý nghĩa bị hiểu lầm.
- Nếu văn cú bị đảo ngược thì ý nghĩa bị hiểu lầm.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến sự hỗn loạn và biến mất của diệu pháp.

11. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến an trú, không biến loạn, không biến mất của diệu pháp. Thế nào là hai?

- Văn cú phối trí chơn chánh và ý nghĩa được hiểu chơn chánh.

- Nếu văn cú được phối trí chơn chánh, thời ý nghĩa được hiểu chơn chánh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của diệu pháp.

2.3.7 Kinh Phi Pháp (Tăng I, 39)

(Trích đoạn)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Phi pháp là pháp, Pháp là phi pháp,
- Phi luật là luật, Luật là phi luật,
- Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai có nói lên, có tuyên bố,
- Như Lai có nói lên, có tuyên bố là Như Lai không có nói lên, không tuyên bố,
- Như Lai không thực hành là Như Lai có thực hành,
- Như Lai có thực hành là Như Lai không thực hành,
- Như Lai không có chế đặt là Như Lai có chế đặt.
- Như Lai có chế đặt là Như Lai không chế đặt.

Sở hành của những vị ấy, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo,

những Tỷ-kheo ấy tao điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

2.3.8 Kinh Phi Pháp (Tăng I, 41)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- *Phi pháp là phi pháp, Pháp là pháp,*
- *Phi luật là phi luật, Luật là luật,*
- *Như Lai không nói lên, không tuyên bố, là Như Lai không nói lên, không tuyên bố,*
- *Như Lai có nói lên, có tuyên bố, là Như Lai có nói lên, có tuyên bố,*
- *Như Lai không thực hành là Như Lai không thực hành,*
- *Như Lai có thực hành là Như Lai có thực hành,*
- *Như Lai không chế đặt là Như Lai không chế đặt,*
- *Như Lai có chế đặt là Như Lai có chế đặt.*

Các vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, sở hành như vậy, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy tao phước đức và an trú điều pháp này.

2.3.9 Kinh Vô Phạm (Tăng I, 43)

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Không phạm tội là có phạm tội.
- Có phạm tội là không phạm tội.
- Tội nhẹ là tội nặng.
- Tội nặng là tội nhẹ.
- Tội thô trọng là tội không thô trọng.
- Tội không thô trọng là tội thô trọng.
- Tội có dư tàn là tội không dư tàn.
- Tội không dư tàn là tội có dư tàn.
- Tội có thể sám hối là tội không có thể sám hối.
- Tội không có thể sám hối là tội có thể sám hối.

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa lại bất hạnh đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Và hơn thế nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, tao điều vô phước và khiến cho điều pháp biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào nêu rõ:

- Không phạm tội là không phạm tội.
- Phạm tội là phạm tội.
- Tội nhẹ là tội nhẹ.

- *Tội nặng là tội nặng.*
- *Tội thô trọng là tội thô trọng.*
- *Tội không thô trọng là tội không thô trọng.*
- *Tội có dư tàn là tội có dư tàn.*
- *Tội không dư tàn là tội không dư tàn.*
- *Tội có thể sám hối là tội có thể sám hối.*
- *Tội không có thể sám hối là tội không có thể sám hối.*

Những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, đưa lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tao điều phước đức và khiến cho điều pháp được an trú.

2.3.10 Kinh Bà-la-môn (Tương V, 272)

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Cấp Cô Độc. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vị Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

- Do nhân gì, do duyên gì, thừa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, thừa Tôn giả Gotama, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

Do **Bốn Niệm Xứ** không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Bà-la-môn, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài.

Do **Bốn Niệm Xứ** được tu tập, được làm cho sung mãn, này Bà-la-môn, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

2.3.11 Kinh Trú (Twong V, 269)

Tôn giả Bhada hỏi tôn giả Ānanda:

- “Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền Giả Ānanda, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài? Do nhân gì, do duyên gì, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

- Do Bốn niệm xứ không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp không có tồn tại lâu dài. Do Bốn niệm xứ được tu tập, được làm cho sung mãn, thừa Hiền giả, khi Như Lai nhập Niết-bàn, Diệu pháp được tồn tại lâu dài”.

2.3.12 Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

1. - Có năm sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng, sau khi rõ biết, cần phải tinh tấn đoạn trừ chúng. Thế nào là năm?

2. Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vi Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ thọ đại giới cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ sẽ thọ đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các

Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

3. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm. Do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.*

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng.

4. *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, khi họ thuyết về Thắng pháp hay về Quảng thuyết, họ rơi*

vào hắc pháp, không có thể giác ngộ rõ ràng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do ô nhiễm Pháp, nên sanh ô nhiễm Luật; do ô nhiễm Luật, nên sanh ô nhiễm Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận chúng.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, đối với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải, họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng.** Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thi, với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử thuyết, trong khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lắng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm, nên Luật ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập nên các trưởng lão Tỷ-kheo sẽ sống đầy đủ, biếng nhác dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng viển ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà **kiến** của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thói đọa, từ bỏ gánh nặng, viển ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do nhiễm ô về Pháp, đưa đến nhiễm ô về Luật; do nhiễm ô về Luật, đưa đến nhiễm ô về Pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

Này các Tỷ-kheo, năm sợ hãi về tương lai này, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

2.3.13 Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (Tăng II, 484)

1. - Có năm sợ hãi về tương lai này, hiện chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

2. Này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp**. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành**. Do họ tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp

sống khát thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đây, tìm cầu các món ăn thượng vị, như vớ đậu lười. Do nhân đồ ăn khát thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn sàng tọa tốt đẹp**. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đây. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tâm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết chúng cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni**. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, chánh học nữ, Sa-di ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ

không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết chúng cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn**, với các Sa-di. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Năm sự sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

2.3.14 Kinh Cỏ Rơm (*Tương II, 467*)

(Trích đoạn)

- *Sống trên các gói rơm, này các Tỷ-kheo, là nếp sống hiện nay của các Tỷ-kheo, không phóng dật, nhiệt tâm trong các nỗ lực. Ác ma không có cơ hội, không có đối tượng (để xâm lăng).*

- *Trong tương lai, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đống nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gói bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng.*

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: “*Chúng tôi sẽ sống trên những gói rơm, **không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực***”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

2.3.15 Kinh Vị Trưởng Lão (*Tăng II, 493*)

1. - *Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.*

2. Thế nào là năm?

- Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đồng người tại gia, xuất gia doanh vậy, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vì ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ điều pháp, chấp nhận phi điều pháp.
- Vì Tỷ-kheo là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì vị Trưởng lão được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đồng người tại gia và xuất gia doanh vậy, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng, Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.
- Vì rằng Tỷ-kheo là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người.

3. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

4. Thế nào là năm?

- *Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoan vâng, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh, hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo. Vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ phi điều pháp, chấp nhân điều pháp.*
- *Vị Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc kỳ cựu xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

- *Vì Tỷ-kheo Trưởng lão đã được nhiều người biết đến, có danh vọng, được số đông người tại gia xuất gia đòanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo Trưởng lão là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài Người.

2.4 Tóm lược những nguyên nhân mặt pháp

Thông qua những bài kinh trên, những nguyên nhân đưa đến Chánh pháp bị nhiễu loạn và biến mất chính là:

Pháp tóm lược:

1. Không cản trở tìm hiểu Phật pháp
2. Không tôn kính Tam Bảo
3. Sống phóng dật
4. Tứ chúng không nhu hòa

5. Tứ chúng không cần trọng trong tu học và trao truyền
6. Tứ chúng không tinh cần đúng pháp
7. Không tự giác mà lại đi giác tha
8. Đã tự giác nhưng không giác tha.

Pháp chi tiết:

1). Không tìm hiểu kỹ Phật pháp

1. Không xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp
2. Không xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật: Không khẳng định rõ vấn đề Pháp và phi pháp, Luật và phi luật, phạm tội và không phạm tội trong đạo Phật. Trắng đen trong Phật pháp không được nêu lên một cách rõ ràng, thiện và bất thiện không nêu rõ, các pháp không rạch ròi, minh bạch, trong sáng.
3. Không xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói: Không khẳng định rõ những điều Như Lai không nói lên, không tuyên bố, không thực hành, không chế đặt. Không xác định rõ những điều Như Lai có nói lên, có tuyên bố, có thực hành, có chế đặt.

2). Không tôn kính Tam Bảo

4. Không cung kính, không tùy thuận Đức Phật.
5. Không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp.
6. Không cung kính, không tùy thuận Tăng đoàn.
7. Không cung kính, không tùy thuận Học pháp.

8. Không cung kính, không tùy thuận Thiên định.

3). Sóng phóng dật

9. Tham ngủ: Người tu trở thành nhu nhược, ngủ cho đến mặt trời mọc trên chăn ấm nệm êm.
10. Dính mắc ruộng vườn: Người tu sống liên hệ, hệ lụy đến khu vườn. Khi sống như vậy họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, thích làm vườn, thích trồng trọt, họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt, không chuyên chú trong sự nhiếp phục thân tâm.
11. Quá thân mật: Các Tỷ-kheo sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni. Khi sống như vậy họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.
12. Phóng dật: Tứ chúng sống phóng dật buông lung, không cung kính, không tùy thuận pháp không phóng dật.
13. Không tri túc với tứ vật dụng: Người tu tham muốn các y tốt đẹp, tham muốn các đồ ăn khát thực ngon lành, tham muốn sàng tọa tốt đẹp. Do tham muốn như vậy, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đồng rác, họ sẽ từ bỏ nếp sống khát thực, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng, họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, vì nhân đồ ăn khát thực, vì nhân

sàng tọạ, họ sẽ rơi vào những hành động tâm cầu không thích hợp.

4). Tứ chúng không nhu hòa

14. Không cung kính, không tùy thuận tiếp đón.
15. Không cung kính, không vâng lời lẫn nhau.
16. Không dễ nói: Tứ chúng tâm tánh không dễ nói, không kham nhẫn, không kính trọng những lời nhắc nhở chỉ dạy của bậc hiền trí.
17. Chia rẽ nhau: Tứ chúng bị chia rẽ, mắng nhiếc nhau, đấu khẩu nhau, tản xuất nhau, làm cho người chưa có lòng tin trong sạch đối với Tam bảo thì không tìm được tịnh tín, và người đã có tịnh tín thì sẽ bị mất tịnh tín.

5). Tứ chúng không cẩn trọng trong tu học và trao truyền

18. Không cẩn trọng nghe pháp.
19. Không cẩn trọng học thuộc lòng pháp.
20. Không cẩn trọng thọ trì pháp.
21. Không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp. Với tâm không tùy tâm, tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.
22. Không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp.
23. Người trao truyền kinh không cẩn trọng nắm vững ngữ nghĩa bài kinh, thọ lãnh sai lầm giáo pháp, với văn cú sắp đặt bị đảo lộn làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc.

24. Người trao truyền kinh, trao truyền pháp không cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp. Người thông hiểu kinh, thông hiểu pháp, không trao truyền kinh, không trao truyền lời Phật dạy một cách cẩn thận cho thế hệ sau. Khi vị này mệnh chung, pháp bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ.

6). Tứ chúng không tinh cần đứng pháp

25. Lười biếng tu tập: Tứ chúng sống lười biếng, đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ này cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt được, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc.

26. Không tu tập Tứ Niệm Xứ: Người tu không tu tập Bốn niệm xứ, Bốn Chánh Cần, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác Chi, Tám Thánh Đạo.

27. Không trau dồi Giới Định Tuệ: Người tu không tu tập thân, không tu tập giới, không tu tập tâm, không tu tập tuệ. Do không tu tập như vậy, nên thân tâm không đi sâu vào trong Thánh pháp, vì vậy họ không lóng tai, không tìm hiểu các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết có ý nghĩa thâm sâu, siêu thế. Nhưng đối với những thi

kệ do các thi sĩ làm thì họ lắng nghe, yêu thích, tìm hiểu ý nghĩa.

7). Chưa tư giác lại đi giác tha

28. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi tho đại giới cho người mới, vị này không thể huấn luyện người mới về Giới Định Tuệ. Và các người mới này sẽ không thể huấn luyện thế hệ tiếp theo tu tập Giới Định Tuệ. Vì vậy, Chánh pháp và giới luật mà Đức Phật đã truyền trao bị nhiễu loạn và biến mất.
29. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi làm y chỉ sự cho người mới, vị này không thể huấn luyện người mới về Giới Định Tuệ. Và các người mới này sẽ không thể huấn luyện thế hệ tiếp theo tu tập Giới Định Tuệ. Vì vậy, Chánh pháp và giới luật mà Đức Phật đã truyền trao bị nhiễu loạn và biến mất.
30. Tự thân không tu tập *thân*, không tu tập *giới*, không tu tập *tâm*, không tu tập *tuệ*. Khi thuyết giảng Thánh pháp, vị này rơi vào hắc pháp, giảng giải các pháp không rõ ràng, đi vào ngõ cụt, làm nhiễu loạn pháp. Do Pháp bị nhiễu loạn nên Luật bị nhiễu loạn. Do Luật bị nhiễu loạn nên Pháp nhiễu loạn thêm.

31. Vị đứng đầu, vị trưởng thượng, vị trưởng lão là vị có tà kiến, có tri kiến điên đảo, tri kiến sai lầm, lệch lạc, làm cho nhiều người từ bỏ Chánh pháp, đi vào tà pháp.

8). *Đã tư giác nhưng không giác tha*

32. Không rộng rãi thuyết pháp: Những vị thành tựu trí tuệ về pháp, thông hiểu pháp một cách chân chánh nhưng không thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

33. Không rộng rãi đọc tụng pháp: Tứ chúng không cho đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

34. Không tạo thuận duyên cho bậc thành tựu chánh kiến được thuyết pháp: Tứ chúng không tạo điều kiện cho các bậc thành tựu trí tuệ về pháp, bậc thông hiểu pháp được giảng pháp rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

Tóm lại, Chánh pháp bị nhiễu loạn, bị diệt tận, bị diệt vong, bị biến mất, bị vùi lấp chính là do ba mươi bốn pháp, ba mươi bốn nguyên nhân trên đây. Chúng tôi chia ba mươi bốn nguyên nhân này thành tám nhóm để thuận tiện cho người con Phật dễ đọc, dễ học, dễ nhớ, luôn ghi khắc trong tâm để nhắc nhở bản thân không góp phần trong việc làm diệt tận Chánh pháp.

3 LÀM SAO CHÁNH PHÁP HƯNG THỊNH?

Như vậy, người con Phật muốn góp phần làm cho Chánh pháp hưng thịnh lâu dài, tránh cho chánh pháp không bị diệt tận thì cần phải tu tập, thực hành các pháp đối trị với các tà pháp nêu trên, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh. Những pháp đối trị đó chính là người con Phật cần xác định rõ những vấn đề sau và cần tu tập cho vững chắc, cần y tựa trong những vấn đề, những đức hạnh sau:

3.1 Tìm hiểu kỹ Phật pháp

3.1.1 Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp

Thông qua bài Kinh Tượng Pháp (*Tương II*, 384), chúng ta thấy rằng: Ngày nay, sau khi Đức Phật đã nhập diệt trên hai ngàn năm trăm năm, nếu người tu học không xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp thì Chánh pháp sẽ bị tượng pháp xâm nhập, trà trộn, giả mạo làm lũng đoạn và đưa đến diệt vong. Vì vậy, người con Phật cần xác định rõ thời điểm hình thành, thời điểm xuất hiện các kinh sách thông qua các kỳ kết tập kinh điển của Phật giáo để phát hiện các tượng pháp (kinh giả) và xác định Chánh pháp (kinh thật).

Sau khi đã tìm hiểu, xác định rõ Chánh pháp thì hành giả cần tinh tấn tu tập để thành tựu trí tuệ trong Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, làm cho Chánh pháp được rục

sáng và tỏa sáng trong cuộc sống; xóa tan đi những si mê, vô minh, lầm lạc về Chánh pháp; đưa Chánh pháp đến với cuộc đời. Như vậy, việc xác định rõ đâu là Chánh pháp và đâu là tượng pháp, đó là pháp đầu tiên, tuyệt đối quan trọng trong việc làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ, không khẳng định rõ đâu là Chánh pháp và đâu là tượng pháp”.

3.1.2 Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật

Khi không nắm biết rõ, không xác định rõ, không khẳng định rõ thế nào là Chánh pháp và Giới Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, người tu sẽ quờ quạng trong sự hiểu biết về Phật pháp. Khi nghe nhiều quan điểm về Phật pháp thì nhệch, cả tin, không biết đúng sai thật giả thế nào trong đó nên dễ dàng tin theo, dễ dàng thọ nhận. Điều đó góp phần làm cho những tà pháp, tà luật được lộ hành và bành trướng trong Phật giáo, khiến cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

Vì vậy, người con Phật khi đến với đạo Phật cần tìm hiểu cẩn thận về Phật pháp, tìm hiểu cho kỹ, nắm biết rõ. Người Phật tử xác định rõ đâu là Chánh pháp và đâu không phải Chánh pháp, đâu là Luật và đâu không phải Giới Luật mà

Đức Phật đã đưa ra. Sau khi tìm hiểu kỹ về Pháp và Phi pháp, Luật và phi Luật, người con Phật không nên thọ những giới luật không phải do Đức Phật chế đặt, không nên tu tập thực hành những pháp hành không phải do Đức Phật chỉ dạy.

Để xác định rõ thế nào là Pháp và Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, người con Phật cần tìm hiểu kỹ lịch sử kết tập kinh điển của Phật giáo và cần tìm hiểu kỹ các bài kinh như: Kinh Ví Dụ Con Rắn (*Trung I*, bài 22), Kinh Anuradha (*Tương III*, 210), Kinh Làng Sama (*Trung III*, bài 104), Kinh Nghĩ Như Thế Nào (*Trung III*, bài 103), Kinh Thế Giới (*Tăng I*, 592).

Lại nữa, người con Phật cần xác định rõ vấn đề phạm tội và không phạm tội mà Đức Phật đã đề ra để tự phòng hộ, tự bảo vệ thân tâm, không để thân tâm rơi vào những thân hành, khẩu hành, ý hành đưa đến sự rò rỉ tiếp tục của các lậu hoặc, nhiễm ô.

Tóm lại, sự cẩn trọng tìm hiểu kỹ Phật pháp, sự trạch pháp, sự xác định rõ ràng thế nào là Pháp và Luật mà Đức Phật đã chỉ dạy, thế nào là phạm tội và không phạm tội, sự cẩn trọng này là điều giúp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật”.

3.1.3 Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói

Người con Phật cần tìm hiểu kỹ, cần xác định rõ những điều Đức Phật có nói lên, có tuyên bố, có thực hành, có chế đặt và những điều Đức Phật không nói lên, không tuyên bố, không thực hành, không chế đặt. Sự tìm hiểu kỹ và xác định rõ như vậy để tránh không mang tội xuyên tạc Đức Phật, phỉ báng Đức Phật, không góp phần tạo cơ hội cho tà pháp trà trộn và làm nhiễu loạn Chánh pháp, làm lũng đoạn, làm giả mạo những lời dạy chân chánh của Đức Phật.

Như vậy, việc tìm hiểu kỹ Phật pháp, xác định rõ những điều Đức Phật có nói và không nói, xác định rõ nguồn gốc của các kinh điển, xác định rõ thời điểm ra đời của các kinh sách hiện có trong đạo Phật, xác định rõ cốt lõi, cốt tủy của đạo Phật, xác định rõ Chánh pháp là gì trong đạo Phật - Đó là những yếu tố, những tác nhân quan trọng góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Việc “Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người con Phật không xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói”.

3.2 Tôn kính Tam Bảo

3.2.1 Tôn kính Phật

Người đến với đạo Phật cần tìm hiểu kỹ Đức Phật là người như thế nào, chữ Phật có nghĩa là gì, vì sao Ngài được gọi là Phật, Ngài tu tập thế nào, Ngài chứng ngộ cái gì, Ngài giải thoát khỏi cái gì, vì sao Ngài được thế gian tôn kính Ngài, vì sao Ngài được gọi là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, ... Tóm lại, khi đến với đạo Phật, hành giả cần nắm biết rõ Phật là ai, mình là ai, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác là như thế nào, sau khi đã biết rõ như vậy, người con Phật cần lấy đời sống của Đức Phật, lấy đường lối tu tập của Đức Phật làm mẫu mực, làm chuẩn mực, làm kim chỉ nam cho mình, làm định hướng cho mình trong sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, không nương tựa vào một ai khác, không nương tựa vào một điều gì khác.

Sau khi đã tìm hiểu cẩn trọng và có một sự hiểu biết chân chánh, đứng pháp về Đức Phật, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận Đức Phật, không xem thường Đức Phật, không xuyên tạc Đức Phật, không phỉ báng Đức Phật, không ngã mạn ngông cuồng muốn con đường tu tập của mình phải khác với Đức Phật, không ngã mạn ngông cuồng muốn tự mình tìm lấy con đường tu cho mình chứ không chịu đi theo lời dạy của Đức Phật. Người con Phật cần nắm biết rõ những sự kiện không thể xảy ra

trong cuộc đời này để từ bỏ những suy nghĩ ngông cuồng, những bản ngã ngông cuồng, những lòng tin cuồng si, cuồng tín đưa đến tiền mất, tật mang, rước họa cho mình. Hành giả có thể tìm hiểu những sự kiện không thể xảy ra trong các Kinh Đa Giới (*Trung*, bài 115), Đại Kinh Malunkyaputta (*Trung*, bài 64), Kinh Hội Chúng (*Tăng III*, 295), Kinh Tâm Đặt Sai Hướng (*Tăng I*, 21). Tóm lại, khi tứ chúng sống cung kính và tùy thuận Đức Phật như vậy, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài. “Tôn kính Phật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến diệt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Đức Phật”.

3.2.2 Tôn kính Pháp

Sau khi đã xác định rõ Chánh pháp và tượng pháp, người con Phật cần tìm hiểu cần trọng về ý nghĩa, tác dụng, giá trị và lợi ích của Chánh pháp đối với thế giới vô minh, thế giới trầm luân trong biển sanh tử khổ đau. Sau khi nắm biết rõ như vậy, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận theo Chánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác, đưa thân tâm vào trong đời sống với Tám sự chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Chánh pháp, tu tập thân tâm theo tinh thần Bốn niệm xứ mà Đức Phật đã từng tu tập thành

tự và truyền trao lại cho cuộc đời này. Không tự ý thêm bớt vào lời dạy của Đức Phật, không tự ý thêm bớt trong sự tu tập theo Bốn niệm xứ, không tự ý thêm bớt trong Thánh chánh định, trong thiền định mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi tứ chúng đệ tử Phật sống cung kính và tùy thuận Chánh pháp như vậy sẽ làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính Pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Chánh pháp”.

3.2.3 Tôn kính Tăng

“Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh (hay Như pháp hành) là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là Bốn đôi, Tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng đánh lễ, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở trên đời”. Bốn đôi tám chúng đó chính là: Bạc đã chứng Dự lưu Thánh quả và bạc đang hướng đến để chứng Dự lưu, hai chúng này được gọi là đôi thứ nhất. Bạc đã chứng Nhất lai và bạc đang hướng đến chứng Nhất lai, hai chúng này được gọi là đôi thứ hai. Bạc đã chứng Bất lai và bạc đang hướng đến chứng Bất lai, hai chúng này được gọi là đôi thứ ba. Bạc đã chứng A-la-hán quả và bạc

đang hướng đến chúng A-la-hán quả, hai chúng này là đôi thứ tư. Đó gọi là “bốn đôi tám chúng”.

Như vậy, khi nói đệ tử của Đức Phật tức là hàng bốn đôi, tám chúng. Bốn đôi tám chúng này là những Thánh đệ tử, những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, những vị được Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài. Không phải với hình thức, đầu tóc, quần áo mà Đức Phật công nhận đó là đệ tử của Ngài. *Vậy trường hợp nào Đức Phật không công nhận là đệ tử của Ngài, không công nhận là một người tu chân chánh, và không công nhận khả năng tu chứng của vị ấy?*

3.2.3.1 Bảy trường hợp Đức Phật không nhận là đệ tử

3.2.3.1.1 Người cứng đầu, nói nhiều, hoang dâm, gian dối

Kinh Kẻ Lừa Dối (Tăng I, 598)

“Những vị Tỷ-kheo nào, lừa dối, cứng đầu, lắm mồm, lắm miệng, hoang dâm, hỗn hào, không có định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo của Ta. Những Tỷ-kheo ấy đã rơi khỏi Pháp Luật này. Và họ không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa dối, không lắm mồm lắm miệng, có trí, không cứng đầu, khéo định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy phải là Tỷ-kheo của Ta. Và những

Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp Luật này, và họ đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp Luật này”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người cứng đầu, lừa dối, lắm mồm, lắm miệng, hỗn hào, hoang dã, không có định tĩnh, người như vậy không được Đức Phật xem là đệ tử của Ngài. Và vị này cũng không thể đi đến sự tăng trưởng, tăng thịnh, tiến bộ, tăng rộng trong Chánh pháp này.

3.2.3.1.2 Người không thành tựu Trí về Ngũ uẩn

Kinh Sona (Tương III, 97)

*“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, không biết rõ sắc, không biết rõ (nappajananti) sắc tập khởi, không biết rõ sắc đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; không biết rõ thọ... không biết rõ tưởng... không biết rõ các hành... không biết rõ thức, không biết rõ thức tập khởi, không biết rõ thức đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, **không những không** được chấp nhận là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những vị ấy ngay trong đời sống hiện tại, cũng không tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.*

Còn những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này Sona, biết rõ sắc, biết rõ sắc tập khởi, biết rõ sắc đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến sắc đoạn diệt; biết rõ thọ... biết rõ tưởng... biết rõ các hành... biết rõ thức, biết rõ thức tập khởi, biết rõ thức đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến thức đoạn diệt. Những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, **không những được chấp nhận** là Sa-môn giữa các hàng Sa-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn giữa các hàng Bà-la-môn. Những vị Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại, còn tự mình chứng tri với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn (Tương III, 336)

“Này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật biết rõ sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn giữa các vị Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy không thể ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng này Ràdha, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật biết rõ vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của năm thủ uẩn này, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại,

tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì Đức Phật không chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì tu là tu tập nhiếp phục những dục, ái, tham, sân, si trong tự thân. Nhưng để có thể nhìn thấy được tất cả những cấu uế này trong nội tâm thì cần phải nhìn thấy Ngũ uẩn vì tất cả những cấu uế này nằm trong Ngũ uẩn. Vì vậy, khi không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì không thấy được những cấu uế trong tâm. Khi không thấy rõ những cấu uế trong tâm thì tu cái gì? Thanh lọc cái gì? Vì vậy, người không thành tựu trí về Ngũ uẩn thì Đức Phật không công nhận đó là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không tu tập được gì, không chứng đắc được gì, không đạt được mục đích của sự tu.

3.2.3.1.3 Người không thành tựu Trí về Sáu căn

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 1 (Tương V, 322)

*“Này các Tỷ-kheo, có sáu căn này. Thế nào là sáu? **Nhãn** căn, **nhĩ** căn, **tỷ** căn, **thiệt** căn, **thân** căn, **ý** căn.*

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt,

sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 2 (Tương V, 323)

“Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết nhãn căn, không như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, không như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... không như thật biết rõ nhĩ căn... tỹ căn... thiệt căn... thân căn... không như thật rõ biết ý căn, không như thật rõ biết ý căn tập khởi, không như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, không như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và

an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Nhưng những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết nhãn căn, như thật rõ biết nhãn căn tập khởi, như thật rõ biết nhãn căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến nhãn căn đoạn diệt... như thật biết rõ nhĩ căn... tỷ căn... thiệt căn... thân căn... như thật rõ biết ý căn, như thật rõ biết ý căn tập khởi, như thật rõ biết ý căn đoạn diệt, như thật rõ biết con đường đưa đến ý căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh, hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về sáu căn thì Đức Phật không chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì sáu căn là sáu chỗ để Ngũ uẩn tiếp xúc với sáu trần làm sanh khởi ra liên tục những sắc, thọ, tưởng, hành, thức với những dục, ái, tham, sân, si chất chứa trong đó. Nếu không thành tựu trí về sáu căn thì sẽ chấp trước sáu căn, cho sáu căn là mình, không cần trọng thực hành hộ trì các căn, để cho nội trần đi vào trong nội tâm,

quấy nhiễu nội tâm, khuấy động thọ tướng hành thức, làm cho dục, ái, bản ngã tàn phá thân tâm. Như vậy, nếu không thành tựu trí về sáu căn thì không thể nhiếp phục được các căn. Nếu không nhiếp phục được các căn thì dục, ái, tham, sân, si sẽ sanh khởi hoài trong tâm, như vậy thì tu cái gì... Vì vậy, người không thành tựu trí về sáu căn không được Đức Phật chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể chứng đắc được mục đích của sự tu hành.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về sáu căn thì cần phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì sáu căn nằm trong Ngũ uẩn. Khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về sáu căn. Vì vậy, hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.4 Người không thành tựu Trí về Mười Hai Duyên

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 33)

“Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không biết rõ già chết, không biết rõ già chết tập khởi, không biết rõ già chết đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt; không biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... không biết rõ các hành, không biết rõ các hành tập khởi, không biết rõ các hành đoạn diệt, không biết rõ con đường đưa đến

các hành đoạn diệt; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không có thể với thẳng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh và mục đích Bà-la-môn hạnh.

*Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay là Bà-la-môn nào **biết rõ** già chết, biết rõ già chết tập khởi, biết rõ già chết đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt... biết rõ sanh... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xír... danh sắc... thức... biết rõ các hành, biết rõ các hành tập khởi, biết rõ các hành đoạn diệt, biết rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt; các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy **được chấp nhận là Sa-môn**... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại **có thể với thẳng trí tự mình giác ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh**”.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì mục đích của sự tu hành để hết khổ, để thoát khổ, nhưng người tu lại không thấy rõ khổ, không thấy rõ những nguyên nhân đưa đến khổ sanh khởi thì làm sao chấm dứt được khổ, làm sao

diệt được khổ. Và khi không thấy rõ khổ, không thấy rõ nguyên nhân sanh khổ, không chấm dứt được khổ, không diệt tận được khổ thì tu cái gì đây? Vì vậy, người tu mà không thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì Đức Phật không công nhận đó là người tu và ngay trong hiện tại vị này cũng không thể tu chứng được điều gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về Mười hai nhân duyên thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì những nhân duyên này chính là những duyên làm sanh khởi ra những thân Ngũ uẩn vô thường này. Vì vậy, khi tu tập thành tựu Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn thì hành giả cũng sẽ đi đến sự thành tựu trí về Mười hai nhân duyên. Hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.5 Người không thành tựu Trí về Cảm Thọ

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương IV, 376)

“Này các Tỷ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri sư tập khởi, sư đoạn diệt, vị ngọt, sư nguy hiểm và sư xuất ly của ba thọ này, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị ấy ngay trong hiện tại cũng không với thẳng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của ba **thọ** này, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 1 (Tương V, 326)

“Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc** căn, **khổ** căn, **hỷ** căn, **ưu** căn, **xả** căn. Vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi năm căn này; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn 2 (Tương V, 327)

Này các Tỷ-kheo, có năm căn này. Thế nào là năm? **Lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.**

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không rõ biết lạc căn, không rõ biết lạc căn tập khởi, không rõ biết lạc căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... không rõ biết xả căn, không rõ biết xả căn tập khởi, không rõ biết xả căn đoạn diệt, không rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong hiện tại, không tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, rõ biết lạc căn, rõ biết lạc căn tập khởi, rõ biết lạc căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến lạc căn đoạn diệt... rõ biết xả căn, rõ biết xả căn tập khởi, rõ biết xả căn đoạn diệt, rõ biết con đường đưa đến xả căn đoạn diệt; những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về các cảm thọ thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì mục đích của sự tu hành là để nhiếp phục và diệt tận tất cả những dục, ái, tham, sân, si, bản ngã. Nhưng những cấu uế này nằm trong cảm thọ, nếu không thành tựu trí về cảm thọ thì không thể thấy biết trọn vẹn các cấu uế này. Khi không thấy biết rõ các cấu uế trong nội tâm thì làm sao nhiếp phục được các cấu uế và tẩy sạch hết các cấu uế này. Khi không thấy biết rõ các cấu uế, không nhiếp phục được các cấu uế, không tẩy sạch hết các cấu uế trong tâm thì tu cái gì đây? Vì vậy, người không thành tựu trí về cảm thọ thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu chứng được gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về các cảm thọ thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì các cảm thọ nằm trong Ngũ uẩn. Khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về các cảm thọ. Vì vậy, hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.6 Người không thành tựu Trí về Lợi danh

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Trường II, 412)

“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không biết sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng,

không biết sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng, không biết con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những vị ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào biết được sự tập khởi của lợi đắc, cung kính, danh vọng, biết được sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng, biết được con đường đưa đến sự đoạn diệt của lợi đắc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình giác ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 411)

“Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của **lợi đắc, cung kính, danh vọng**; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, không được chấp nhận là Sa-môn giữa các Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong đời sống hiện tại cũng không tự mình với

thăng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh và mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Và những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật biết sự tập khởi, đoạn diệt, vị ngọt, nguy hiểm và xuất ly của lợi đặc, cung kính, danh vọng; các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy đối với Ta, được chấp nhận là Sa-môn... Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong đời sống hiện tại, có thể tự mình giác ngộ với thượng trí, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn và mục đích Bà-la-môn hạnh”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu trí về lợi danh, cung kính thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì nếu không thành tựu trí về lợi danh, cung kính thì khi lợi danh, cung kính đến với người tu thì người tu sẽ tham đắm, dính mắc, chấp trước, trói buộc vào chúng nhưng vị này không thấy không biết. Khi được danh, được lợi, được cung kính thì bản ngã trong vị này sẽ tăng trưởng và phát triển nhưng vị này không thấy không biết. Bề ngoài thì nói lời nhân nghĩa đạo lý, nhưng bên trong thì sân si, dao động, phóng dật, tham danh, tham lợi, bản ngã chất chồng. Vì vậy, người tu nhưng không thành tựu trí về lợi danh cung kính không được Đức

Phật chấp nhận là người tu và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tu chứng được gì.

Nhưng nếu muốn thành tựu trí về lợi danh cung kính thì phải thành tựu trí về Ngũ uẩn vì những cảm giác yêu thích lợi danh cung kính, cảm giác ganh tỵ với lợi danh cung kính của người, cảm giác mong muốn lợi danh cung kính đến với mình... Tất cả những cảm giác này nằm trong Ngũ uẩn. Do đó, khi thành tựu trí về Ngũ uẩn thì sẽ đi đến sự thành tựu trí về lợi danh cung kính. Hành giả cần đặc biệt lưu ý điểm này để biết rõ mình cần phải bắt đầu tu tập từ đâu.

3.2.3.1.7 Người không thành tựu Trí về Bốn đại

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 305)

“Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (pajānati) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị ấy ngay trong hiện tại cũng không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn... Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh”.

Kinh Sa-Môn Bà-La-Môn (Tương II, 306)

“Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... không quán tri thủy giới... không quán tri hỏa giới... không quán tri phong giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn, giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn

diệt... quán tri thủy giới... quán tri hỏa giới... quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn, giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh".

(Hết trích kinh)

Như vậy, người không thành tựu Trí về Tứ đại thì Đức Phật không chấp nhận là người tu, và ngay trong hiện tại, vị này cũng không thể tự mình tu tập chứng đạt mục đích của sự tu hành. Vì có sao? Vì thân này là do tứ đại hợp thành, thể giới vật chất này là thể giới của tứ đại. Nếu người tu không thành tựu trí về tứ đại thì người tu sẽ không nhàm chán đối với thân này, không nhàm chán đối với thể giới vật chất này. Do không nhàm chán đối với thân này nên dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh đối với thân và đối với thể giới này vẫn sanh khởi, vẫn hiện hữu, vẫn tồn tại, như vậy thì tu cái gì đây? Vì vậy, người tu nhưng không thành tựu trí về Tứ đại thì Đức Phật không chấp nhận đó là người tu, và ngay trong hiện tại vị này cũng không thể tu chứng được gì.

3.2.3.2 *Kết luận*

Thông qua các bài kinh trên, chúng ta thấy rằng không phải với hình thức, đầu tóc, quần áo mà Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài. Những vị được Đức Phật công nhận là đệ tử của Ngài đó phải là những vị có những đức hạnh vi diệu hiền thiện (diệu hạnh), có tâm tánh trung thực, chơn thật (trực hạnh), có đời sống chân chánh thiện lành với Tám sự Chân Chánh (chơn chánh hạnh), có sự tu tập hành trì và thể nhập trí tuệ theo đúng Chánh pháp mà Ngài đã chỉ dạy (như pháp hành), và đó chính là những vị đi vào hàng bốnđôi, tám chúng.

Khi đến với đạo Phật, hành giả cần cần trọng tìm hiểu kỹ Tam bảo, cần biết rõ thế nào là những vị đệ tử chân chánh của Đức Phật, sau khi biết rõ như vậy, tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận Thánh chúng, không cống cao ngã mạn, không xem thường bạn đồng tu, sẵn sàng xả bỏ những tâm ý chủ quan, cá nhân để hòa hợp trong tinh thần chung của Thánh chúng. Tâm luôn an trú trong hạnh “*Lời nói khiêm nhường - Tâm hồn khiêm hạ - Hành xử khiêm cung - Hiền hòa khiêm tốn - Kính trên nhường dưới - Khiêm nhã nhún nhường - Khéo xét lỗi mình - Khéo phòng hộ căn*”. Khi tứ chúng đệ tử Phật sống cung kính và tùy thuận Thánh chúng như vậy sẽ làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính Thánh chúng” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận Thánh chúng, hành xử theo chủ quan, bản ngã, cá nhân, ích kỷ, không tùy thuận đại chúng”.

3.2.4 Tôn kính các học pháp

Tứ chúng đệ tử Phật một lòng sống cung kính, tùy thuận các học pháp về giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, không tự ý thêm bớt, chỉnh sửa, thay đổi Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đưa thân tâm vào trong sự tu tập theo Giới Định Tuệ một cách nghiêm túc, thận trọng theo trình tự của Văn Tư Tu, xác định rõ từng giai đoạn tu của mình. Sau khi đã xác định giai đoạn tu của mình, cần tu tập thật tốt, thật hoàn mãn trong từng giai đoạn. Không hấp tấp, vội vàng, bất cẩn, đốt giai đoạn để rồi không có bước đi nào ra bước đi nào, không có giai đoạn nào ra giai đoạn nào, chao đảo trong thế đứng của mình, chao đảo trong trí tuệ của mình. Việc tôn kính các học pháp và tu tập tuân tự trong các học pháp giúp hành giả xác định, ổn định, định hình những bước đi của mình trên con đường đi đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não, khổ đau. Pháp cung kính và tùy thuận các học pháp đưa hành giả đi đến sự đạt được chân đứng trong đạo Phật và làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính các học pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tùy thuận các học pháp”.

3.2.5 Tôn kính thiền định

Tứ chúng một lòng sống cung kính, tùy thuận theo phương pháp tu tập định tâm mà Đức Phật đã chỉ dạy. Dùng bảy sự chân chánh để chuẩn bị sự định tâm chân chánh. Không tự động thêm bớt vào phương pháp thiền định, phương pháp định tâm trong Thánh Chánh định. Không xem thường thiền định. Không bỏ qua sự tu tập thiền định. Cần xác định rõ Giới Định Tuệ là ba pháp cần tu tập của người tu, không được xem thường và bỏ qua bất cứ pháp nào trong ba pháp này. Nếu không tu tập giới hạnh thì tâm không được an ổn. Người cư sĩ cần giữ gìn giới hạnh của người cư sĩ để thân tâm được an ổn trong đời sống tại gia. Khi tâm không an ổn thì khó tu tập thiền định. Khi tâm không có thiền định, không có định tâm một cách chân chánh thì trí tuệ không thể thành tựu một cách chân chánh và viên mãn. Người không có thiền định, tâm không định tĩnh, bình tĩnh, hành xử dao động, bộp chộp, dễ có nhiều sơ suất, nhiều sự không kiểm chế sai sót trong lời nói, hành động, làm cho người cười chê, làm mất đi nét đẹp của người tu, khiến cho người chưa có lòng tin trong Tam bảo sẽ không sanh khởi được lòng tin, người có lòng tin với Tam bảo sẽ sanh nghi ngờ,

suy sụp lòng tin, mất đi lòng tin đối với Tam bảo. Tuy nói thứ tự là Giới Định Tuệ nhưng hành giả cần tu tập Giới Định Tuệ một cách song hành. Vì vậy, trong sự tu tập này không được phép xem thường thiền định nhưng cũng không nên quá chú trọng tập trung vào thiền định mà không tu tập, không trau dồi trí tuệ và các đức hạnh vi diệu, hiền thiện của một người con Phật. Khi Giới Định Tuệ được vận hành một cách hài hòa đồng điệu thì sự tu tập thân tâm sẽ mau chóng tiến triển tốt và mau chóng đi đến thành tựu viên mãn. Tóm lại, sự cung kính, tôn kính Thánh giới hạnh, Thánh thiền định và Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao đó là một trong những pháp tuyệt đối quan trọng trong việc Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tôn kính thiền định” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính, không tu tập thiền định”.

3.3 Không phóng dật

3.3.1 Không tham ngủ

Kinh Cỏ Rơm (*Tương II, 467*): “*Trong tương lai, các Tỷ-kheo sẽ trở thành nhu nhược, tay chân mềm mỏng. Họ nằm trên những đồ nằm mềm mại. Họ ngủ cho đến mặt trời mọc trên những gò bông. Ác ma sẽ nắm được cơ hội, sẽ nắm được đối tượng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần*

phải học tập như sau: “Chúng tôi sẽ sống trên những gói rơm, không phóng dật, nhiệt tâm trong nỗ lực”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập”. Như vậy, pháp không tham ngủ, không lười biếng, không phóng dật là pháp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không tham ngủ” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Người tu tham ngủ, lười biếng, nhu nhược, ngủ đến mặt trời mọc”.

3.3.2 Không dính mắc ruộng vườn

Khi hệ lụy dính mắc vào ruộng vườn, người tu sẽ bị mất nhiều thời gian và sẽ sống trong sự tận hưởng các vật liệu sản phẩm cất chứa từ ruộng vườn, thích làm vườn, thích trồng trọt, làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt, không chuyên chú trong sự nhiếp phục thân tâm, không tập trung trong sự nhiếp phục thân tâm, không nỗ lực diệt tận dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Vì vậy, người tu không nên hệ lụy, không nên dính mắc vào ruộng vườn, lo nhiếp phục thân tâm, không lo chuyện vườn tược, không ham thích sống tận hưởng các vật liệu sản phẩm cất chứa từ ruộng vườn, không ham thích làm vườn, không ham thích trồng trọt, không ham thích tận hưởng các sản phẩm từ trồng trọt, không làm các thô tướng đối với đất đai. Sống như vậy

hành giả sẽ có nhiều thời gian để tu tập, có nhiều thời gian để tập trung vào sự trau dồi Giới Định Tuệ mà một người tu chân chánh cần phải thành tựu. Như vậy, pháp này đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không dính mắc ruộng vườn” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Người tu thích sống nhàn cư với vườn tược, thích trồng trọt để nuôi sống, không tinh cần tinh tấn tập trung trong sự tu tập tâm, nhiếp phục dục, ái, vô minh, lậu hoặc”.

3.3.3 Không quá thân mật

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 4 (Tăng II, 484)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, các chánh học nữ, các Sa-di ni. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo ni, chánh học nữ, Sa-di ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn trừ sợ hãi ấy”.

Như vậy, các mối quan hệ khác giới tính, hoặc đồng giới tính nên có những khoảng cách, ranh giới thích hợp. Nếu không giữ khoảng cách thích hợp, xô bồ, không ý tứ trong các mối quan hệ, không giữ lễ đối với nhau, sa đà, phóng dật, buông lung. Khi không hộ trì các căn thì dẫn đến sự sanh khởi những cảm xúc ái, dục. Khi ái, dục sanh khởi, sự tu tập lại chưa tốt, chưa thành tựu được chánh kiến, chưa nhìn thấy rõ những cảm xúc ái dục này, sự như lý tác ý còn quá yếu ớt nên những cảm xúc ái, dục này sẽ khống chế, dẫn dắt thân tâm đi đến những hành động sai lầm, tội lỗi, nhiễm ô, dẫn đến sa đọa, sa ngã, dẫn đến thối đọa trong sự tu tập.

Do đó, trong xã hội ngày nay, người tu không nên sống liên hệ quá thân mật với nhau dù là đồng giới hay khác giới. Như vậy, xúc được ngăn chặn, do xúc được ngăn chặn nên thọ được ngăn chặn, do thọ được ngăn chặn nên dục, ái được ngăn chặn. Khi sống như vậy sẽ không bị rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ không từ bỏ học pháp và không trở lui lại đời sống thế tục. Nhưng đôi khi không phải gặp nhau nhiều lần rồi ái dục mới sanh khởi mà đôi khi chỉ gặp gỡ một, hai lần là ái dục cũng đã khởi sanh. Khi ái, dục đã khởi sanh thì cần phải mạnh mẽ như lý tác ý để diệt tận ái dục này, làm cho nó không thể sanh khởi trong tương lai. Pháp không liên hệ quá thân mật, không liên hệ quá gần gũi, không liên hệ quá thường xuyên để tránh

những ái dục sanh khởi qua sự tiếp xúc, xúc chạm, gặp gỡ nhau thường xuyên.

“Không quá thân mật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mật pháp là do “Người tu sống liên hệ quá thân mật với nhau, dẫn đến rơi vào trong những tội lỗi nhiễm ô, cấu uế”.

3.3.4 Không phóng dật

Sống phóng dật là sống buông lung, phóng túng, vật vờ, thả lỏng các căn, cảm xúc nào sanh khởi thì hành xử theo cảm xúc đó. Cảm xúc dục sanh khởi thì ngoan ngoãn làm theo ý dục muốn; cảm giác ái sanh khởi thì ngoan ngoãn phục tùng cảm giác ái; cảm giác sân sanh khởi thì khúm núm làm theo cảm giác sân; cảm giác lười biếng sanh khởi thì ngoan ngoãn vâng lời cảm giác lười biếng; cảm giác si ám, vật vờ sanh khởi thì thả nổi thân tâm trong sự si ám, vật vờ; cảm giác hơn thua, bản ngã sanh khởi thì thân khẩu ý hành xử trong sự hơn thua, bản ngã... Sống chìm nổi theo những cảm giác cảm xúc, không nhìn thấy rõ, không tuệ tri rõ những cảm giác, cảm xúc này, không tuệ tri những thọ, tưởng, hành gì đang hoạt động, đang dẫn dắt, đang thúc giục, đang bức bách, đang chi phối trong thân tâm và không nỗ lực tinh tấn nhiếp phục, diệt tận những cảm giác cảm xúc bất thiện này, đó gọi là sống phóng dật. Sống phóng dật tức là sống trong vô minh, sống trong hôn mê,

sống trong si ám, sống trong dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc. Sống như vậy hiện tại đau khổ, tương lai khổ đau, chờ đợi ở đời sống tiếp theo sẽ là địa ngục, súc sanh, nga quý, người bất hạnh, kém may mắn với nước mắt đong đầy. Nếu tứ chúng sống phóng dật như vậy sẽ đưa đến Chánh pháp bị diệt vong.

Tóm lại, để là những người con Phật chân chánh, tứ chúng sống tinh cần tinh tấn, không phóng dật, các căn khéo phòng hộ, luôn quán sát thân tâm, nhận diện Ngũ uẩn, nhận diện những rác bần, sâu bọ, rắn rết trong thân tâm, tinh tấn chế ngự những cấu uế này, tinh tấn nhiếp phục chúng, đào thải chúng hoàn toàn khỏi nội tâm.

Nếu người con Phật sống buông lung, phóng dật, thả lỏng các căn, không cố gắng khống chế những cảm giác tham dục, thèm dục, khát dục, mê dục, ám ảnh dục đang sanh khởi trong thân tâm, không cố gắng nhiếp phục những cảm giác mong muốn tham danh, tham lợi trong mình, không cố gắng nhiếp phục những cảm giác sân tức trong mình, không cố gắng vượt qua những cảm giác lười biếng, hôn mê, vật vờ, phóng dật, giải đãi, dễ vui, cho phép mình được thoải mái trong các dục, cho phép mình được hưởng thụ dâm dục, cho phép mình được thoải mái trong sân giận, cho phép mình được buông lung vật vờ trong cảm giác si ám, sống như vậy thật không xứng đáng là một người con Phật, làm ô uế hình ảnh của hàng tứ chúng. Dù không ai

biết những hành vi cấu uế, nhiễm ô của mình, dù không ai biết những tâm niệm bản thủ của mình, dù không ai biết đời sống ô nhục thối tha của mình nhưng nhân quả sẽ biết, trời đất sẽ biết, chư thiên, chư thần xung quanh mình sẽ biết. Và khi thân hoại mạng chung, chờ đợi một đời sống buông lung, phóng dật trong sự tu hành sẽ là đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngã quý, cùi hủi, lở loét, đói rách, tật nguyền, bất hạnh, khổ đau. Người xung quanh mình có thể cảm thông, tha thứ, bỏ qua cho mình khi biết được những sai trái của mình, nhưng nhân quả thì rất sòng phẳng, rất công chính, liêm minh, không dung tình, dung thứ, vị tha.

Nhân quả sẽ không tha thứ cho một đời sống buông lung, phóng dật, vô đạo đức, đạo đức giả, giả dối, che đậy, mập mờ, thối tha, thối nát. Nhân quả rất công bằng. Và nhân quả luôn là người đồng hành, là người đi theo sát từng bước chân của các chúng sanh để chờ thời cơ, chờ cơ hội, chờ nhân duyên để khai hoa trở quả. Vì vậy, không nên sống buông lung, phóng dật trong các dục vọng, trong dâm dục, trong sân hận, trong si mê, trong hơn thua, ganh tỵ, tật đố, hẹp hòi, ích kỷ, ngã mạn, nói lời đâm thọc, dối trá... Người con Phật trong hàng tứ chúng, đệ tử Phật sống với hạnh không phóng dật sẽ làm cho Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không phóng dật” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống phóng dật, lười biếng, không cố gắng tinh tấn tu tập”.

3.3.5 Tri túc

Tri túc là biết đủ, biết chấp nhận, biết vừa lòng, biết hài lòng, biết an vui với những thứ mình có, không đứng núi này trông núi nọ, không thèm muốn cái của người. Hạnh tri túc biết đủ của người tu đó là tri túc biết đủ, biết hài lòng đối với tứ vật dụng là y áo, sàng tọa, đồ ăn khát thực, dược phẩm trị bệnh.

Nhưng bên cạnh đó, người con Phật đối với sự tu tập nhiếp phục tham sân si trong tự thân thì “Không nên thấy đủ trong các thiện pháp”, đó là lời dạy của Đức Phật. Người tu không nên thấy đủ trong sự tu học của mình khi mà nội tâm mình vẫn còn dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Ngày đêm tinh cần tinh tấn làm cho tăng thượng, làm cho tiến bộ hơn những thiện pháp trong mình, nỗ lực hướng đến sự tăng thượng Thánh giới hạnh, tăng thượng Thánh thiên định, tăng thượng Thánh trí tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Tu tập được pháp gì thì hoan hỷ trong thiện pháp ấy và nỗ lực tinh tấn tu tập những thiện pháp còn lại. Khi thành tựu được thiện pháp gì thì không nên khen mình chê người, không nên chỉ trích, bài bác, xuyên tạc xung quanh, tạo ra sự đả phá, chống đối xung quanh, nội tâm

nhỏ hẹp, hướng ngoại, hài lòng trong thiện pháp chút ít của mình, không cố gắng trau dồi tiếp tục những giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà mình chưa thành tựu. Sự tu tập như vậy, khó lòng tiến bộ, lại còn làm tăng trưởng những rác bần, cấu uế trong nội tâm.

Tham muốn các y tốt đẹp, tham muốn đồ ăn khát thực ngon, tham muốn sử dụng sàng tọa tốt đẹp là điều không tương xứng với một người tu. Tâm còn tham muốn tứ vật dụng tốt đẹp thì không xứng với Thánh hạnh mà mình đang theo, không xứng với Thánh hạnh mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi thọ dụng tứ vật dụng không tương xứng với người tu thì tứ chúng nhìn vào tuy không nói ra lời nhưng bên trong sẽ có sự: hoặc là thấy vậy mà ham thích theo, đua đòi theo, hoặc là thấy vậy mà ganh tỵ, ganh ghét, hoặc là thấy vậy mà chán ngán người tu, chán ngán sự tu, chán ngán những hình thức đại diện trong Phật giáo. Vì vậy, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài, hành giả cần quán chiếu, cần như lý tác ý để nhiếp phục lòng dục, lòng ái, lòng tham đối với y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, và không nên thọ dụng những tứ vật dụng không tương xứng với một người tu. Đây là điều Đức Phật muốn truyền dạy thông qua bài Kinh Sợ Hải Trong Tương Lai 4 (*Tăng II*, 484).

“Tri túc” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Người tu sống không tri túc trong tứ vật dụng, tham muốn hưởng thụ vật chất”.

3.4 Tu tập “Hạnh nhu hòa”

3.4.1 Tỳu thuận pháp tiếp đón

Khi gặp nhau người con Phật nên có sự chào hỏi, thăm hỏi nhau đúng pháp, sống với nhau với tâm cung kính, tỳu thuận pháp giao tiếp trong cuộc sống, chào hỏi đúng pháp, không quá thân thiện thiếu lễ nghi, thiếu oai nghi, nhưng cũng không quá lạnh lùng, lạnh nhạt, thờ ơ, thể hiện ta đây là người trên trước. Người tu chân chánh không xem thường sự chào đón, chào hỏi nhau một cách đúng pháp. Việc thăm hỏi, chào hỏi nhau đúng pháp làm cho người mới đến với đạo Phật có thiện cảm với đạo Phật, thiện cảm với Tam bảo, đồng thời việc chào hỏi đúng pháp sẽ làm cho tứ chúng có sự an ổn an lạc khi gặp nhau, khi tiếp xúc nhau.

Pháp tỳu thuận tiếp đón đưa đến sự hòa ái, khả ái, gần gũi trong tứ chúng. Pháp này làm cho bản ngã được lắng dịu, địa vị, danh vọng, chức quyền, những pháp có khả năng đưa đến sự tăng trưởng ngã mạn sẽ được lắng dịu, tứ chúng hòa đồng, hòa ái, gần gũi, khả ái với nhau và khả ái trong mắt mọi người, tạo thiện cảm cho người đến với Phật pháp.

Do đó, người con Phật nên cung kính, tùy thuận pháp tiếp đón.

“Tùy thuận tiếp đón” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp là do “Tứ chúng sống không cung kính pháp tiếp đón, hờ hững, lạnh lùng, ngã mạn, chẳng đoái hoài, thờ ơ, chẳng chào hỏi, thăm hỏi đúng pháp khi giao tiếp”.

3.4.2 Cung kính nhau, lắng nghe nhau

Tứ chúng chung sống với nhau trong sự hòa ái, hòa hợp, từ ái với nhau trước mặt lẫn sau lưng, vâng lời lẫn nhau, biết lắng nghe nhau, cung kính nhau, không xô bồ trong hành xử, giữ những phép tắc giới hạn cần thiết trong cư xử, trong nói chuyện, trong hành vi, lấy lễ để đối đãi nhau. Khi có những góp ý chân thành, đúng pháp thì cần dẹp bỏ bản ngã để tiếp nhận những lời góp ý. Khi nghe lời hay, ý đúng từ những người xung quanh, dù đó là người mình không ưa, không thích, nhưng nếu người đó nói lời đúng pháp thì vẫn nên nghe và nên thực hành. Đừng để cho thành kiến, định kiến với người đó chi phối mình, làm mình phản kháng trước tất cả mọi lời nói của người kia.

Khi nghe người nói điều mình đã biết thì cũng đừng vội nói là “tôi biết”, “biết”, “biết rồi”, nên tập tánh kham nhẫn trong khi nghe. Dù điều mình đã biết rồi nhưng cũng cứ lắng nghe, vì đôi khi mình chỉ biết một mặt hay một phần

của vấn đề đó còn những mặt khác của vấn đề thì mình vẫn còn chưa biết. Với người nhạy bén, tinh xảo, trong khi lắng nghe người kia nói sẽ có thể nhìn ra được tâm địa, tính cách, tánh tình của người nói, nhờ vậy sẽ biết cách tiếp đón ứng xử với người kia.

Vì vậy, hãy tập lắng nghe dù người nói điều mình đã biết, đừng vội bắt kham nhẫn, bộp chộp, đốp chát, nhanh nhẩu nói những câu “biết”, “biết rồi”, “tôi biết”. Hạnh cung kính lắng nghe là diệu hạnh, là một trong những nét hạnh vi diệu, hiền thiện của người con Phật. Dù là người mình thích hay người mình không thích, người trên mình hay người dưới mình thì cũng nên tập tâm lắng nghe nhau, cung kính nhau. Đức hạnh cung kính, kính lễ người làm cho hành giả lắng dịu bản ngã, giảm được sân si và nếu tu đúng theo Chánh pháp thì sẽ đi đến sự diệt tận được bản ngã, sân si, tâm buông lung, phóng dật, dễ vui, tâm hơn thua, cống cao, ngã mạn, tâm ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi. Hạnh cung kính là diệu hạnh, là nét hạnh vi diệu, hiền thiện, chân chánh, đúng pháp của một người con Phật. Hạnh cung kính trước làm cho hành giả trở thành con người khả ái, dễ thương, đáng kính, khiêm cung, khiêm hạ, gần gũi với người, sau là hành giả sẽ mau chóng dễ dàng đi sâu vào trong Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy. Khi một người đầy đủ những nét hạnh vi diệu hiền thiện lại được tu tập theo đúng Chánh

pháp thì vị này chắc chắn sẽ góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cung kính nhau, lắng nghe nhau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống không cung kính nhau, không lắng nghe nhau. Người dưới không tôn kính người trên, người trên không lắng nghe người dưới, bạn đạo với nhau không cung kính nhau, không lắng nghe nhau”.

3.4.3 Tâm tánh nhu hòa, dễ nói

Tánh không nhu hòa, không dễ nói đó là những tâm tánh dù đã được nói, được chỉ dạy, được nghe trình bày vấn đề một cách trong sáng, chân chánh, đúng pháp, rõ ràng nhưng trong tâm vẫn khởi lên sự cố chấp, bảo thủ, ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, khó nói, hơn thua, ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi, thích xuyên tạc, thích bôi nhọ người khác, thích nói sau lưng người khác, thích nói xấu người, nói với ác ý, ngã mạn ta đây ngấm ngấm hoặc lộ ra ngoài, chống đối ngấm ngấm hoặc lộ ra ngoài. Với người có tâm không nhu hòa, không dễ nói, không cung kính, không thận trọng thì khả năng tu tiến và thể nhập vào Thánh pháp này là điều không thể xảy ra. Đây là điều đã được nói trong Kinh sau:

Kinh KHÔNG CÓ CUNG KÍNH 1 (Tăng II, 325)

1- Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thân trọng, (vị ấy) không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính có thân trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.

- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra.

Kinh KHÔNG CÓ CUNG KÍNH 2 (Tăng II, 326)

1. - Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, (vị ấy) sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra.
- Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

2. Nay các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra.
- Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra.

(Hết trích kinh)

Tóm lại, người con Phật, người muốn tu tập thể nhập vào dòng Thánh pháp này cần tập hạnh nhu hòa, dễ nói, sống với nhau với tâm dễ thương, hiền hòa, hiền lành, hiền từ, hiền hậu, nhu thuận, biết lắng nghe, biết kham nhẫn, biết nhường nhịn nhau, biết hy sinh cho nhau, tôn trọng, kính trọng những lời nhắc nhở chỉ dạy của bậc hiền trí, bậc thiện tri thức, bậc có tâm mong muốn cho mình ngày một tốt đẹp hơn. Không câu nệ lời nói hoặc âm điệu câu nói của người, chỉ nắm giữ cái đúng, cái hay, cái thiện, cái tốt trong lời góp ý đó đối với bản thân mình, cố gắng để ý mình nhiều hơn những điều mà người đã góp ý và tinh tấn nhiếp phục những điều đã được người nhắc nhở.

Pháp “nhu hòa, dễ nói” đưa tứ chúng đi đến sự hòa hợp, hòa thuận, hòa nhã, hòa đồng, hòa ái, làm cho tứ chúng sống chan hòa, an lạc với nhau trong không khí nhẹ nhàng, an vui, không để cho các thế lực muốn phá hoại Phật pháp, phá hoại Tam bảo có cơ hội xâm nhập vào Tứ chúng, làm lũng đoạn, làm chia rẽ tứ chúng. Pháp “nhu hòa, dễ nói” giúp ngăn chặn, ngăn ngừa, phòng hộ, nhiếp phục, thay thế, đẩy lùi sự hoạt động của những tâm tánh ương ngạnh, cứng đầu, khó dạy, khó bảo, cố chấp, thành kiến, định kiến với nhau trong vô minh, si ám.

“Tâm tánh nhu hòa, dễ nói” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống với tâm tánh không nhu hòa, không dễ nói, ương ngạnh, cứng đầu, ngã mạn, khó nói”.

3.4.4 Không gây chia rẽ

Chia rẽ Tăng chúng, Thánh chúng là một trong những hành vi đưa đến quả báo bị sanh vào trong địa ngục và phải chịu đựng những nhục hình, cực hình hết sức khổ đau. Chia rẽ Thánh chúng là một trong năm trọng tội. Năm trọng tội hay còn gọi ngũ nghịch tội, đó là: giết mẹ, giết cha, giết vị A-la-hán, với ác tâm làm Như Lai chảy máu và phá hòa hợp Tăng. Với người đã phạm vào một trong năm tội trọng này thì khi chết sẽ bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, không thể chữa

tri, không thể cứu chữa, điều đó được nói trong Kinh Ngũ Nghịch (*Tăng II*, 546).

Vì vậy, tứ chúng tập sống với nhau trong sự hòa thuận, hòa đồng, tương thân, tương ái, không chia rẽ nhau, không mắng nhiếc nhau, không đấu khẩu nhau, không tấn xuất nhau, lấy sự hòa ái làm trọng, lấy sự nhu hòa làm trọng. Lấy sự vững mạnh của đại chúng làm trọng. Lấy sự đoàn kết của đại chúng làm trọng. Không chia bè, chia phái để củng cố quyền lợi, địa vị của bản thân. Không cấu kết bè phái để chia rẽ đại chúng. Không cấu kết bè phái để đả phá vị này, vị kia trong đại chúng. Cố gắng vượt qua, cố gắng nhiếp phục, cố gắng khắc phục những tâm tư hẹp hòi, ganh tỵ, ích kỷ, hơn thua, ngã mạn, đờc mát, cao thấp, danh lợi, chức quyền. Cố gắng nhiếp phục những tâm dòm ngó, soi mói người khác, bươi móc cái xấu của người khác.

Tránh việc lấy cái xấu của người khác làm đề tài trong cuộc nói chuyện của mình. Tránh nói xấu người khác, tránh nói sau lưng với tâm ác ý, tránh nói lời cay nghiệt, lời độc ác về người, tránh nói lời đâm thọc làm cho người trên ghét người dưới. Tránh những lời nói với ác tâm làm cho người này ghét người kia, làm cho người này hiểu lầm người kia, làm cho người này có thành kiến, định kiến với người kia, làm cho người này xa lánh, lạnh lùng, khi dễ, khinh rẽ người kia.

Nhưng nếu “Người nào là phá giới, ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là người tu nhưng tự nhận là người tu, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, Thánh chúng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi. Dầu cho người ấy có ngồi giữa Thánh chúng, nhưng người ấy sống xa Thánh chúng và Thánh chúng sống xa người ấy”, trích trong Kinh Atula Pahàrada (Tăng III, 557)

Như vậy, người phá giới, nội tâm hôi hám, đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, hành vi che đậy, sống không chân chánh thì không thể nào thể nhập vào Thánh pháp này và Thánh chúng sẽ hội họp lại đuổi người ấy đi. Nhưng nếu người ấy không bị phát hiện và vẫn sống nhõn nhơ giữa Thánh chúng thì dù cho người ấy ngồi trên cao, ngồi giữa Thánh chúng nhưng người ấy vẫn sống xa Thánh chúng và Thánh chúng sống xa người ấy. Nhưng dù người ấy khéo che đậy, không ai biết rõ hoặc không ai tố cáo sự hôi hám, bản thiêu của người ấy, đạo hữu không ai biết, tứ chúng không ai biết, nhưng trời biết, đất biết, chư Thiên biết, nhân quả biết và chờ đợi một nội tâm hôi hám, bất tịnh như vậy là địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, đọa xứ, khổ đau, nước mắt.

Tóm lại, với người có nội tâm hôi hám bất chánh thì không thể nào tu tập được pháp chân chánh, tức là không thể nào

tu tập được Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Lại nữa, khi mục đích của sự tu hành không được xác định rõ, hoặc bị phai mờ, phai nhạt, lãng quên thì những thói quen, những lối sống trong hôn mê, vô minh, trầm mịch, bất thiện, si ám sẽ sanh khởi và xâm chiếm tâm, chi phối tâm, dẫn dắt tâm đi vào những nẻo mê lầm, tội lỗi, xấu xa. Vì vậy, để không rơi vào những ngã rẽ tối tăm trong hôn mê trầm mịch, người con Phật cần xác định rõ, cần quyết trạch rõ, cần khẳng định rõ mục đích tu hành, đường hướng tu hành, thái độ tu hành của mình một cách chân chánh đúng pháp.

“Lấy sự nhiếp phục thân tâm làm sự nghiệp.

Lấy sự đoạn diệt tham, sân, si làm ước mong.

Lấy sự không chế dục, ái, bản ngã làm niềm vui thích.

Lấy sự diệt tận vô minh, lậu hoặc làm chiến thắng, chiến công, vinh dự, vinh hạnh của người tu”.

“Không cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, tiếng tốt, quyền lợi, thành công, vinh dự, vinh hạnh, chiến công, chiến thắng của kẻ phàm phu.

Cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, tiếng tốt, quyền lợi, thành công, vinh dự, vinh hạnh, chiến công, chiến thắng của bậc Thánh”.

Thế nào là chức vụ và địa vị của Thánh nhân?

Đó là địa vị của bậc Dự lưu, địa vị của bậc Nhất lai, địa vị của bậc Bất lai, địa vị của bậc A-la-hán.

*Thế nào là **danh vọng** của Thánh nhân?*

Đó là những bậc đã đạt được danh xưng: “Đây là bậc đã diệt được ba hạ phần kiết sử”, “Đây là bậc đã diệt được ba hạ phần kiết sử và làm giảm thiểu dục tham và sân hận”, “Đây là bậc đã diệt được năm hạ phần kiết sử”, “Đây là bậc đã hoàn toàn trong sạch”. Đó là bốn danh vọng, danh xưng của các bậc Thánh.

*Thế nào là **tiếng tốt** về bậc Thánh?*

- “Đây là bậc đã thấy biết rõ thân tâm này, đã khai mở được trí tuệ, đã đâm thủng được vô minh”. Đó là tiếng tốt thứ nhất về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở được trí tuệ về tự thân và đã làm giảm thiểu, làm nguội lạnh, làm muối lược được lòng dục và lòng sân trong tự thân”. Đó là tiếng tốt thứ hai về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở được trí tuệ và đã diệt được hoàn toàn lòng dục và lòng sân đối với cuộc sống này”. Đó là tiếng tốt thứ ba về bậc Thánh.
- “Đây là bậc đã khai mở trí tuệ, đã diệt được dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc một cách hoàn toàn và không còn phải tiếp tục chịu sự trầm luân trong dòng sanh tử phiền não và đau khổ này”. Đó là tiếng tốt

thứ tư về bậc Thánh. Như vậy, đó là bốn tiếng tốt về bậc Thánh.

*Thế nào là **quyền lợi** của bậc Thánh?*

- Quyền lợi thứ nhất của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ sau khi diệt được ba hạ phần kiết sử.
- Quyền lợi thứ hai của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự nhiếp phục thân tâm được đôi phần sau khi diệt được ba hạ phần kiết sử và làm nguội lạnh dục tham và sân hận.
- Quyền lợi thứ ba của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự nhiếp phục thân tâm được khá nhiều sau khi diệt được năm hạ phần kiết sử.
- Quyền lợi thứ tư của bậc Thánh đó là sự an ổn của trí tuệ và sự hoàn toàn nhiếp phục được thân tâm sau khi phá sạch mười kiết sử; tâm được hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, thoát khỏi mọi ràng buộc, mọi trói buộc, mọi nhiệm ô cấu uế trong cuộc đời. Đó là bốn quyền lợi hy hữu, tuyệt vời, thần diệu, vi diệu, tối thượng của bậc Thánh.

*Thế nào là **thành công**, là **vinh dự**, là **vinh hạnh**, là **chiến công**, là **chiến thắng** của bậc Thánh?*

- Diệt tận được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ nhất của bậc Thánh.

- Diệt tận được thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, làm nguội lạnh dục tham và sân hận, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ hai của bậc Thánh.
- Diệt tận hoàn toàn thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục tham và sân hận, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ ba của bậc Thánh.
- Diệt tận được hoàn toàn mười kiết sử, mười sự trói buộc tâm đi trong sanh tử, luân hồi, phiền não và khổ đau, đó là thành công, là vinh dự, là vinh hạnh, là chiến thắng thứ tư, chiến thắng tối thượng của bậc Thánh.

Đó là bốn mức độ thành công, bốn mức độ vinh dự, bốn mức độ vinh hạnh, bốn mức độ chiến thắng của các bậc Thánh nhân. Người con Phật chân chánh không cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, quyền lợi, thành công của phàm phu. Người con Phật chân chánh cho phép mình hoan hỷ với chức vụ, địa vị, danh vọng, quyền lợi, thành công của bậc Thánh. Khi tứ chúng không bị chia rẽ, sống với nhau trong tâm niệm hòa hợp và hướng thượng, hướng đến một đời sống cao đẹp, thánh thiện như vậy, tứ chúng sẽ làm cho người chưa có lòng tin trong sạch đối với Tam bảo thì sẽ tìm được tịnh tín, và người đã có lòng tịnh tín thì lòng tin này sẽ thêm tăng trưởng lớn mạnh. Đây là pháp đưa đến sự hòa hợp lớn mạnh của đại chúng, làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Không chia rẽ nhau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống gây chia rẽ, gây bất hòa, nói lời đâm thọc, tạo sự xung đột, mất hòa khí trong đại chúng”.

3.5 Tu tập “Hạnh cần trọng”

3.5.1 Cần trọng nghe pháp

Không nghe pháp một cách hời hợt, qua loa, đại khái, tập nghe pháp với sự cần trọng, với sự lắng tai, để tâm vào pháp, nắm bắt ý nghĩa các pháp một cách cần trọng. Nếu phần nghe pháp không cần trọng tức là phần Văn không cần trọng thì phần Tư không thể chân chánh, đúng pháp, dẫn đến sự tư sát, tư duy méo mó lệch lạc, dẫn đến những tri kiến sai lầm cho tự thân và cho tha nhân. Vì vậy, người học Phật cần nắm vững tầm quan trọng của việc cần trọng nghe pháp để có một thái độ nghe pháp một cách chân chánh, đúng pháp. Việc cần trọng nghe pháp làm cho Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cần trọng nghe pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cần trọng trong việc nghe pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.2 Cẩn trọng học thuộc lòng các pháp

Không học các pháp một cách đại khái, qua loa, không học các pháp với thái độ chủ quan, không học các pháp với suy nghĩ chỉ cần nắm nghĩa không cần nắm ngữ, những thái độ học pháp này đưa đến sự diệt vong của Chánh pháp. Người con Phật cần cẩn trọng học thuộc lòng các pháp mà Đức Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác đã truyền trao. Nhất là những pháp quan trọng trong pháp hành, những pháp nằm trong Tám Chánh, những pháp này cần phải được học thuộc lòng một cách cẩn trọng và trong khi thực hành, hành giả cần theo sát các pháp, không tự ý vẽ vời thêm bớt các pháp. Việc cẩn trọng học thuộc lòng các pháp góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cẩn trọng học thuộc lòng các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng học thuộc lòng các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.3 Cẩn trọng thọ trì ý nghĩa các pháp

Không nắm hiểu các pháp một cách đại khái, qua loa, hời hợt. Cần thọ nhận, thọ trì, nắm hiểu các pháp một cách chính xác, rõ ràng không mơ hồ, không mộng lung, pháp trắng và pháp đen cần phải thông hiểu một cách rõ ràng,

pháp thiện và pháp bất thiện cần phải thấy biết một cách rạch ròi, trạch pháp. Không để tâm mơ hồ, đại khái trong việc thọ trì, nắm hiểu ý nghĩa các pháp. Việc cẩn trọng thọ trì ý nghĩa các pháp là tuyệt đối quan trọng, đưa đến tự lợi và lợi tha, đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Cẩn trọng thọ trì ý nghĩa các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng thọ trì ý nghĩa các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.4 Cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp

Sau khi nắm hiểu các pháp một cách cẩn trọng, chính xác, cần quán sát các pháp trong thực tế của cuộc sống, thực tế của thân tâm. Đưa các pháp đã được học, được hiểu, được thọ trì từ trong lý thuyết, từ trong lời Phật chỉ dạy trong kinh vào trong thân tâm, vào trong cuộc sống để tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về các pháp. Việc quán sát ý nghĩa các pháp một cách thường xuyên, liên tục, miên mật sẽ đưa đến sự thể nhập trí tuệ về các pháp. Khi các pháp đã được trí tuệ thể nhập, hành giả sẽ có một chân đứng ổn định trong dòng pháp này, khả năng rơi rớt, tuột khỏi dòng pháp này là không thể xảy ra. Đây chính là sự thành tựu phần Tư trong Văn Tư Tu, hay còn gọi là hành giả đã thành tựu Chánh tri kiến, bước vào

Dự lưu Thánh quả. Việc cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp cũng chính là sự thực hành như lý tác ý. Nếu không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp, không thực hành như lý tác ý thì tự thân không thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng các pháp. Như vậy, trí tuệ về các pháp không thành tựu, không thể nhập. Khi trí tuệ về các pháp không được thành tựu, không được thể nhập thì những tư tưởng lệch lạc, méo mó, những tà kiến trong vô minh sẽ dễ dàng xâm chiếm vào nội tâm, tâm dễ chấp nhận những tri kiến lệch lạc của thế gian, dẫn đến Chánh pháp bị diệt vong. Vì vậy, pháp “cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy là tuyệt đối quan trọng, pháp này góp phần làm Chánh pháp hưng thịnh và an trú lâu dài”.

“Cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.5 Cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp

Sau khi cẩn trọng quán sát ý nghĩa các pháp, tự thân thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng sự thật về các pháp, hành giả cần cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp. Tùy là tùy tùng, là đi theo. Tùy pháp là những pháp đi theo sau đó. Khi hành giả cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp thì hành giả sẽ đi đến sự thể nhập thâm sâu vào các pháp và trí tuệ

rộng mở, thiện xảo, khéo léo, uyển chuyển, vững chắc. Khi trí tuệ đã vững chắc, thâm sâu, thiện xảo thì hành giả dễ dàng bỏ gãy mọi tà kiến, tà pháp, tà đạo, bỏ gãy mọi lập luận tà thuyết của những tư tưởng vô minh, những kiến chấp sai lầm. Như vậy, việc cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp góp phần làm hưng thịnh Chánh pháp, làm Chánh pháp được an trú lâu dài.

“Cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.6 Cẩn trọng nắm vững Ngũ - Nghĩa của kinh

Khi dịch kinh sách cần cẩn trọng, cẩn thận, cố gắng không để mình thọ lãnh sai lầm, nắm hiểu sai lầm văn cú và nghĩa lý của câu kinh, cố gắng không để cho văn cú bị sắp đặt đảo lộn làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lệch. Văn cú cần được sắp đặt chín chu, trước sau rõ ràng, rõ nghĩa, rõ văn, rõ pháp, làm cho nghĩa lý của câu kinh trong sáng, sáng tỏ, không tạo sự hiểu lầm, không tạo sự mù mờ cho người đọc, người học, người thực hành, không làm cho nghĩa lý bị hướng dẫn sai lệch.

“Cẩn trọng nắm vững ngũ nghĩa của kinh” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không

cần trọng nắm vững ngữ nghĩa của kinh, đưa đến pháp được nắm hiểu sai lầm, cạn cợt, hời hợt, thêm bớt”.

3.5.7 Cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp

Khi nói lại kinh cho người khác nghe, khi dịch lại kinh sách phải hết sức thận trọng, cố gắng không làm mất ý nghĩa của câu kinh, cố gắng để cho người nắm hiểu đúng, nắm hiểu chính xác văn tự và nghĩa lý của câu kinh. Khi nói lại kinh, đọc kinh, dịch kinh, học thuộc kinh cần phải nói, đọc, dịch, học một cách cẩn thận, chính xác với lời dạy gốc của Đức Phật trong những kinh gốc, kinh nguyên thủy, nguyên chất của Phật dạy để không trao truyền, không truyền tải sai lời Phật dạy, không làm cho kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ.

Người thuyết pháp cho tứ chúng cần phải là người thông hiểu pháp về cả văn cú và nghĩa lý, giảng giải pháp cho tứ chúng với sự cẩn trọng, cẩn thận, hết lòng, hết mình, tận tình trao gửi lại tất cả những văn cú, nghĩa lý của các pháp, các kinh mà mình đã được duyên lành học hiểu. Không nói kinh, nói pháp một cách lấp lửng, mập mờ, nói nửa chừng, nói nửa vơi, phần còn lại để người muốn hiểu sao thì hiểu, tạo ra những dấu hỏi, những nghi ngờ trong tâm người học. Người thuyết pháp cần làm tròn trách nhiệm trao truyền Thánh pháp mà mình đã thấy biết, đã giác hiểu cho thế hệ

sau. Như vậy, khi vị này mạng chung, pháp sẽ không bị cắt đứt tại gốc rễ.

“Cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mất pháp do “Tứ chúng không cần trọng trong việc nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp, đưa đến pháp bị truyền bá sai lầm, lệch lạc, thêm bớt”.

3.6 Tu tập “Hạnh tinh cần đúng pháp”

3.6.1 Tinh cần tinh tấn

ĐẠI KINH XÓM NGỰA (*Trung I, Bài 39*)

(*Maha Sapura suttam*)

(Trích đoạn)

Thế Tôn nói như sau:

– *Sa-môn! Sa-môn! Đây các Tỷ-kheo, dân chúng biết các Ông là vậy. Và nếu các Ông được hỏi: “Các Ông là ai?” Các Ông phải tự nhận: “Chúng tôi là Sa-môn”.*

*Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được danh xưng như vậy, đã tự nhận là như vậy, thì này, các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu tập như sau: “Chúng ta sẽ **thọ trì và thực hành** những pháp tác thành Sa-môn, những pháp tác thành Bà-la-môn. **Như vậy, danh xưng này của chúng ta mới chân chánh và sự tự nhận này của chúng ta mới như thật.** Và những*

đồ cúng dường mà chúng ta thọ hưởng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh mới có được kết quả lớn, lợi ích lớn cho chúng ta. Và chúng ta xuất gia không thành vô dụng, có kết quả, có thành tích”.

1. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp tác thành Sa-môn, và các pháp tác thành Bà-la-môn?*

“Chúng ta sẽ thành tựu tâm quý”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tu tập.

*Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tâm quý đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”. Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, **Ta khuyến cáo các Ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các Ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.***

2. *Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?*

“Thân hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì thân hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thể khởi lên ý kiến: “Chúng ta đã thành tựu tâm quý, thân hành chúng ta thanh tịnh, đến mức độ này, như vậy là vừa đủ; đến mức độ này, như vậy đã làm xong. Chúng ta đã đạt được mục đích Sa-môn hạnh. Chúng ta không có gì phải làm hơn nữa”.

Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố cho các ông: Khi các Ông hướng đến mục đích Sa-môn hạnh, chớ có từ bỏ mục đích này, khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

3. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Khẩu hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì khẩu hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

4. Này các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Ý hành chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì ý hành thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, này

các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

5. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Sanh mạng chúng ta phải được thanh tịnh, minh chánh, cởi mở, không có tỳ vết, che giấu. Nhưng chúng ta không vì sanh mạng thanh tịnh ấy, khen mình, chê người”. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Nay các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

6. Nay các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải hộ trì các căn. Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tư chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến

tham ái, uru, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, chúng ta sẽ tư chế ngư nguyên nhân ấy, hô trì ý căn, thực hành su hô trì ý căn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

7. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

"Chúng ta phải biết tiết độ trong ăn uống, với chánh tư duy, chúng ta thọ thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tư làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, chúng ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và chúng ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn"". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

8. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

"Chúng ta phải chú tâm cảnh giác. Ban ngày đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi

các pháp chương ngại. Ban đêm canh một đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại. Ban đêm canh giữa, chúng ta phải nằm dằng nằm con sư tử, nghiêng bên hông tay phải, một chân dặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm canh đầu thức dậy, đi kinh hành (hay) trong lúc ngồi, chúng ta phải tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chương ngại”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông...khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

9. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải làm hơn nữa?

“Chúng ta phải chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kẹp, bình bát, thương y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác”. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải tu tập... Và cho đến mức độ ấy, các Ông có thể tự thỏa mãn. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến cáo các Ông... khi đang còn công việc đáng phải làm hơn nữa.

10. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các công việc đáng phải

làm hơn nữa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

- *Này các Tỷ-kheo, như một người mắc nợ liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được những nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*

- *Này các Tỷ-kheo, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*
- *Này các Tỷ-kheo, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*
- *Này các Tỷ-kheo, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy sau một thời gian thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người giải thoát, được tự do đi lại”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*

- *Này các Tỷ-kheo, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc. Người ấy sau một thời gian đã đi khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, yên ổn, không có nguy hiểm, tài sản không bị tổn giảm”. Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.*

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình, quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Này các Tỷ-kheo, cũng như không mắc nợ, không bị bệnh tật được khỏi tù tội, được tự do, đến được đất lành yên ổn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi chúng được diệt trừ.

Sau khi đã đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Vị ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện, hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn

với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước từ trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra và thỉnh thoảng trời mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh thấm nhuần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi

là “xả niệm lạc trú”, chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Nay các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Nay các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân

không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thâm nhuần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Nay các Tỷ-kheo, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình, người ấy nghĩ: “Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây, ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta”. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây”. Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu

nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh... Nay các Tỷ-kheo, ví như có hai nhà có cửa và ở đây, một người có mắt đứng ở giữa, người này có thể thấy các người (khác) đi vào nhà, đi ra, đi qua, đi lại. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lâu

tân trí... Nay các Tỷ-kheo, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ”. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là Nguyên nhân của Khổ”, biết như thật: “Đây là sự Diệt khổ”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự đoạn trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy tuệ tri: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”.

Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là vị đã tắm sạch sẽ, là vị đã biết và hiểu rõ, là bậc có học, là bậc Thánh, là bậc A-la-hán.

- Thế nào Tỷ-kheo là Sa-môn? Vị này đã làm cho dừng lại các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm,

đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Sa-môn.

- Thế nào Tỷ-kheo là Bà-la-môn? Vị này đã tản xuất ra ngoài các ác, các pháp bất thiện, những pháp này ô nhiễm, đưa đến tái sanh, đáng sợ hãi, đem lại khổ quả, đưa đến sanh già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là Bà-la-môn.
- Thế nào Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ? Vị này đã tắm gội sạch sẽ các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã tắm sạch sẽ.
- Thế nào là Tỷ-kheo đã biết và hiểu rõ? Vị này đã biết và hiểu rõ các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã biết rõ.
- Thế nào là Tỷ-kheo có học? Vị này đã tiêu diệt các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có học.
- Thế nào là Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh, là bậc A-la-hán? Vị này đã làm cho xa lìa các ác, các pháp bất thiện... đưa đến sanh, già, chết trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được gọi là bậc Thánh, là bậc A-la-hán.

(Hết trích kinh)

Như vậy, người con Phật chân chánh cần phải tinh cần, tinh tấn tu tập và thể nhập các pháp sau:

1. Tu tập tàmm quý
2. Tu tập thân hành thanh tịnh, minh chánh
3. Tu tập khẩu hành thanh tịnh, minh chánh
4. Tu tập ý hành thanh tịnh, minh chánh
5. Tu tập thân mạng thanh tịnh, minh chánh
6. Hộ trì các căn
7. Tiết độ trong ăn uống
8. Chú tâm cảnh giác
9. Chánh niệm tỉnh giác
10. Tìm chỗ thanh vắng, gột sạch năm triền cái
11. Thể nhập bốn thiền
12. Thể nhập Thánh Trí về Khổ, Thánh Trí về Lậu hoặc, diệt tận lậu hoặc, thành tựu Lậu Tận Trí.

Đó là mười hai pháp mà một người tu chân chánh cần phải tu tập và thể nhập.

Tóm lại, người con Phật chân chánh cần phải sống tinh cần tinh tấn, tri túc, không lười biếng, không sống sa đọa, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp, không khen mình chê người, không thỏa mãn dừng lại trong các thiện pháp đã thành tựu, tinh tấn cố gắng để chúng đạt được những gì chưa chứng đạt, để chúng đắc được những gì chưa chứng đắc, để chúng

ngộ được những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, những thế hệ sau cũng tiếp nối con đường của thế hệ trước, họ cũng sẽ sống trong sự tri túc, không biếng nhác, không sa đọa, không bỏ rơi gánh nặng sống viển ly, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp, không dừng lại giữa chừng trong các thiện pháp, tinh tấn cố gắng để chứng đạt được những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc được những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ được những gì chưa chứng ngộ.

“Tinh cần tinh tấn” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng sống lười biếng, buông lung, phóng dật, chọn cái dễ mà làm, chọn cái dễ mà tu, từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp, tu được chút ít thì thỏa mãn trong sự tu tập, gìn giữ được vài giới hạnh thì khen mình chê người, không cố gắng để đạt được mục đích của sự tu, không nỗ lực tu tập thành tựu Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy”.

3.6.2 Tu tập Bốn niệm xứ

Mục đích của sự tu hành là để nhìn thấy rõ những rác bần, những căn bã, cấu uế, nhiễm ô, vô minh, lậu hoặc trong tự thân và tiến hành công cuộc thanh lọc, đào thải, chế ngự, nhiếp phục, đoạn tận khỏi nội tâm tất cả những cấu uế, lậu hoặc này. Nhưng để có thể nhìn thấy rõ những rác bần, cấu uế, lậu hoặc này thì cần phải nhìn thấy rõ Ngũ uẩn vì những

rác bản, cấu uế này nằm trà trộn trong Ngũ uẩn. Và để có thể nhìn thấy rõ Ngũ uẩn thì cần phải an trú tâm trong việc quán sát thân, thọ, tâm, pháp thì mới có thể nhìn thấy được trọn vẹn tất cả các hành tướng của Ngũ uẩn.

Thân, thọ, tâm, pháp hay còn gọi là Bốn niệm xứ, đây là bốn chỗ hay bốn nơi tâm cần an trú, cần quán sát để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu trí tuệ về Ngũ uẩn, thấy rõ dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy rõ tất cả các hành tướng của Ngũ uẩn thì mới có thể đi đến sự thấy biết trọn vẹn tất cả các lậu hoặc, uế nhiễm trong nội tâm. Sau khi đã nhìn thấy rõ tất cả những uế nhiễm trong nội tâm thì mới có thể tiến hành công cuộc thanh lọc thân tâm, đào thải khỏi thân tâm tất cả những rác bản, uế nhiễm này.

Mục đích của người tu là làm trong sạch một nội tâm uế nhiễm. Mục đích của đạo Phật là chỉ dẫn cho người tu một phương pháp tu tập chân chánh để làm trong sạch tâm uế nhiễm này. Và phương pháp chân chánh đó chính là đưa tâm về quán sát thân, thọ, tâm, pháp để thành tựu chánh kiến về tự thân, đưa thân tâm vào trong đạo lộ chân chánh, đúng pháp để tu tập sự đào thải khỏi thân tâm tất cả những cấu uế, nhiễm ô. Đạo lộ chân chánh, đúng pháp để tẩy sạch hết tất cả những nhiễm ô trong nội tâm đó chính là sự tu tập theo phương pháp Tám chánh. Với thân tâm được tu tập tám sự chân chánh thì tất cả những rác bản, những cấu

uế lậu hoặc trong tự thân sẽ được thanh lọc sạch, đào thải sạch và đi đến sự diệt tận một cách hoàn toàn.

Như vậy, khi đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự nhiếp phục thân tâm được thấy biết một cách trong sáng, rõ ràng thì Bốn niệm xứ được thấy biết, được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp. Khi Bốn niệm xứ và Pháp tám chánh được thấy biết, được tu tập chân chánh, đúng pháp thì Chánh pháp này được biết đến, được tu tập, được trao truyền, được tồn tại lâu dài.

Và khi trong Chánh pháp này có người tu tập chân chánh, đúng pháp về Bát Chánh Đạo, Bốn niệm xứ thì chắc chắn sẽ có người thành tựu các Thánh quả, thành tựu đạo quả giải thoát, thành tựu Giới Định Tuệ, thành tựu sự nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc. Khi có người thành tựu Thánh đạo, thành tựu Thánh quả tức là có sự chứng minh được phương pháp Tám chánh và Bốn niệm xứ là phương pháp chân chánh, là đạo lộ chân chánh, là pháp hành chân chánh, là đường lối tu tập chân chánh đưa người thực hành đi đến sự nhiếp phục dục, ái, tham, sân, si, trong tự thân. Và như vậy, giá trị của con đường, lợi ích của con đường này, tính độc đáo thần diệu của con đường này được hiển lộ, được rực sáng và tỏa sáng trong bầu trời vô minh tăm tối này, tức là Chánh pháp này được hưng thịnh và an trú lâu dài.

Nhưng khi đường lối tu tập chân chánh đưa đến sự nhiếp phục thân tâm không được thấy biết một cách trong sáng, rõ ràng thì Bốn niệm xứ sẽ không được thấy biết một cách chân chánh và không được tu tập một cách đúng pháp.

Khi pháp Tám chánh và Bốn niệm xứ không được tu tập một cách chân chánh, đúng pháp thì không có người thành tựu Thánh đạo.

Khi không có sự thành tựu Thánh đạo thì sẽ không có sự thành tựu Thánh quả.

Khi không có sự thành tựu Thánh quả tức là không có sự tu chứng chân chánh trong đạo Phật.

Khi không có sự tu chứng chân chánh trong đạo Phật thì sẽ không có người chân chánh trình bày thuyết giảng về đường lối tu tập chân chánh mà Đức Phật đã chỉ dạy đưa đến sự nhiếp phục thân tâm, tẩy sạch thân tâm khỏi các cấu uế.

Khi không có sự chứng minh, không có sự hiển lộ sự vi diệu thân diệu của Chánh pháp trong đạo Phật thì giá trị của đạo Phật không được hiển lộ, giá trị của Chánh pháp không được thấy biết, không được trình bày một cách chân chánh trên cuộc đời này.

Khi tác dụng, giá trị, lợi ích, tinh hoa của Chánh pháp không được hiển lộ, không được phơi bày, không được

thấy biết, không được trình bày một cách chân chánh, đúng pháp thì Chánh pháp sẽ bị mai một dần, sẽ bị thất truyền, sẽ bị người đời lãng quên, sẽ đi đến sự lạng lẽ, âm thầm biến mất khỏi cuộc đời này.

Khi Chánh pháp biến mất, hay khi Tám chánh và Bốn niệm xứ không còn được ai thấy biết một cách chân chánh trên cuộc đời này, tức là khi phương pháp tu tập chân chánh đưa đến sự chấm dứt sanh tử, phiền não và khổ đau bị thất truyền, bị biến mất, thế giới lại chìm vào trong biển vô minh tăm tối, vấn đề giải quyết sanh tử lại rơi vào trong ngõ cụt, không có lối thoát, nước mắt, phiền não và những nỗi thống khổ trong sanh tử của chúng sanh lại tiếp tục triền miên.

Đó là lý do vì sao khi Bốn niệm xứ không được tu tập một cách chân chánh đúng pháp thì Chánh pháp không được tồn tại lâu dài, và khi Bốn niệm xứ được tu tập một cách chân chánh đúng pháp thì Chánh pháp được hưng thịnh và được an trú lâu dài.

Người con Phật cần nắm vững điều này để có thái độ chân chánh, cái nhìn chân chánh đúng pháp đối với Bốn niệm xứ, pháp Tám chánh. Từ đó, hành giả có sự tìm hiểu cẩn trọng về Bốn niệm xứ, pháp Tám chánh và có sự nghiêm túc tu tập thực hành trong đạo lộ này. Đây là điều đã được thể hiện rõ trong các Kinh Niệm Xứ (*Trung*, bài 10), Kinh

Đại Niệm Xứ (*Trường*, bài 22), Kinh Trú (*Tương V*, 269), Kinh Tôn Giảm (*Tương V*, 271), Kinh Bà-la-môn (*Tương V*, 272), Kinh Magandiya (*Trung*, bài 75), Kinh Ambapàli (*Tương V*, 219), Kinh Con Đường (*Tương V*, 288), Kinh Xànisà (*Trường*, bài 18).

3.6.3 Trau dồi Giới Định Tuệ

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (*Tăng II, 479*)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập nên các trưởng lão Tỷ-kheo sẽ sống đầy đủ, biếng nhác dẫn đầu trong thời đọa, từ bỏ gánh nặng viển ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà kiến của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thời đọa, từ bỏ gánh nặng, viển ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do nhiễm ô về Pháp, đưa đến nhiễm ô về Luật; do nhiễm ô về Luật, đưa đến nhiễm ô về Pháp.”

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

(Hết trích kinh)

Như vậy, Chánh pháp diệt vong là do người tu không tu tập, không trau dồi thân tâm, không trau dồi giới hạnh, thiền định và trí tuệ một cách chân chánh, đúng pháp để rồi tạo ra một thể hệ mới không có đức hạnh, không có định tĩnh, không có trí tuệ, làm ô nhiễm pháp, làm ô uế đạo, làm tàn mất đạo pháp chân chánh của Đức Phật.

Vì vậy, trong sự tu tập Thánh pháp này, hành giả cần tu tập đầy đủ và tu tập đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Khi thành tựu được đôi phần giới hạnh thì không nên dừng lại tại đó rồi khen mình chê người, chê bai, chống đối, đả phá chỗ này chỗ kia. Khi khen mình chê người, đả phá, chống đối xung quanh là giới hạnh trong thân khẩu ý của hành giả đã không được tốt đẹp, làm người đời cười chê, đạo hạnh kém cõi.

Nhưng đáng cay thay là những thân hành không giới hạnh, phá giới, chìm đắm trong dâm dục hèn hạ, tâm không định tĩnh, Thánh trí tuệ không thật sự thành tựu, lại đi giảng dạy người, giáo hóa người, nói những lời đạo đức sáo rỗng, những lời trí tuệ rỗng không. Bản thân không giới hạnh lại đi dạy giới hạnh cho người, bản thân không định tĩnh lại đi

dạy cách định tâm cho người, bản thân không trí tuệ lại đi dạy trí tuệ cho người. Một tay che trời, che đất, che giấu người đời, che giấu bạn đạo, che giấu đồ chúng nhưng không che giấu được nhân quả, không che giấu được bậc trí nhân, không trốn tránh khỏi bàn tay của nhân quả, không thoát khỏi đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, những kiếp người khốn khổ hoạn nạn trong bất hạnh và nước mắt. Nếu tự thân đã phá giới, sống dâm dục hèn hạ, không có khả năng nhiếp phục được tập khí dâm dục thấp hèn thì nên về trong đời sống phàm tục, để không thọ nhận của tín thí, không phải chịu nhiều đời kiếp sau đó phải sống cảnh đọa đày trong đọa xứ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thân người bần cùng, bất hạnh, đói khổ lang thang.

(Trích kinh)

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, đổi với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải, họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thi, với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử

thuyết, trong khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lóng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Nay các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm, nên Luật ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp ô nhiễm”.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn tận sợ hãi ấy.

(Hết trích kinh)

Như vậy, nguyên nhân loạn pháp, mạn pháp là do người tu không tu tập thân, không tu tập Giới Định Tuệ nên không thông hiểu những lời dạy thâm sâu của Đức Phật, lại đi yêu thích những văn thơ bay bổng của thi sĩ thế gian, thi sĩ phạm phu, học thuộc lòng những văn thơ ấy, rồi còn đi thuyết giảng những văn thơ ấy, làm suy đồi đạo Pháp, làm ô nhiễm đạo Pháp.

Người con Phật ngày nay cần nắm biết rõ nguyên nhân mạn pháp này và cần tu tập, trau dồi giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy để có thể thông hiểu sâu sắc những lời dạy thâm sâu của đức Thế Tôn. Nếu tự thân không tu tập tốt về Giới Định Tuệ, tức là tự thân không thể nhập vào Thánh pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy thì sẽ không thể thâm hiểu những nghĩa lý thâm sâu trong lời Phật dạy.

Do không hiểu được những nghĩa lý thâm sâu trong lời Phật dạy, pháp được thấy biết một cách sơ sài, hời hợt nên những tà kiến, tà pháp có thể len lỏi vào trong nội tâm, dẫn dắt tâm đi vào trong vô minh, làm cho các lậu hoặc có cơ hội tồn tại, có cơ hội lén lút hoạt động và rồi chúng lại tiếp tục lén lút dẫn dắt tâm đi trong sanh tử.

Tóm lại, để không rơi khỏi đạo lộ của sự giải thoát, không tạo cơ hội cho vô minh và lậu hoặc có thể ẩn nấp trá hình dưới nhiều hình thức trong nội tâm, hành giả cần có sự tu tập cẩn trọng, tu tập chân chánh đúng pháp trong giới hạnh, thiền định và trí tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy. Hành giả cần nhiếp phục những tập khí dâm loạn, bất thiện, khen mình chê người, đâm chọt đầu này đầu kia với tâm ác ý, sân hận, đả phá, chỉ trích. Tu tập như vậy, trước là để tự thân không bị rơi vào trong đọa xứ, địa ngục, không rơi vào trong những tư tưởng, những lập luận của những tà pháp, tà nhân, tà đạo dẫn dắt, sau là tự thân góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

“Tinh cần tu tập, trau dồi Giới Định Tuệ” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng không tinh cần tu tập trau dồi Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao”.

3.7 Tự giác trước, giác tha sau

3.7.1 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới thọ đại giới cho người

Kinh Sợ Hãi Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

“Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vi Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập.

*Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ **thọ đại giới** cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ.*

Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập.

Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ sẽ thọ đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm; do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai; các

Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng”.

(Hết trích kinh)

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu Giới Định Tuệ mà lại đi làm lễ thọ đại giới cho người thì người thấy vậy mà khinh thường, xem thường, không cố gắng tu tập, bất mãn, chán nản trong sự tu, đưa đến buông lung, phóng dật, thả nổi các căn, sống thối đọa trong các thiện pháp. Vì vậy, vị làm lễ thọ đại giới cho người, là vị phải có sự tu tập về Giới, Định, Tuệ thì tứ chúng mới thật sự kính nể chứ không phải chỉ kính nể bên ngoài, kính nể trên lời nói, kính lễ ở đầu môi nhưng trong nội tâm thì bất mãn, chán nản, buồn phiền, khinh khi. Thế hệ sau sẽ không có sự nỗ lực tu tập, sống lười biếng, đọa lạc, xa rời Chánh pháp, làm cho Chánh pháp bị phai mờ, thất truyền và đi đến sự diệt vong. Như vậy, để góp phần làm Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài thì sau khi tự thân đã tu tập thành tựu Giới, Định, Tuệ rồi hãy làm lễ thọ đại giới cho người.

3.7.2 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới làm y chỉ sư cho người

Kinh Sợ Hải Trong Tương Lai 3 (Tăng II, 479)

*“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người **thân** không tu tập, **giới** không tu*

tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tầng thượng giới, trong tầng thượng tâm, trong tầng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm, nên Luật bị ô nhiễm. Do Luật ô nhiễm, nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi, nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các Thầy cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các Thầy cần phải tinh tấn để đoạn trừ chúng”.

(Hết trích kinh)

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu trong sự tu tập thân, giới, tâm, tuệ nhưng lại làm vị hướng dẫn cho người thì không thể tạo ra một thế hệ mới trong sạch, thanh tịnh, thiện lành, đúng pháp và sẽ làm cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

Đây là điều đau lòng, nhức nhối trong Phật pháp ngày nay. Người con Phật cần thức tỉnh trước điều này, cần tầm quý sâu sắc trước điều này, cần quyết tâm nỗ lực tu tập thân,

giới, định, tuệ mà Đức Phật đã truyền trao để tự thân trở thành một người con Phật chân chánh thiện lành, thành lập một thể hệ tu tập chân chánh đúng pháp và tạo lập sự chân chánh thiện lành trong những thể hệ tu hành về sau.

Vì vậy, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài, tạo ra một thể hệ mới trong sạch, thanh tịnh, chân chánh, đúng pháp thì vị y chỉ sư, vị hướng dẫn, vị giảng dạy pháp cho người cần có sự tầm quý sâu sắc, cần có sự thân, giới, tâm, tuệ được tu tập, được nhiếp phục, được thành tựu, từ đó mới có thể huấn luyện, đào tạo một thể hệ người tu sau trong sạch, thanh tịnh, đúng pháp.

3.7.3 Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ mới đi thuyết pháp

Nếu tự thân không tu tập, không thành tựu khá tốt trong Giới Định Tuệ nhưng lại đi thuyết pháp chỉ dạy cho người thì thật là một điều xấu hổ, ê chề, ô nhục trong tự thân. Tự thân đã không thành tựu các thiện pháp thì làm sao xứng đáng ngồi giảng dạy và giúp người an trú được trong các thiện pháp. Bản thân rỗng không và vô nghĩa trong lời nói. Một thời gian sau khi người phát hiện ra thì lòng tin của người bị sụp đổ, lòng tin đối với Tam bảo bị tổn giảm, làm cho Chánh pháp bị diệt vong.

Tự giác trước rồi giác tha sau thì sự giác tha như vậy là chân chánh đúng pháp. Nếu bản thân chưa tự giác, tự thân chưa thành tựu sự tu tập nhiếp phục những tập khí tham dục, tham nói, tham lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, chưa thành tựu chánh kiến, chưa thấy được vô minh, lậu hoặc, chưa nhiếp phục vô minh, lậu hoặc, lại đi giảng dạy người, giáo hóa người thì giảng dạy cái gì đây, giáo hóa cái gì đây khi nội tâm rỗng không, trí tuệ rỗng không, không giới đức, không định tĩnh, không thấy biết rõ những gì đang hoạt động, đang vận hành, đang thúc giục, chi phối, khống chế thân tâm. Bản thân còn ở trong bùn lầy, nhớp nhúa, tanh hôi thì làm sao kéo người ra khỏi bùn lầy, nhớp nhúa, tanh hôi. Bản thân còn ở trong vô minh, vô trí thì làm sao giúp người đắm thủng vô minh, khai mở trí tuệ. Bản thân còn chưa thấy rõ con đường thoát khỏi địa ngục, súc sanh thì làm sao có thể chỉ dẫn cho người thấy rõ con đường thoát khỏi địa ngục, súc sanh.

Vì vậy, tự giác trước rồi giác tha sau thì đây là điều Đức Phật khuyến khích, khích lệ người con Phật. Nhưng nếu chưa tự giác, chưa thành tựu chánh kiến mà lại làm y chỉ sư cho người, làm chỗ nương tựa cho người thì chỉ đưa người đi vào trong ngõ cụt, ngõ tối, chốn vô minh, sanh tử, khổ đau.

Tóm lại, để góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài thì vị truyền đại giới, vị làm y chỉ sư, vị

thuyết pháp, vị giảng pháp chỉ nên đứng ra truyền đại giới, làm y chỉ sư và thuyết giảng sau khi tự thân đã tu tập, đã thành tựu khá tốt trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao.

“Tự giác trước rồi giác tha sau” là pháp đối trị với nguyên nhân đưa đến mặt pháp do “Tứ chúng chưa tự giác, chưa thành tựu trí tuệ, chưa thành tựu chánh kiến mà lại đi giác tha, giáo hóa, giảng dạy người”.

3.7.4 Người đứng đầu phải có chánh kiến

Kinh Vị Trưởng Lão (Tăng II, 493)

(Trích kinh)

“Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người. Thế nào là năm?”

- *Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoan vâng, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe. Các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã*

nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ... Vì ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vì ấy làm cho nhiều người từ bỏ điều pháp, chấp nhân phi điều pháp.

- *Vì Tỷ-kheo là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì vị Trưởng lão được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia và xuất gia đòanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng, Tỷ-kheo Trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*
- *Vì rằng Tỷ-kheo là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.*

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo Trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, trí tuệ của vị trưởng lão, trí tuệ của vị đứng đầu là tuyệt đối quan trọng. Nếu vị trưởng lão, vị đứng đầu, vị trưởng thượng là vị có tà kiến, có tri kiến điên đảo, sai lầm, lệch lạc, hiểu biết hời hợt, nông cạn trong giáo pháp; chưa

thấy tự nhận là thấy, chưa biết tự nhận là biết, chưa chân chánh giác ngộ lại tự nhận là đã chân chánh giác ngộ, chưa thành tựu trí tuệ lại tự nhận là có trí tuệ; tâm còn vô minh, lậu hoặc nhưng không thấy, không biết lại tuyên bố là công việc đã làm xong; vô tình hoặc cố ý nói những lời làm cho người khác tưởng rằng vị này đã thành tựu đạo quả viên mãn. Khi nghe vị trưởng lão nói như vậy, khi nghe người khác đồn như vậy, những vị không thành tựu chánh kiến sẽ không đủ trí tuệ để kiểm định sự thật, kiểm định sự chân chánh trong lời nói của vị trưởng lão và tin theo sự thấy, sự nghe đó, tin theo tà kiến, đi theo sự hiểu biết sai lầm, sự tập tập sai lầm của vị trưởng lão, trưởng thượng này. Vì sao người ta dễ tin vào vị trưởng lão, trưởng thượng? Vì vị này có được năm lợi thế:

- Xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến.
- Có danh tiếng, danh xưng, địa vị, chức vụ trong đại chúng.
- Được một số đông người tại gia và xuất gia đoanhyd vậy.
- Nhận được nhiều sự cúng dường của tứ chúng nên mở rộng các chi nhánh, các cơ sở tu học bề thế tiếng tăm.
- Nghe pháp nhiều, đọc nhiều, hiểu nhiều, ghi nhớ điều đã được nghe, nên khi nói, khi thuyết giảng biết

dẫn chứng sách này, sách kia, làm cho nhiều người tin theo tri kiến của vị ấy.

Với năm lợi thế này, vị trưởng lão trưởng thượng có tà kiến này sẽ làm cho nhiều người tin tưởng theo sự hiểu biết sai lầm và đường lối tu sai lầm của vị ấy. Vị ấy sẽ làm cho nhiều người từ bỏ Chánh pháp, đi vào tà pháp, đi theo tà kiến, tri kiến vô minh của mình. Vị trưởng lão này đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người, làm cho Chánh pháp bị diệt vong.

Tóm lại, nếu vị trưởng lão, vị trưởng thượng, vị đứng đầu hội chúng là vị có tà kiến, có tri kiến không chánh trực, có cái nhìn cái thấy không chân chánh, không đúng pháp, nhìn méo mó lời dạy của Đức Phật, bị ngã mạn chi phối, bị vô minh chi phối, bị danh lợi chi phối, sống trong ảo tưởng về tự thân, sống không trung thực với tự thân, lừa dối bản thân, dối lừa quần chúng, không tu hành chân chánh theo Chánh pháp chánh đạo, ngạo mạn tự tin với tri kiến cá nhân, giả dối, xảo trá, lừa gạt, che giấu cái chưa được của tự thân, phô trương, khoe khoang cái được chút ít nhỏ nhặt trong sự tu học; khuếch đại, phóng đại sự việc nhỏ nhặt để quần chúng nể sợ, để có danh tiếng ta đây vậy khác với quần chúng, qua mặt quần chúng, nói lời đạo đức sáo rỗng, giả dối, không tu tập chân chánh, đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao. Vị trưởng lão, vị đứng

đầu như vậy đem lại bất hạnh cho đồ chúng, cho quần chúng, cho chư Thiên và loài người.

Nhưng nếu vị trưởng lão, vị trưởng thượng, vị đứng đầu hội chúng là vị có chánh kiến, có tri kiến chánh trực, có cái nhìn cái thấy chân chánh, đúng pháp; không nhìn méo mó lời Phật dạy; không bị ngã mạn chi phối, không bị vô minh chi phối, không bị danh lợi chi phối; sống chân thật với tự thân, không lừa dối bản thân, không lừa dối quần chúng; tu hành chân chánh theo Chánh pháp chánh đạo; không ngạo mạn tự tin với tri kiến cá nhân; không giả dối, xảo trá, không che giấu cái chưa được của mình, không phô trương, không khoe khoang cái được chút ít nhỏ nhặt trong sự tu học; không khuếch đại sự việc nhỏ nhặt để quần chúng nể sợ, để có danh tiếng ta đây vậy khác; không qua mặt quần chúng; không nói lời đạo đức sáo rỗng mà bản thân chưa tu tập, chưa thành tựu; nói những lời mà tự thân đã tu tập, đã thành tựu; tu tập chân chánh, đúng pháp trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã truyền trao, vị trưởng lão như vậy. Vị trưởng thượng, vị đứng đầu như vậy đem lại an lạc, đem lại hạnh phúc cho đồ chúng, cho quần chúng, cho chư Thiên và loài người.

Do đó, vị trưởng lão, người đứng đầu, vị trưởng thượng trong tứ chúng cần tu tập chánh kiến, cần thành tựu chánh kiến, không có những tri kiến điên đảo sai lầm, lệch lạc, để không làm cho những người đi theo bị rơi vào tà pháp, tà

kiến, tà đạo. Đây là pháp tuyệt đối quan trọng góp phần đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

3.8 Thực hành “Hạnh giác tha” Thuyết

3.8.1 pháp rộng rãi cho tứ chúng

Sau khi đã cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp, sau khi đã thành tựu trí tuệ vững chắc, thâm sâu trong giáo pháp, thành tựu đôi phần ổn định trong Giới Định Tuệ mà Đức Phật đã chỉ dạy, đôi phần nhiếp phục được dục, ái, tham, sân, si, làm chủ được khá tốt thân hành, khẩu hành, ý hành. Khi ấy, hành giả có thể thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng, làm cho Chánh pháp được rực sáng, tỏa sáng trong cuộc đời, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, góp phần làm hưng thịnh Chánh pháp, làm Chánh pháp an trú lâu dài.

3.8.2 Đọc tụng pháp một cách rộng rãi

Sau khi đã được nghe pháp, học pháp, hành pháp từ vị thành tựu chánh kiến thuyết giảng, tứ chúng hội họp với nhau để cùng tu học trong tinh thần hòa đồng, hòa ái, tương thân, tương ái, cùng đọc tụng pháp một cách rộng rãi để cho các pháp đã được nghe, được học, được thực hành đi sâu vào trong tâm, thấm nhuần trong tâm và an trú trong tâm.

Việc cùng nhau tụng đọc pháp làm sức mạnh trong sự tu học của tứ chúng được duy trì, tăng trưởng và phát triển; làm cho tự thân hoan hỷ trong pháp và làm cho đại chúng hoan hỷ trong pháp; giúp giữ lửa trong tự thân và giữ lửa trong đại chúng; làm cho Chánh pháp được rực sáng, tỏa sáng trong bầu trời tăm tối vô minh. Đó là lý do vì sao cần đọc tụng pháp một cách rộng rãi, vì sao việc đọc tụng pháp góp phần làm Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài.

3.8.3 Tạo thuận duyên cho vị thuyết pháp

Khi trong tứ chúng có vị thành tựu chánh kiến, thành tựu các thiện pháp nêu trên thì tứ chúng cần tạo điều kiện thuận lợi cho vị này thuyết pháp rộng rãi cho đại chúng. Không vì ganh tỵ, tật đố, ích kỷ, hẹp hòi, không vì quyền lợi cá nhân, không vì địa vị, danh vọng của bản thân mà không tạo duyên cho vị thành tựu chánh kiến và thành tựu thiện pháp được thuyết pháp rộng rãi cho đại chúng.

Người con Phật chân chánh cần lấy Chánh pháp làm trọng, lấy lợi ích của đại chúng làm trọng, lấy mục đích làm cho Chánh pháp được trường tồn làm trọng, biết gạt bỏ những quyền lợi, địa vị, danh vọng thấp kém, phàm phu, tạo điều kiện thuận lợi cho vị thành tựu chánh kiến, thành tựu các thiện pháp được thuyết pháp một cách rộng rãi cho tứ chúng.

Tóm lại, hạnh giác tha là hạnh cao đẹp của người con Phật, góp phần làm cho Chánh pháp được hưng thịnh và an trú lâu dài. Nếu tự giác trước rồi giác tha sau thì đó là chân chánh đúng pháp. Nhưng nếu bản thân chưa tự giác, chưa thành tựu các thiện pháp các đức hạnh cần có của một người tu mà lại thích đi giác tha thì đó là làm trò cười cho thiên hạ. Bản thân còn mù lòa thì làm sao giúp cho người sáng mắt được. Bản thân còn ở trong vô minh tăm tối thì làm sao giúp người phá được vô minh.

Vì vậy, nếu chưa tự giác mà thích đi giác tha, thích đi giảng dạy, thuyết pháp, giáo hóa người thì chẳng qua là bị dục nói kích động, bị dục nói chi phối thân tâm; trạng thái hữu lậu hoạt động mạnh; tâm hướng ngoại, dao động; không nhiếp phục được thân tâm, không nhiếp phục được hữu lậu, không khống chế được dục lậu; tâm không định tĩnh, tâm không an tịnh, tâm không tìm được sự an trú bên trong, tâm không ở yên được một chỗ. Tâm như vậy được gọi là tâm không được tu tập, tâm không nhu nhuyễn, không lắng dịu, không dễ dạy, dễ bảo. Tâm như vậy là tâm chạy theo dục, bị dục khống chế, bị dục chi phối, bị dục áp bức áp đảo. Tâm như vậy là tâm làm nô lệ cho dục, tâm làm tay sai cho dục, là kẻ phục dịch cho dục, là kẻ tôi tớ cho dục. Tâm như vậy là tâm hoạt động theo dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Tâm như vậy làm sao giác tha, làm sao giáo hóa người, làm sao mang lại lợi ích thật sự cho người? Tâm như vậy làm

sao hướng dẫn cho người nhiếp phục được dục, nhiếp phục được ái, nhiếp phục được tham, sân, si, bản ngã và vô minh? Tâm như vậy làm sao giúp người vượt thoát khỏi khổ đau, vượt thoát khỏi biển trầm luân trong sanh tử? Hành sự giáo hóa người với một nội tâm như vậy thì thật là vô nghĩa, thật là rỗng không, thật là vô ích, vô tích sự, đem lại nhiều vô phước cho tự thân, đem lại nhiều vô phước cho người nghe, người hành, người tin theo, làm cho Chánh pháp đi đến sự diệt vong.

“Thực hành hạnh giác tha, hạnh chân chánh thuyết pháp” là pháp đối trị với nguyên nhân diệt pháp do “người con Phật đã không chân chánh giác tha, không chân chánh giảng dạy, không chân chánh trao truyền Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao”.

3.9 Kết luận

PHÁP TỔNG QUÁT đưa đến thịnh pháp: 8 pháp

- Tìm hiểu kỹ Phật pháp.
- Tôn kính Tam Bảo.
- Không phóng dật.
- Tu tập hạnh nhu hòa.
- Tu tập hạnh cẩn trọng.
- Tu tập hạnh tinh cần đúng pháp.
- Tự giác trước, giác tha sau.

- Thực hành hạnh giác tha.

PHÁP CHI TIẾT đưa đến thịnh pháp: 34 pháp

1). Tìm hiểu kỹ Phât pháp

1. Xác định rõ Chánh pháp và Tượng pháp
2. Xác định rõ Pháp và Luật trong đạo Phật
3. Xác định rõ điều Đức Phật nói và không nói

2). Tôn kính Tam Bảo

4. Tôn kính Đức Phật
5. Tôn kính Chánh pháp
6. Tôn kính Thánh chúng
7. Tôn kính các học pháp
8. Tôn kính thiền định

3). Không phóng dật

9. Không tham ngủ
10. Không dính mắc ruộng vườn
11. Không quá thân mật
12. Không phóng dật
13. Tri túc trong tứ vật dụng

4). Tu tập “Hanh nhu hòa”

14. Tùy thuận pháp tiếp đón
15. Cung kính nhau, lắng nghe nhau.
16. Tâm tánh nhu hòa, dễ nói

17. Không chia rẽ nhau

5). Tu tập “Hanh cần trong”

18. Cần trọng nghe pháp

19. Cần trọng học thuộc lòng các pháp

20. Cần trọng thọ trì ý nghĩa các pháp

21. Cần trọng quán sát ý nghĩa các pháp

22. Cần trọng thực hành pháp và tùy pháp

23. Người trao truyền kinh cần trọng nắm vững ngữ-nghĩa của kinh

24. Người trao truyền kinh cần trọng khi nói kinh, dịch kinh, thuyết pháp

6). Tu tập “Hanh tinh cần đúng pháp”

25. Tinh cần tinh tấn

26. Tu tập Bốn niệm xứ

27. Trau dồi Giới Định Tuệ

7). “Tự giác trước, giác tha sau”

28. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới thọ đại giới cho người.

29. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới làm y chỉ sư cho người.

30. Tự thân đã tu tập Giới Định Tuệ rồi mới đi thuyết pháp

31. Người đứng đầu phải có chánh kiến

8). Thực hành “Hạnh giác tha”

32. Thuyết pháp rộng rãi cho tứ chúng

33. Đọc tụng pháp một cách rộng rãi

34. Tạo thuận duyên cho vị thành tựu trí tuệ thuyết pháp

Tóm lại, trên đây là ba mươi bốn pháp đối trị làm cho Chánh pháp hưng thịnh đã được chúng tôi chia thành tám nhóm để người con Phật dễ đọc, dễ học, dễ ghi nhớ, dễ ghi khắc trong tâm. Người con Phật cần nắm biết rõ những pháp đưa đến Chánh pháp bị diệt vong và những pháp đối trị đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh an trú lâu dài. Sau khi nắm biết rõ như vậy, cần nỗ lực tu tập những pháp đưa đến Chánh pháp được hưng thịnh và nỗ lực tránh xa những pháp làm cho Chánh pháp bị diệt vong, đó là thái độ chân chánh của những người con Phật chân chánh.

4 SƠ LƯỢC LỊCH SỬ KẾT TẬP KINH ĐIỂN

4.1 Các kỳ kết tập kinh điển Phật Giáo

Trong phần này, chúng tôi xin phép chỉ tóm tắt sơ lược về các kỳ kết tập kinh điển. Nếu quý vị nào muốn tìm hiểu kỹ về vấn đề này thì có thể lên mạng để tìm hiểu, vấn đề này đã được nhiều vị sử gia đã tìm hiểu và đã được đưa lên mạng.

- *Kết tập kinh điển lần 1*: Tại Ấn độ, thành Rājagaha, sau khi Đức Phật nhập diệt 3 tháng. Người chủ tọa trong kỳ kết tập đầu tiên này là Ngài Mahākassapa và 500 vị A-la-hán, (trong đó 499 vị A-la-hán được chính Đức Phật công nhận khi Ngài còn tại thế, còn Tôn giả Ānanda, chứng A-la-hán quả sau khi Đức Phật nhập diệt nhưng trước kỳ kết tập kinh điển này). Các loại kinh điển được công nhận trong Phật giáo lúc này chỉ là bốn bộ Nikāya: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ứng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh. Trong Phật giáo thuở ban đầu chỉ có Tạng Kinh và Tạng Luật. Trong Tạng Kinh thì chỉ có 4 bộ Nikāya, không có Tiểu Bộ kinh và không có Tạng Luận.
- *Kết tập kinh điển lần 2*: Tại Ấn độ, thành Vesali (Tỳ-Xá-Ly), sau khi Đức Phật nhập diệt 100 năm, gồm 700 Tỷ-kheo. Trong kỳ kết tập này Tăng đoàn chia rẽ, phân

chia thành 2 bộ phái là Trưởng lão bộ và Đại chúng bộ. Kinh Tiểu Bộ được kết tập vào giai đoạn này.

- *Kết tập kinh điển lần 3*: Tại Ấn độ, thành Pataliputta (Hoa Thị), nước Ma Kiệt Đà, thời vua A-dục, khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt. Lúc ấy, Tăng đoàn xảy ra nhiều tranh luận, biện luận, Tạng Luận và bộ Atỳđàm (Vi Diệu Pháp) được chính thức hình thành. Một số đồng ý bộ luận này, một số khác không đồng ý nên tạo ra một sự chia rẽ sâu sắc trong Tăng đoàn. Sự chia rẽ này đã làm sản sinh ra hơn 20 bộ phái với những sự lý luận, lập luận, tranh luận, biện luận, chấp trước, chấp thủ khác nhau. Tăng đoàn chia rẽ thành 20 bộ phái: Đại chúng bộ chia rẽ thành 9 bộ phái, Thượng tọa bộ chia rẽ thành 11 bộ phái. Phật giáo từ giai đoạn này rất phức tạp, rất nhiều ngoại đạo xuất gia gia nhập vào Phật giáo vì mục đích được lợi dưỡng cung kính và danh vọng. Lại có nhiều Tỷ-kheo vốn xuất thân là Bà-la-môn giáo, khi xuất gia theo Phật giáo lại cố tình đưa giáo lý của Bà-la-môn giáo vào Phật giáo, giảng giải Phật giáo theo Bà-la-môn giáo. Do đó, Tăng đoàn từ giai đoạn này rất là phức tạp, nhiều vị chưa phải là bậc A-la-hán nhưng lại tự nhận mình là bậc A-la-hán rồi lại tự đặt ra những khiếm khuyết của vị A-la-hán, bôi nhọ hình tượng vị A-la-hán vốn là vị được Đức Phật nói là bậc tối thượng ở trên đời. Về sau này, có ý kiến cho rằng

danh từ Tiểu thừa xuất hiện là để chỉ các lý luận, biện luận, lập luận của các bộ phái trong giai đoạn này. Số không công nhận bộ luận Tạng này và không công nhận kỳ kết tập này vì xem đây là kỳ kết tập của bộ phái, các vị này đã bỏ đi về miền Bắc nước Ấn độ và cũng lập ra các bộ luận khác, từ đây hình thành Phật giáo Bắc Tông và bộ Luận tạng của Bắc Tông. Sau lần kết tập kinh điển thứ ba, vua A-dục cho con trai là Ngài Mahinda mang Tạng Luận này, cùng với Tạng Kinh Nikāya và Tạng Luật đi sang Tích Lan để truyền đạo, từ đây thành lập Phật giáo Nam Tông.

- *Kết tập kinh điển lần 4 theo Bắc truyền:* Khoảng 400 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, Đại chúng bộ kết tập lần 4 tại Kasmira, miền Tây bắc Ấn Độ.
- *Kết tập kinh điển lần 4 theo Nam truyền:* Khoảng 500 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, Ngài Mahinda chủ tọa kỳ kết tập này tại Tích Lan.
- *Kết tập kinh điển lần 5:* Theo Tây lịch là vào năm 1871, chư Tăng chọn thủ đô Miến Điện là Mandalay làm địa điểm kết tập. Thời gian kéo dài 5 tháng. Vị chủ tọa kết tập kinh điển lần thứ 5 này là Trưởng lão Pong Yi Sayadaw, có 2.400 Chư Tăng tham dự. Vua Mindon là người bảo trợ cuộc kết tập kinh điển.

- *Kết tập kinh điển lần 6*: Bắt đầu từ ngày 17/5/1954 đến ngày lễ Tam Hợp (Phật đản) năm 1956, Phật Lịch 2.500, nghĩa là trong 2 năm mới hoàn tất. Nơi tổ chức kỳ kết tập là trong một thạch động vĩ đại tại thủ đô Rangoon (Yangon). Ngài Nyungān Sayadaw được đại hội suy tôn làm vị chủ tọa. Thủ tướng U Nu của chính phủ Miến Điện tài trợ chi phí cho cuộc kết tập kinh điển kỳ này.

4.2 Sau khi Đức Phật nhập diệt

4.2.1 Kinh Gopaka Moggallāna (*Trung III, bài 108*)

(Gopaka Moggallāna sutta)

“Nhu vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ānanda trú ở Rājagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc, khi Thế Tôn thị tịch không bao lâu. Lúc bấy giờ, Vua Ajātasattu con bà Videhi nước Māgadha (Ma-kiệt-đà), vì nghi ngờ Pajjota (Đặng Quang Vương), nên cho xây kiên cố thành Rājagaha.

Tôn giả Ānanda buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khát thực. Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: “Nay còn quá sớm để vào Rājagaha khát thực. Vậy ta hãy đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của

vị này”. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallāna và chỗ làm việc của vị này. Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Ānanda:

– Hãy đến, Tôn giả Ānanda! Thiện lai, Tôn giả Ānanda! Đã lâu rồi Tôn giả Ānanda mới tạo được cơ hội này, tức là đến đây. Tôn giả Ānanda hãy ngồi xuống, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ānanda ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Còn Bà-la-môn Gopaka Moggallāna chọn một chỗ ngồi thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna thưa với Tôn giả Ānanda:

– Có thể chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?

– **Không thể có một Tỷ-kheo, này Bà-la-môn, thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu.** Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống hành

đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa Tôn giả Ānanda và Bà-la-môn Gopaka Moggallāna bị gián đoạn. Bà-la-môn Vassakara bậc đại thần nước Māgadha đi thị sát các công sự Rājagaha (Vương Xá), đến công trường của Bà-la-môn Gopaka Moggallāna, đến chỗ Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakara, bậc đại thần nước Māgadha thưa với Tôn giả Ānanda:

– Ở đây, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả đang ngồi đàm luận câu chuyện gì? Và câu chuyện gì của Tôn giả bị gián đoạn?

– Này Bà-la-môn, ở đây, Bà-la-môn Gopaka Moggallāna nói với tôi như sau: “Có thể có chăng, Tôn giả Ānanda, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu?” Khi được nói vậy, này Bà-la-môn, tôi nói với Bà-la-môn Gopaka Moggallāna như sau: “Này Bà-la-môn, không thể có một vị Tỷ-kheo nào thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm

cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau”.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt: “Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông và các Ông nay sẽ y chỉ vị này”?

– Nay Bà-la-môn, **không có một vị Tỷ-kheo** nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác sắp đặt: “Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông sẽ y chỉ vị này”.

– Thưa Tôn giả Ānanda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: “Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này”?

– **Không có một vị Tỷ-kheo** nào, nay Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: “Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này”.

– Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ānanda, như vậy do nhân gì (quý vị) có thể hòa hợp?

– Nay Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Nay Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và **Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi.**

– ... Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói này cần phải hiểu như thế nào?

– Nay Bà-la-môn, Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thi thiết học pháp, đã tuyên bố giới bốn Patimokkha cho các Tỷ-kheo. Trong những ngày Bó-tát (Uposatha) chúng tôi cận trú ở chung một thôn điền, tất cả chúng tôi hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi tụ họp, chúng tôi hỏi những gì đã xảy ra cho mỗi một người. Nếu trong khi hỏi nhau như vậy, **có Tỷ-kheo phạm tội, phạm giới, chúng tôi bảo vị ấy làm đúng Pháp, đúng lời dạy. Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính Pháp xử sự chúng tôi.**

– Thưa Tôn giả Ānanda, có Tỷ-kheo nào mà nay Quý vị cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, sau khi cung kính, tôn trọng, Quý vị nương tựa?

– Nay Bà-la-môn, có Tỷ-kheo mà nay chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, và sau khi chúng tôi cung kính, tôn trọng, chúng tôi nương tựa.

– ... Thưa Tôn giả Ānanda, ý nghĩa lời nói ấy cần phải hiểu như thế nào?

– Nay Bà-la-môn, có mười khả hỷ pháp được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Giữa chúng tôi, vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị ấy. Sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Thế nào là mười?

1. Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, sau khi thọ trì, học tập trong các học pháp.
2. Vị ấy là bậc đa văn, thọ trì những điều đã nghe, cất chứa những điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy đều được nghe nhiều, được thọ trì, được lời nói làm cho quen thuộc, được ý tư niệm, được chánh kiến khéo ngộ nhập.
3. Vị ấy biết đủ đối với các vật thực vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, đượ phẩm trị bệnh.
4. Vị ấy là người tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, chứng được bốn Thiên, thuộc tăng

thượng tâm hiện tại lạc trú.

5. *Vị ấy thực hiện các loại thần thông sai biệt, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết - già đi trên hư không như chim có cánh; với bàn tay, vị ấy chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến Phạm thiên.*
6. *Sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si, biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm, biết không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm Thiên định, biết tâm Thiên định. Tâm không Thiên định, biết tâm không Thiên định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.*
7. *(Với **thiên nhĩ** thanh tịnh siêu nhân sẽ nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người, xa và gần - bài kinh này*

bị thiếu phân thứ bảy này)

8. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến các đời sống quá khứ.
9. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.
10. Với sự đoan diệt các lậu hoặc, sau khi với thượng trí đã chứng ngộ, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, mười pháp khả hỷ này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên giữa chúng tôi. Vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy. Sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, (Vũ Thế) đại thần nước Māgadha, nói với tướng quân UpĀnanda:

– Tướng quân nghĩ thế nào? Nếu là như vậy, này tướng quân, những vị Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường; thời chắc chắn những Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái

những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường. Và nếu những Tôn giả ấy không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường (Tỷ-kheo) này, thì những Tôn giả ấy cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ai?

Rồi Bà-la-môn Vassakara, vị đại thần nước Māgadha thưa với Tôn giả Ānanda:

– Tôn giả Ānanda nay trú tại đâu?

– Nay Bà-la-môn, tôi trú ở Veluvana (Trúc Lâm).

– Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh?

– Thật vậy, nay Bà-la-môn, Veluvana (Trúc Lâm) là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa cách dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những vị hộ trì và thủ hộ như Ngài.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những người tu Thiền và tánh thiên về Thiền định như quý vị Tôn giả. Và chư vị Tôn giả là những vị tu Thiền và tánh thiên về Thiền định. Thưa Tôn giả Ānanda, một thời Tôn giả Gotama ở tại Vesali, Đại Lâm, ở Kutagarasala (Trùng

Các giảng đường). Rồi thưa Tôn giả Ānanda, tôi đi đến Mahavana (Đại Lâm), Kutagarasala, đến Tôn giả Gotama. Ở đây, Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện nói về Thiền định. Tôn giả Gotama thật là vị tu Thiền và tánh thiên về Thiền định. Và Tôn giả Gotama tán thán tất cả Thiền định.

– Nay Bà-la-môn, **Thế Tôn ấy không tán thán tất cả Thiền định**, không không tán thán tất cả Thiền định.

❖ Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy không tán thán?

- Ở đây, này Bà-la-môn, một số vị sống với tâm tham nhuần dục tham, bị dục tham chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã được khởi lên. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng tối hậu. Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.
- Vị ấy sống với tâm tham nhuần sân hận, bị sân hận chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi sân hận đã được khởi lên. Vị ấy lấy sân hận làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.
- Vị ấy sống với tâm tham nhuần hôn trầm thụy miên, bị hôn trầm thụy miên chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi hôn trầm thụy miên đã được khởi lên. Vị ấy lấy hôn trầm thụy miên làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

- *Vị ấy sống với tâm tham nhuần trao hối, bị trao hối chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi trao hối đã được khởi lên. Vị ấy lấy trao hối làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.*
- *Vị ấy sống với tâm tham nhuần nghi hoặc, bị nghi hoặc chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi nghi hoặc đã được khởi lên. Vị ấy lấy nghi hoặc làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.*

Này Bà-la-môn, Thế Tôn ấy không tán thán loại Thiền định như vậy.

❖ *Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy tán thán?*

- *Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.*
- *Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.*
- *Chứng và trú Thiền thứ ba...*
- *Chứng và trú Thiền thứ tư...*

Này Bà-la-môn, loại Thiền như vậy, Thế Tôn ấy tán thán.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả Gotama khiến trách Thiên đáng được khiển trách, tán thán Thiên đáng được tán thán. Nay thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi phải đi. Chúng tôi có những việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Bà-la-môn, hãy làm gì Bà-la-môn nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Māgadha, hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Bà-la-môn Gopaka Moggalana, khi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Māgadha đi không bao lâu, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Nếu chúng tôi không hỏi Tôn giả Ānanda thì Tôn giả Ānanda đã không trả lời.

– Nay Bà-la-môn, có phải chúng tôi đã nói với Ông: **“Không có một Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp ấy một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ những pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu.**

Nay Bà-la-môn, vị Thế Tôn ấy là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những

vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau”.

(Hết trích kinh)

Như vậy, bài kinh trên đã làm sáng tỏ những vấn đề tuyệt đối quan trọng sau khi Đức Phật nhập diệt.

1. Không thể có một người nào có thể thành tựu trọn vẹn, thành tựu một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Đức Phật đã thành tựu. Vì vậy, đừng nghĩ có một ai đó ngang tầm với Đức Phật và xứng đáng được gọi là Phật.
2. Đức Phật là bậc làm khởi dậy con đường đưa đến sự giải thoát khỏi sanh tử, chấm dứt khổ đau. Ngài là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Đệ tử của Ngài là những vị sống thực hành theo con đường, theo đạo lộ, theo phương pháp mà Ngài đã chỉ dạy. Vì vậy, đừng nghĩ có thể thêm bớt vào trong pháp hành mà Đức Phật đã hướng dẫn.
3. Đức Phật không có sắp đặt, không có chỉ đạo, không có chỉ thị ai là người để chúng tăng nương tựa và nghe theo sau khi Ngài diệt độ. Vì vậy, người con Phật cần tỉnh thức, tỉnh ngộ trong vấn đề này.
4. Không có một người nào được Tăng chúng thỏa thuận và sắp đặt là người để chúng Tăng nương tựa và nghe theo sau khi Đức Phật nhập diệt. Người con Phật cần tỉnh thức, tỉnh ngộ trong vấn đề này.

5. Nơi để cho Tăng chúng nương tựa và nghe theo chính là Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao. Và Chánh pháp đó, pháp chân chánh mà người con Phật cần phải nghe theo, cần phải thực hành theo đó chính là tâm hướng nội, hướng vào tự thân để quán sát thân này, quán sát cảm thọ cảm giác đang có mặt trong thân tâm, quán sát các hành tướng của tâm, quán sát những điều cần phải diệt trừ hay cần phải tu tập để thành tựu trí tuệ và sự thanh lọc sạch thân tâm. Đó là chỗ mà người con Phật cần quay về nhìn nhận, cần quay về quán sát, cần quay về tu tập và thực hành để thành tựu trí tuệ về tự thân, thành tựu sự nhiếp phục thân tâm, làm chủ thân tâm, đào thải khỏi thân tâm tất cả những rác bẩn, cấu uế lậu hoặc. (Kinh Bệnh)
6. Trong Tăng chúng, vị nào thành tựu mười pháp sau sẽ được Tăng chúng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường và nương tựa:
- Thành tựu giới hạnh đầy đủ, viên mãn.
 - Là bậc đa văn, nghe nhiều, thọ trì những điều đã được nghe, được chánh kiến khéo ngộ nhập.
 - Biết đủ đối với tứ vật dụng.
 - Chúng được bốn Thiên
 - Thành tựu Thần túc thông
 - Thành tựu Tha tâm thông
 - Thành tựu Thiên nhĩ thông

- Thành tựu Túc mạng minh
- Thành tựu Thiên nhãn minh
- Thành tựu Lưu tận trí

Đây là mười pháp mà một Tỳ-kheo thành tựu sẽ được Tăng chúng cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường và nương tựa. Nhưng rất tiếc, bài kinh cũng đã khẳng định ngoài Đức Phật Thích Ca đương thời thì không ai có đủ phước duyên và trí tuệ để thành tựu trọn vẹn mười pháp này, vì vậy, Đức Phật đã căn dặn sau khi Ngài nhập diệt thì người con Phật cần phải nương tựa vào Chánh pháp, nương tựa vào Bốn niệm xứ để tu tập, không nương tựa vào một điều gì khác. Nhưng khi nói tu tập Bốn niệm xứ thì cần phải tu tập đầy đủ Bốn niệm xứ chứ không phải chỉ tu tập phần niệm thân, hay chỉ tu tập phần niệm thọ, hay chỉ tu tập phần niệm tâm. Sự tu tập như vậy là thiếu sót, là không đầy đủ theo lời Phật dạy và không đủ khả năng đâm thủng vô minh, khai mở trí tuệ, thành tựu đạo quả.

Lại nữa, ví như khi nói tu tập niệm thân, hay tu tập niệm thọ, hay tu tập niệm tâm thì cần phải kiểm tra xem cách tu tập quán thân, quán thọ hay quán tâm mà mình đang tu tập có đúng với cách quán thân, quán thọ, quán tâm mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Bốn niệm xứ không, hay pháp hành mà mình đang tập đây chỉ giống tên, giống danh từ trong Bốn niệm xứ chứ không giống pháp hành trong Bốn niệm xứ.

Tiếp nữa, trong sự tu tập Bốn niệm xứ, nếu không tu tập phần quán pháp trong Bốn niệm xứ thì không thể thành tựu trí tuệ trọn vẹn về thân tâm và về các pháp đang có mặt trong thân tâm. Đây là những điều mà người tu tập Bốn niệm xứ cần tuyệt đối lưu tâm.

Và điều quan trọng cần lưu ý rằng, Bốn niệm xứ chính là phần chánh niệm trong Bát Chánh Đạo, đó là phần thứ bảy trong Bát Chánh Đạo. Vì vậy để có thể tu tập và thành tựu trọn vẹn phần chánh niệm này thì hành giả cần phải tu tập và thành tựu sáu phần đầu trong Bát Chánh Đạo, tức là phải tu tập và thành tựu chánh tri kiến trước rồi sau đó tu tập thành tựu các pháp chánh tiếp theo thì phần chánh niệm mới có thể tu tập và thành tựu một cách trọn vẹn được.

Vì vậy, giai đoạn đầu trong sự tu tập cần tập trung vào chánh tri kiến, khi thành tựu chánh tri kiến thì các pháp chánh sau mới có thể thành tựu được, tức là bước đầu cần phải tu tập phần Văn (nghe lời dạy của Đức Phật, nghe lời giảng giải của các bậc đã thành tựu chánh kiến) và như lý tác ý.

Tóm lại, ngoài Đức Phật thì không ai đủ phước duyên để thành tựu mười pháp trên, vì vậy, người con Phật cần nương tựa vào Chánh pháp mà Đức Phật đã để lại chứ không nương tựa vào một điều gì khác.

7. Không phải loại thiền định nào cũng được Đức Phật tán thán, khuyến khích. Những loại thiền định không bắt

đầu bằng chánh tri kiến, không thấy biết rõ chân tướng của năm triền cái, không đối diện với năm triền cái, không như thật biết cách tu tập để giải thoát khỏi năm triền cái, không tẩy sạch năm triền cái. Những loại thiền định như vậy Đức Phật không tán thán. Tóm lại, những sự tu tập thiền định, nhưng chỉ trú tâm vào trong định, chỉ giữ trong tâm sự rõ biết, sự an tịnh; khi có năm triền cái khởi lên, không phân tích, không quán sát, không tra xét cẩn trọng, không tìm hiểu nguyên nhân, không phân tích thực trạng, không cần biết đó là gì, chỉ cần giữ sự rõ biết, chỉ theo đề mục đã định sẵn; dục tham, sân, hôn trầm, vọng tưởng, nghi hoặc sanh khởi thì mặc kệ, không quan tâm. Những loại thiền định như vậy Đức Phật không tán thán.

8. Tứ thiền là loại thiền định được Đức Phật tán thán và khuyến khích thực hành. Thiền định đầu tiên cần phải tu tập, đó chính là sự từ bỏ dục tham, trừ diệt năm triền cái và định tâm trong cảm giác hỷ lạc, cảm giác vui mừng vì thân tâm đã xả ly được các pháp bất thiện. Đó là loại thiền định đầu tiên cần phải tu tập và thành tựu, sau đó là sự tu tập nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Như vậy, trước khi bước vào thiền định hành giả cần phải trừ diệt sạch những triền cái, những pháp che mờ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Trong nhiều bài kinh như Kinh Định (*Twong V*, 39), Kinh Tư Lương Cho Định (*Tăng III*, 333), Kinh Xà-Ni-Sa (*Trường II*, bài 18) Đức Phật đã nói: Để bước vào sự thiền định chân chánh thì trước đó cần phải thành tựu sự thấy biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, hành động chân chánh, nuôi mạng chân chánh, siêng năng chân chánh, quán niệm chân chánh. Bảy sự chân chánh này đưa đến sự tẩy sạch năm triền cái, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, rồi sau đó mới tu tập thiền định. Bảy pháp chân chánh này là tư cụ, là tư lương để một hành giả có thể chân chánh đi đến sự kiện toàn trong thiền định, sự đúng pháp trong thiền định, sự hoàn hảo trong thiền định.

Một thiền định được sửa soạn bởi bảy pháp chân chánh này được gọi là thiền định của các Đức Phật, thiền định của các bậc Thánh, hay còn gọi là Thánh Chánh định.

Một thiền định như vậy không ôm ấp trong lòng, không cất chứa trong lòng những dục tham, sân hận, hôn trầm, vọng tưởng, hoài nghi, tâm thể nhập một sự định tĩnh, thanh tịnh sau khi thành tựu chánh kiến, sau khi tẩy sạch hết các pháp che mờ tâm, đây là loại thiền định mà Đức Phật tán thán. Người con Phật cần đặc biệt lưu tâm vấn đề này. Tóm lại, trong tu hành, để cho tâm định tĩnh an tịnh thì thiền định là pháp cần phải tu tập, nhưng không phải hành giả chỉ chuyên chú trong sự định tâm mà không cần biết những gì

đang diễn ra trong và xung quanh sự tu tập thiền định của mình.

Vấn tu tu là con đường tu tập thân tâm. Vấn không chân chánh, không đầy đủ, không đúng pháp thì Tu lệch lạc, Tu méo mó. Vì vậy, cần tu tập chánh tri kiến, tu tập sự thấy biết chân chánh xác thực về thân tâm này, thành tựu sự thấy biết đúng về thân tâm này thì sau đó các thiện pháp và sự định tâm chân chánh chắc chắn sẽ được hình thành và thành tựu viên mãn. Không vội vàng tập trung vào thiền định mà không cần biết những gì đang diễn ra trong khi thiền định và sau khi buông thiền định. Chỉ giữ sự biết, chỉ trú trong đề mục nhưng không cần biết những gì đang vận hành, đang hoạt động, đang không chế, đang áp bức, đang dẫn dắt và đang chi phối thân tâm thì đó là một sự tu tập chưa đúng pháp, chưa chân chánh, chưa thiện xảo.

9. Điểm cuối trong bài kinh là một lần nữa nhấn mạnh và xác quyết rõ ràng: Không ai có thể thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ mười pháp nêu trên ngoài Đức Phật Thích Ca. Và như vậy là: Không có người nào có thể ngang bằng với Đức Phật về giới đức và trí tuệ. Không có người nào xứng đáng được gọi là Phật, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác như Đức Phật Thích Ca. Vì vậy, hãy cẩn thận với suy nghĩ cho ai đó là Phật, là ngang hàng với Đức Phật.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, người con Phật cần phải an trú tâm trong Chánh pháp mà Đức Phật đã truyền trao, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một điều gì khác. Chánh pháp Bốn niệm xứ là chỗ an toàn cho người con Phật. Chánh Pháp Bốn niệm xứ là ngọn đèn, là chỗ nương tựa cho người con Phật. Chánh pháp Bốn niệm xứ là chỗ mà người con Phật cần phải nương theo đó để nhìn lại thân tâm mình mà tu tập và nhiếp phục thân tâm. Đừng rời xa chỗ an toàn này, đừng rời xa đạo lộ an toàn này mà đi vào con đường của bất an, mộng lung, vô minh, không lối thoát.

Trên đây là chín điều trọng đại sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn. Người con Phật phải cẩn trọng ghi nhớ chín điều này để xác định cho mình những trí tuệ chân chánh, đúng pháp, không sai lệch, không méo mó về Chánh pháp và sự truyền thừa trong Chánh pháp.

4.2.2 Kinh Mahāpajāpatī Gotamī (Tăng III, 649)

(Trích đoạn)

- Này Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài, và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm.

*Vì rằng, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ānanda, **điều pháp được tồn tại năm trăm năm**.*

(Hết trích kinh)

Như vậy, Đức Phật đã tuyên bố Chánh Pháp này tồn tại năm trăm năm. Và rồi năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, một loạt kinh sách mới lạ xuất hiện, cùng với sự xuất hiện của dòng kinh sách mới lạ này là sự xuất hiện danh từ Tiểu Thừa và Đại Thừa. Đây là hai danh từ không có trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, và trong bốn kỳ kết tập kinh điển đầu tiên cũng không có hai danh từ này. Có ý kiến cho rằng: Danh từ Tiểu Thừa là dùng để nói đến thời kỳ chia rẽ phân phái trong Tăng đoàn giai đoạn kết tập kinh điển lần thứ ba, chứ không phải dùng để chỉ về bộ Đại Tạng Kinh Nikāya mà Đức Phật đã chỉ dạy. Nếu hiểu như vậy về danh từ Tiểu Thừa thì danh từ này cũng tạm chấp nhận được. Nhưng nếu cho rằng **Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn** (Tứ Thánh Đế), **Phương Pháp Tám Đúng** (Bát Chánh Đạo), **Bốn Chỗ Cần Quán Sát** (Tứ Niệm Xứ) là pháp Tiểu Thừa, nếu hiểu như vậy về danh từ Tiểu Thừa thì những người con Phật cần suy xét cẩn trọng, chớ vội phát ngôn theo những phát biểu như vậy để tránh mang tội phỉ báng Chánh Pháp, tránh rơi vào tà kiến, tà đạo, không thoát khỏi ba đường ác đạo là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Một người

con Phật thân trọng thì hãy khoan vội tin vào lời được nghe này mà nên tìm hiểu, học hỏi cẩn trọng về kinh Nikāya. Vì sao?

Vì nếu xét về ý nghĩa và tầm quan trọng của các pháp trên trong Nikāya, thì trong kinh Minh (*Trường V, 625*) Đức Phật đã nói như sau: **“*Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn Thánh Đế mà Ta và các ông phải lâu ngày chìm nổi trong sanh tử*”**. Như vậy, do không thành tựu bốn Thánh trí về Ngũ uẩn, không thấy rõ bốn sự thật về Ngũ uẩn, không tìm ra manh mối của sanh tử nên Bồ-tát Tất Đạt Đa đã phải lặn hụp, chìm nổi lâu ngày, lâu đời, lâu kiếp trong sanh tử. Khi thấy rõ bốn sự thật về Ngũ uẩn, manh mối của luân hồi sanh tử được phát giác phát hiện và được phá bỏ nên Bồ-tát Tất Đạt Đa đã thoát ra khỏi bóng tối của vô minh, thoát ra khỏi bóng đen của màn đêm đen tối trong biển sanh tử. Như vậy, Tứ Thánh Đế hay Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, hay Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn là bốn trí tuệ tuyệt đối quan trọng trong việc vượtthoát lưới sanh tử. Nếu không thấy biết rõ điều này, khôngthấy biết rõ tầm quan trọng của bốn trí tuệ này thì cơ hội ra khỏi sanh tử là điều không thể. Điều này đã thể hiện rõ trong câu nói trên của Đức Phật. Vì vậy, bốn Thánh trí thần diệu này không phải là những pháp tầm thường, thấp kém, do đó, không nên sử dụng những danh từ thấp kém để nói

về bốn Thánh trí này để tránh khẩu nghiệp phỉ báng Thánh pháp.

Lại nữa, trong kinh Thành Ấp (*Tương II, 185*), Đức Phật đã nêu rõ rằng: **“*Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Con đường ấy chính là Con đường Thánh đạo tám ngành. Ta đã đi theo con đường ấy. Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ*”**. Như vậy, thông qua đoạn kinh này, chúng ta thấy rằng Phương pháp Tám Đứng hay Con đường Thánh đạo tám ngành, hay Bát Chánh Đạo chính là pháp hành, là đạo lộ tu tập, là cách thức tu tập của các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa và của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngày nay. Lời tuyên bố này của Đức Phật là một Thánh chuông được đánh lên một cách hùng hồn, hùng vĩ, đánh động trời đất, đánh thức cuộc đời và đánh thức những ai đang đi tìm cầu sự giải thoát sanh tử rằng: *Nếu bạn muốn vượt thoát biển trầm luân sanh tử này thì bạn hãy bước lên một chiếc thuyền thật to lớn, vững chắc, được thiết kế và được trang bị đầy đủ những phương tiện thiện xảo và hoàn hảo là: Thấy biết đúng, suy nghĩ đúng, lời nói đúng, hành động đúng, nuôi mạng đúng, siêng đúng việc, quán đúng chỗ, định đúng cách. Với một chiếc thuyền bát nhã hoàn hảo như vậy, bạn mới có thể đối diện với màn đêm đen tối của vô minh trên biển sanh tử, đối diện với những đợt sóng bão hãi hùng của dục, ái, tham,*

sân, si và đối diện với những loài cá mập hung tợn tinh vi ranh ma của bản ngã trong biển cả vô minh và trầm luân này. Và thông qua lời tuyên bố này của Đức Phật, chúng ta cũng thấy rõ rằng: Phương pháp Tám đúng hay Bát Chánh Đạo chính là Phật đạo, là Chánh Đẳng Chánh Giác đạo, là đạo lộ tu tập, là cách thức tu tập của tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác từ quá khứ, cho đến hiện tại và vị lai. Vì vậy, phương pháp Tám Đúng không phải là tiểu thừa, cũng không phải là đại thừa, mà đó chính là Phật thừa, là Chánh Đẳng Chánh Giác thừa, là cỗ xe tối thượng, là sự thừa tự tối thượng, sự thừa tự một đường lối tu tập, một cách thức tu tập trí tuệ thiện xảo và hoàn hảo của các bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, trong kinh Bà-La-Môn (*Trường V, 13*), Đức Phật đã tuyên bố như sau: **“*Bát Chánh Đạo là cỗ xe tối thượng chinh phục trong chiến trận*”**. Như vậy, Bát Chánh Đạo hay Phương pháp Tám Đúng được Đức Phật tuyên bố là cỗ xe tối thượng trong việc chinh phục sanh tử luân hồi, chinh phục vô minh, chinh phục tham, sân, si, bản ngã, khát ái. Nếu muốn chinh phục sanh tử luân hồi, vô minh, khát ái nhưng lại không biết sử dụng phương tiện tối thượng, cỗ xe tối thượng này thì quả thật là một thiệt thòi lớn, một thua thiệt lớn cho hành giả. Trong khi các bậc Trí dùng cỗ xe tối thượng để đi chinh phục Vô minh và khát ái, còn mình lại dùng những chiếc xe không có chất lượng, những

chiếc xe tưởng tượng, những chiếc xe hư ảo để đi chống chọi lại với vô minh, bản ngã và tham sân si thì quả thật là đáng tội nghiệp cho mình.

Lại nữa, trong kinh Đại Bát Niết-Bàn (*Trường I, bài 16*), Đức Phật đã khẳng định rõ: ***“Nơi nào có sự thực hành Bát Chánh Đạo thì nơi đó có người chứng đắc các Thánh quả. Nơi nào không có sự thực hành Bát Chánh Đạo thì nơi đó không có người chứng đắc các Thánh quả”***. Đức Phật được gọi là bậc Thánh hay Thánh nhân. Thánh có nghĩa là thanh cao, cao thượng. Phàm có nghĩa là thường tình, phàm tình, bình thường. Người bình thường, hay phàm nhân là những người với tâm đầy dẫy những tham sân si, vô minh, khát ái, người như vậy được gọi là người bình thường của thế gian. Người thanh cao, cao thượng, người xuất thế là người với tâm không còn tham sân si, không còn vô minh, không còn khát ái - người như vậy được gọi là người trong sạch, người thanh cao hay Thánh nhân. Đức Phật tự nhận Ngài là bậc Thánh vì tâm Ngài đã hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn hết sạch những uế nhiễm, hết sạch những dục, ái, tham, sân, si, vô minh, bản ngã. Người thực hành theo Bát Chánh Đạo, hay Phương Pháp Tám Đúng là người thực hành sự thanh lọc, sự tẩy rửa, sự diệt tận hết tất cả những cấu uế của nội tâm. Các vị này đang hướng tâm đến sự trong sạch, thanh tịnh, thanh cao theo lời dạy của bậc Thánh là Đức Phật. Vì

vậy, Đức Phật gọi đệ tử của Ngài là “Thánh đệ tử”. Thánh đệ tử là đệ tử của bậc Thánh, là người đang nghe theo lời dạy của bậc Thánh để thanh lọc những cấu uế về dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm trong nội tâm. Tùy theo giai đoạn thành tựu sự thanh lọc tâm mà gọi là Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hay A-la-hán. Dự lưu là thấy được tâm cấu uế nhưng chưa tẩy sạch hết những cấu uế này trong tâm. Nhất lai là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được khá nhiều những cấu uế về dục tham và sân hận. Bất lai là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được hoàn toàn những cấu uế về dục tham và sân hận. A-la-hán là thấy được tâm cấu uế và tẩy sạch được hoàn toàn những tàn dư cấu uế về hữu nhiễm và vô minh nhiễm. ***Như vậy, tùy theo giai đoạn thành tựu sự thanh lọc tâm mà gọi là Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hay A-la-hán.*** Bốn tên gọi này còn gọi là bốn mức độ thanh lọc tâm, bốn giai đoạn thanh lọc tâm hay còn gọi là Bốn Thánh quả. Bốn Thánh quả là bốn kết quả tu tập khi đi theo lời dạy của bậc Thánh để đạt được tâm trong sạch, thanh cao. Lời khẳng định trên của Đức Phật đã làm rực sáng và chói sáng giá trị của Phương Pháp Tám Đúng: Trong pháp hành nào, trong sự tu tập nào không có thực hành pháp Tám Đúng là Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng thì nơi đó không có sự thành tựu đạo quả chân chánh, không có sự chứng đắc đạo quả chân chánh, không có sự diệt tận vô minh, bản

ngã và tham sân si. Trong pháp hành nào, trong sự tu tập nào có sự thực hành pháp Tám Đúng thì nơi đó có sự thành tựu đạo quả chân chánh, có sự chứng đắc đạo quả chân chánh, có sự diệt tận tham sân si, bản ngã và vô minh. Lời dạy này của Đức Phật rất cần để chúng ta nghiêm túc nhìn lại, nghiêm túc xem xét lại pháp hành, pháp tu mà mình đang tu tập, để không phải “tiền mất tật mang, đã tràng xe cát”.

Và lại nữa, trong kinh Niệm Xứ (*Trung I*, bài 10), Đức Phật đã xác quyết rằng: ***“Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh... đó là Bốn niệm xứ”***. Vì sao Đức Phật lại nói như vậy? Vì sao Bốn niệm xứ là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh? Chúng sanh đang sống với một nội tâm nhiễm ô, đầy những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đầy những tham dục, tham ái, tham danh, tham lợi, tham sắc, tham tài, sân hận, nóng giận, si mê, hôn trầm, trạo cử, bản ngã, vô minh. Với một trạng thái tâm ứ nhiễm, nhớp nhúa, đầy những rác bần như vậy thì không thể chỉ cầu nguyện cầu xin mà tâm này được trong sạch thanh tịnh, cũng không thể chỉ để cho tâm này lắng yên mà tâm này được trong sạch thanh tịnh, cũng không thể dùng bùa chú mà tâm này được trong sạch thanh tịnh. Với một nội tâm đầy ứ nhiễm như vậy nếu bây giờ muốn tâm này được trở thành trong sạch thanh tịnh thì không có cách nào khác là phải trực diện với

nội tâm này, phải nhìn thẳng vào thân tâm này, nhìn thẳng vào thân, những cảm giác (thọ), tâm và những gì đang có mặt trong thân tâm (pháp) để thấy biết rõ những gì đang có mặt trong thân tâm, thấy biết rõ những gì đang dằn dặt, đang chi phối, đang xúi giục trong thân tâm, thấy biết rõ những dục, ái, tham, sân, si, những rác bần trong thân tâm và tiến hành công cuộc thanh lọc sạch, tẩy sạch những rác bần này theo phương pháp Tám đúng mà Đức Phật đã chỉ dạy. Bốn niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp - đây là bốn chỗ tâm cần xoay lại nhìn vào đó để phát giác phát hiện ra sự vận hành, sự hoạt động của bốn chỗ này và phát giác phát hiện ra những rác bần trong bốn chỗ này, tiến hành tẩy sạch những uế nhiễm trong đó. Như vậy, cách duy nhất để tẩy sạch một tâm uế nhiễm là phải nhìn thẳng vào nó, phải thấy biết rõ tất cả những khía cạnh của nó, thấy rõ những cách thức hoạt động của nó và từ đó mới có thể thanh lọc sạch, tẩy sạch tâm uế nhiễm này. Đó là ý nghĩa lời tuyên bố, lời xác quyết của Đức Phật rằng: ***“Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn, đó là Bốn niệm xứ”***.

Như vậy, thông qua những lời xác quyết trên của Đức Phật, chúng ta thấy rằng Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ là những điều tuyệt đối quan trọng mà người tu đạo giải thoát cần phải thấy biết, cần phải chứng ngộ, cần phải thể

nhập và cần phải thành tựu để vượt thoát lưới sanh tử. Đó là trí tuệ tối thượng, là pháp hành tối thượng trong sự tu tập tâm đi đến sự tẩy sạch tham sân si, diệt tận bản ngã, diệt tận vô minh và khát ái, tẩy sạch hết tất cả những rác bần, những cấu bần trong nội tâm, thành tựu tâm thanh tịnh, trong sạch, không còn chút dao động dính mắc trói buộc đối với nội trần và ngoại trần, tâm được hoàn toàn tịch lặng, giải thoát. Chính vì trước đó Bồ-tát Tất Đạt Đa đã không thực thấy, thực biết, thực giác, thực chứng về các vấn đề trên nên Ngài phải chịu đựng sự trầm luân triền miên trong sanh tử trong một thời gian khá dài. Và khi mà tất cả những trí tuệ thâm sâu vi diệu này được khai mở, tâm được tẩy sạch khỏi các cấu uế, Ngài được tâm hoàn toàn trong sạch, hoàn toàn giải thoát khỏi các cấu uế, giải thoát khỏi sự trầm luân triền miên trong dòng sanh tử đầy phiền não, đau khổ và bất an này. Đó là điều mà Đức Phật đã tuyên bố. Những lời tuyên bố trên của Ngài là một chuỗi những Thánh trông, Thánh chuông hùng hồn được đánh lên để đánh thức thế gian, đánh thức chúng sanh ở các cõi, thông cáo với các thế giới rằng: Cuộc chiến chống vô minh và khát ái, cuộc chiến chống tham sân si, cuộc chiến chống luân hồi sanh tử đã thành công rực rỡ, đã chiến thắng rực rỡ. Những lời tuyên bố trên là những khúc ca khải hoàn vĩ đại nhất, những khúc ca chiến thắng huy hoàng nhất, lịch sử nhất và lợi ích nhất cho cuộc đời đầy triền phược và phiền não này.

Những lời tuyên bố trên của Đức Phật là tiếng rống sư tử của Đức Như Lai, là sự đồng dạng tuyên bố sự chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật. Và điều gì mà Đức Phật đã tuyên bố thì điều đó sẽ là như vậy mãi mãi về sau, không thể sai khác được.

Trong kinh Thế Giới (*Tăng I*, 592), Đức Phật đã nói: “Từ đêm Như Lai chứng được Chánh Đẳng Giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai. Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Do vậy, được gọi là Như Lai”. Bát Chánh Đạo hay Phương Pháp Tám Đúng là pháp hành đã được Đức Phật tuyên bố là cỗ xe tối thượng, tức là Tối thượng thừa, là pháp tu của các bậc Chánh Đẳng Giác thì Bát Chánh Đạo chính là như vậy, là không thể khác được, không phải là pháp thấp kém. Vì vậy, người con Phật sau này, khi nghe những danh từ Tiểu Thừa, Đại thừa thì cần nên thận trọng, khoan vội đặt lòng tin, khoan vội phát ngôn theo, để tránh những nghiệp quả tai hại khôn lường, rời xa chánh đạo, rời xa con đường đưa đến sự giải thoát khỏi tất cả những cảnh sống vô thường, tạm bợ, mộng lung, bệnh tật, bất an và đầy phiền não này.

Khi còn tại thế, Đức Phật đã từng tuyên bố: “**Diệu Pháp này tồn tại năm trăm năm**”, kinh Mahāpajāpatī Gotamī

(Tăng III, 649). Vậy thì ngày nay, khi Đức Phật đã nhập diệt trên 2.500 năm, lịch sử đã đi qua, những sự kiện đã diễn ra năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt vẫn còn đó, nếu muốn, người con Phật ngày nay có thể nhìn kỹ lại quá khứ, xem xét kỹ lại những sự kiện đã xảy ra trong lịch sử Phật giáo trong giai đoạn đó thì sẽ có thể tự mình thấy biết, tự mình kiểm chứng, tự mình xác chứng lời tiên tri của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tóm lại, người con Phật chân chánh cần dần thân tìm hiểu học hỏi cẩn trọng kinh Nikāya và cần nắm hiểu cẩn trọng câu nói này của Đức Phật: **“Chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn Sự Thật về Ngũ uẩn (Tứ Thánh Đế) mà Ta và các ông phải lâu ngày chìm nổi trong sanh tử”**. Sau khi tìm hiểu học hỏi cẩn trọng câu kinh trên, cần nắm vững cốt tủy của Nikāya là gì rồi áp dụng thực hành để kiểm nghiệm, kiểm chứng, thực chứng điều đã được Đức Phật tuyên bố trong câu kinh, khi đó hành giả sẽ sáng tỏ lợi ích, giá trị và tầm quan trọng của Phương Pháp Tám Đúng, Bốn Thánh Trí về Ngũ uẩn, Bốn Chỗ Cần Quán Sát.

5 GIỚI THIỆU CÔNG TRÌNH PHÂN LOẠI NIKĀYA

5.1 Duyên lành đời trước

Do tiếp nối duyên lành đời trước, nên dù vào độ tuổi hai mươi, chúng tôi vẫn không say đắm với đời sống vật chất phù hoa dao động của thế gian, chúng tôi thích thú trong việc tìm đọc kinh sách của Đức Phật và những lời giảng giải các kinh do Phật dạy. Từ năm 1993, chúng tôi bắt đầu đến với đạo Phật qua giáo lý Bắc truyền, đến năm 2001 thì tâm có chút trải nghiệm khá thú vị theo tinh thần thiên tông. Nhưng không dừng lại tại đây, chúng tôi vẫn tiếp tục tìm hiểu Phật pháp. Năm 2003, duyên hội tụ, chúng tôi đi định cư ở Pháp. Đến khoảng giữa năm 2005, chúng tôi được người anh trai ở Việt Nam gửi qua bộ đĩa kinh Nikāya bằng mp3, người anh trai này cũng là vị sư huynh, người hướng dẫn chúng tôi trong giai đoạn đầu tu học theo giáo lý Bắc truyền.

Khi nhận được bộ đĩa kinh Nikāya, bài kinh Nikāya đầu tiên chúng tôi nghe đó là *Kinh Phạm Võng*, bài thứ nhất trong Trường Bộ Kinh, cảm giác khi đó của chúng tôi thật vô cùng hoan hỷ.

Lâu nay tiếp xúc với giáo lý Bắc truyền với những ngôn ngữ và ngữ cảnh thật là trừu tượng, khó hiểu, nhưng nay được tiếp xúc với Nikāya, những bài kinh nói về đời sống thực tế của Đức Phật, có người nói lời khen Ngài, có người

chê Ngài, và cách mà Ngài tiếp nhận những lời khen chê của thế gian. Lần đầu tiên được tiếp xúc với hình ảnh của Đức Phật trong cuộc đời thực, hình ảnh của Ngài với con người bằng xương, bằng thịt, thành tựu trí tuệ siêu phàm và đang sống thế nào trong đời sống phàm tục này, chúng tôi thấy thời gian như quay trở lại, không gian như tái hiện lại đời sống thực của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, chúng tôi thật sự vô cùng hoan hỷ, hân hoan. Những lời kinh Nikāya như có phép màu lôi cuốn chúng tôi, như đưa chúng tôi ngược dòng thời gian trở về xứ sở Ấn Độ cách đây trên 2.500 năm, nơi có bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời với bao nhiêu điều kỳ diệu đã xảy ra. Chúng tôi say mê, khoan khoái, thích thú, chú tâm hoàn toàn để lắng nghe hết bài Nikāya này đến bài Nikāya khác, cảm giác hân hoan dâng tràn, cảm giác hỷ lạc tràn ngập.

Đôi khi trong lúc đang nghe Nikāya, những cảm giác hoan hỷ thích thú phấn khích dâng cao, chúng tôi phải dừng lại việc nghe để cho tâm hân hoan, hoan hỷ thấm nhuần toàn thân, lan tỏa sung mãn khắp cả thân tâm. Càng nghe chúng tôi càng thấy hay, càng nghe chúng tôi càng cảm thấy vô cùng thích thú, vô cùng hoan hỷ. Cứ như vậy, mỗi lần nghe kinh Nikāya, hay mỗi lần nói đến kinh Nikāya là những cảm xúc hỷ lạc lại dâng trào lên một cách mạnh mẽ trong chúng tôi. Thật vi diệu thay những bài kinh Nikāya! Thật

hy hữu thay những bài kinh Nikāya! Thật tuyệt vời thay những bài kinh Nikāya!

Sau khi thấy kinh Nikāya quá hay, quá tuyệt vời, chúng tôi đã giới thiệu kinh Nikāya với những người bạn thân quen của mình, nhưng kỳ lạ thay, khi đọc những bài kinh này họ lại bảo là kinh này khô khan quá và khó hiểu quá, họ không có được sự khoan khoái thích thú với dòng kinh chánh thống Phật giáo này. Sau khi tiếp xúc với nhiều người như vậy, cuối cùng chúng tôi nhận ra rằng, sở dĩ mình hiểu được, thấm thía được, yêu thích được, thích thú được những ý nghĩa thâm sâu trong kinh Nikāya đó là do hai nhân duyên lành sau đây: Duyên lành thứ nhất là sự trải nghiệm tâm năm 2001, duyên lành thứ hai là đời trước chúng tôi đã từng kết giao thâm sâu với dòng pháp này. Nhờ hai duyên lành này mà chúng tôi mới thấu hiểu sâu sắc và hoan hỷ ngập tràn với dòng pháp này chứ chẳng phải là chúng tôi tài giỏi gì hơn ai. Vì sao chúng tôi lại nói vậy?

Trong bài kinh “*Cội Rễ Sự Vật*” thuộc *Tăng Chi Bộ Kinh*, chương *Tám Pháp*, Đức Phật đã dạy rằng “***Tất cả pháp lấy Thọ làm chỗ tụ hội***” một trong những ý nghĩa của câu nói này là: “***Những gì đã suy nghĩ, đã nói, đã làm ở đời trước đều hội tụ trong cảm thọ***”. Và những cảm thọ mà chúng ta đang có ở đời này sẽ nói lên những gì mà chúng ta đã sống, đã làm, đã suy nghĩ trong những đời sống trước. Vì sao có người đọc Nikāya cảm thấy khô khan, khó hiểu và

đội ngược ra, trong khi có người đọc Nikāya lại cảm thấy vô cùng hoan hỷ, vô cùng hân hoan, vô cùng hạnh phúc, cảm giác hỷ lạc chạy rần rần trong toàn thân, nụ cười tươi không dứt, gương mặt tươi sáng rạng rỡ như bông hoa đang nở? Đó là vì sao?

Có thể nói trong việc hình thành sự khác nhau giữa hai sự kiện này là do nhiều nhân duyên, nhiều yếu tố khác nhau, nhưng trong đó cũng có sự góp mặt của yếu tố là duyên đời trước. Nếu đời trước chưa từng kết duyên sâu sắc với dòng pháp chánh thống Phật dạy này thì đời này tuy gặp được Chánh Pháp này nhưng không thấy có cảm tình, không thấy có cảm giác cảm xúc thích thú nào trong tâm. Nếu đời trước đã từng kết duyên thâm sâu với dòng Thánh pháp này thì đời này gặp lại Thánh pháp này như tri kỷ tri âm gặp lại nhau.

5.2 Động cơ thực hiện công trình phân loại Kinh Nikāya

Sau đó, khi nghe đến bài “*Kinh Sa-môn Quả*” trong Trường Bộ Kinh, chúng tôi thấy bài kinh này quá tuyệt vời vì bài kinh này đã nói rõ tiến trình tu tập đi đến sự giải thoát. Lúc ấy chúng tôi phát tâm muốn làm phần tóm tắt cho bài kinh này, đến phần cuối bài làm này chúng tôi muốn đưa vào đôi nét về Tứ Niệm Xứ, nhưng lại không biết kinh Niệm Xứ nằm ở đâu trong kinh Nikāya, vì lúc này chúng tôi chỉ mới nghe được mấy bài kinh đầu trong

Trường Bộ Kinh. Mùa hè năm ấy, có dịp về Việt Nam, chúng tôi ghé thăm một Tịnh Xá và thưa hỏi một vị ở đó rằng *kinh về Tứ Niệm Xứ* nằm ở đâu trong bộ Nikāya, vị này đã trả lời đại khái là nó ở trong bộ Đại Tạng Kinh nhưng không chỉ dẫn rõ là nằm trong bộ kinh nào, bài mấy.

Khi ấy về, chúng tôi cảm giác buồn buồn trong lòng và suy nghĩ: “*Đại tạng kinh hay kinh Nikāya này gồm mấy chục quyển, dày quá và nhiều quyển quá, làm sao biết ở đâu mà tìm? Nếu có những người muốn tìm hiểu một bài kinh nào trong Nikāya, hay muốn tìm hiểu một vấn đề nào trong đây thì làm sao mà tìm?*”. Sau đó, chúng tôi có đến gặp quý thầy ở Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, được quý thầy ở đó hoan hỷ khích lệ trong tập sách đầu tay và khích lệ trong việc học hiểu Nikāya. Khi trở về Pháp, chúng tôi nuôi dưỡng trong mình tâm ý sẽ “*thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya*” để giúp cho những ai muốn tìm hiểu Nikāya hay tìm hiểu những chủ đề trong bộ kinh này sẽ có thể dễ dàng tìm thấy. Đó là lý do đưa đến chín năm thực hiện công trình phân loại kinh Nikāya của chúng tôi. Bây giờ nhớ lại, chúng tôi thấy cảm ơn vị Sư kia, vì nếu vị Sư ấy trả lời rõ, chỉ dẫn rõ cho chúng tôi rằng kinh về Tứ Niệm Xứ nằm đâu trong bộ Đại Tạng Kinh thì sẽ không có công trình phân loại kinh Nikāya này.

Sau ba năm đến với kinh Nikāya và sống trong niềm hỷ lạc luôn dâng trào, năm 2008, duyên lành đã đến, chúng tôi

quyết định bắt tay vào công việc phân loại kinh Nikāya. Trong thời gian này, chúng tôi sống thắm nhuần trong tinh thần kinh Nikāya: sáng trên đường đến chỗ làm, chiều trên đường về nhà, trong giờ làm, trong giờ nghỉ trưa, chúng tôi thường xuyên nghe kinh Nikāya bằng mp3 (vì nghe kinh bằng tai nghe trong bảy năm liền, nên đến năm 2013 thì màng nhĩ bị tổn thương, lỗ tai hơi bị điếc và đau nhức khó chịu khi nghe bằng tai nghe). Tối về, sau khi nghỉ ngơi và ăn chiều, chúng tôi lại ngồi vào bàn vi tính để tiến hành đọc kỹ từng bài kinh, đọc kỹ từng câu kinh, từng lời, từng chữ, từng danh từ trong bài kinh để nắm bắt ý nghĩa của bài kinh và làm công việc phân loại các bài kinh theo chủ đề.

5.3 Những khó khăn trong quá trình phân loại Năm bộ Nikāya

Vì chưa có kinh nghiệm trong công việc này, nên sau hai năm làm phân loại kinh (2008-2009), chúng tôi nhìn lại và thấy không ổn, không khéo trong việc làm này nên quyết định bỏ toàn bộ phần đã làm trong hai năm qua. Năm 2010, chúng tôi bắt đầu làm lại từ đầu, đến năm 2011, sau hai năm làm phân loại, chúng tôi xem xét lại và lại thấy không hài lòng nên cũng đã bỏ những gì đã làm trong hai năm tiếp theo đó.

Đến lần thứ ba này thì chúng tôi đã có đôi chút kinh nghiệm, đối trước mỗi bài kinh, chúng tôi đọc cẩn trọng, đọc kỹ

từng câu, từng lời, từng chữ trong bài kinh. Vừa đọc, vừa tâm niệm tìm xem có bao nhiêu đề tài, bao nhiêu chủ đề, bao nhiêu danh từ riêng, danh từ chung, những câu kinh đặc biệt được nói đến trong bài kinh, chỗ nào nên in đậm, chỗ nào nên gạch dưới, chỗ nào nên tô màu để cho người đọc dễ dàng nắm hiểu được và nhớ được những điểm quan trọng trong bài kinh, và nắm hiểu được ý nghĩa tổng quát toàn bộ bài kinh. Đôi khi đứng trước những bài kinh hay, những đoạn kinh quan trọng, thâm sâu, khó hiểu, chúng tôi phải dừng lại ở đó cả tiếng đồng hồ để tìm cách đánh dấu, gạch dưới, tô màu cho phù hợp và làm nổi bật điều quan trọng, điều thâm thúy, điều tinh tế mà bậc Chánh Đẳng Giác muốn chỉ dạy trong câu kinh đó. Và đôi khi cũng có những bài kinh, những câu kinh quá vi diệu, quá thâm thúy, quá tuyệt vời làm chúng tôi sững người lại, cảm giác hoan hỷ dâng tràn, cảm giác sự thâm sâu vô cùng trong lời dạy của Bậc Đạo Sư. Chúng tôi dừng lại để thưởng thức pháp hỷ, pháp lạc vi diệu này và không tiếp tục làm nữa.

Chúng tôi nhớ lại một kỷ niệm khó quên trong lần phân loại kinh thứ ba. Đó là sau khi bỏ những phần phân loại đã làm trong bốn năm đầu, chúng tôi bắt đầu lại từ đầu công việc phân loại kinh lần thứ ba vào khoảng gần giữa năm 2011. Lần này, sau khi làm được khoảng hai năm, tức là vào khoảng năm 2013, một lần nọ sau khi đã phân loại xong một phần kinh Tăng Chi, khi dịch chuyển các phần

kinh này vào các hồ sơ, chúng tôi đã sơ suất không sao chép lại và đã xóa toàn bộ phần kinh đã làm trong sáu tháng trời rông rãi. Lần này, chúng tôi đã bị sốc, chúng tôi bị kiệt sức, chúng tôi cảm thấy ngao ngán, cảm thấy quá mệt mỏi và không còn tinh thần để bắt tay vào làm lại phần phân loại này và nghĩ rằng chắc là mình không đủ duyên, không đủ phước để hoàn tất công trình này, thôi bây giờ chỉ lo tu thôi, không làm nữa. Mấy tháng sau đó chúng tôi mới lấy lại tinh thần để tiếp tục công việc phân loại kinh. Từ đó về sau, sau mỗi một phần làm chúng tôi đều cẩn thận sao chép lại nhiều bản để lưu trữ. Đây quả thật là một kinh nghiệm đáng cay.

Có thể nói rằng, trong suốt thời gian làm công việc phân loại này, “sự làm việc, sự tu học và sự thực hành luôn đi đôi với nhau”, chúng tôi luôn thấy sự vô thường trước mắt mình nên không bao giờ chúng tôi dám nghĩ đến việc mình sẽ sống và sẽ làm đến ngày hoàn tất công trình này. Trong thời gian đó, chúng tôi cứ nghĩ rằng *“thôi cứ làm đến đâu hay đến đó, nếu đủ duyên thì hoàn thành, còn không đủ duyên thì đành chịu vậy”*.

Trong giai đoạn cuối khi gần hoàn tất công trình này, mỗi lần chúng tôi lên máy bay đi từ Pháp về Việt Nam, trước khi đi chúng tôi đều sao chép lại phần phân loại đã làm, đưa cho người bạn thân nhất của mình cất giữ và căn dặn bạn rằng: *“Nếu có chuyện gì xảy ra thì hãy tìm cách phổ*

biến phân phân loại này, dù nó chưa hoàn thành trọn vẹn nhưng chắc chắn với phần làm còn dang dở này cũng sẽ giúp ích được khá nhiều cho những người muốn tìm hiểu và tu học theo kinh Nikāya”.

Nhưng rồi, năm 2017, cuối cùng duyên lành cũng đã hội tụ, chúng tôi cũng đã hoàn tất công trình này và đã trình công trình này với Đại đức Thích Giác Hoàng, nguyên Chánh văn phòng Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Sư đã hoan hỷ đón nhận và đã tạo duyên lành cho chúng tôi được giới thiệu công trình này với Chư Tôn Đức Tăng Ni tại Học viện Phật Giáo Việt Nam cơ sở II, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 2017.

Như vậy, cuối cùng công trình phân loại kinh Nikāya đã hoàn tất và đã được công bố cho cộng đồng Phật giáo Việt Nam. Đối với chúng tôi được sống đến giây phút đó đã là quá đủ, quá hạnh phúc trong cuộc đời này. Chúng tôi không biết nói gì hơn là lòng tri ân, lòng biết ơn, lòng cảm kích cảm ơn nhân duyên, cảm ơn thọ mạng, cảm ơn phước báu, cảm ơn chư thiên đã bảo hộ chúng tôi, đã gìn giữ chúng tôi được an toàn cho đến lúc hoàn tất công trình vi diệu hy hữu cao quý này. Chúng con xin cúi đầu cung kính cảm ơn tất cả!

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Kính lễ chúng Tăng (Bốn đôi – Tám chúng) đệ tử Phật, những bậc đã gìn giữ và lưu truyền Chánh Pháp này đến ngày hôm nay.

Kính lễ đức Hòa thượng đạo hiệu Thích Minh Châu, người đã phiên dịch bộ kinh Nikāya từ tiếng Pāli sang Việtngữ.

5.4 Những phát hiện trong quá trình phân loại Nikāya

Nhớ lại lần đầu tiên khi nhận được bộ đĩa kinh Nikāya bằng mp3, chúng tôi đã xem và đã chọn bộ kinh nào mà mình cho là khó nhất để chọn nghe đầu tiên, và chúng tôi đã chọn nghe Trường Bộ Kinh. Sau khi nghe hết Trường Bộ Kinh, chúng tôi lại chọn bộ khó tiếp theo để nghe, và chúng tôi đã chọn Trung Bộ Kinh, rồi sau đó là Tăng Chi Bộ Kinh, sau đó là Tương Ưng Bộ Kinh, và sau đó là Tiểu Bộ Kinh. Sau khi nghe hết Tiểu Bộ Kinh, chúng tôi lại bắt đầu nghe lại từ đầu với Trường Bộ Kinh. Cứ như vậy, chúng tôi nghe tới, nghe lui nhiều lần 5 bộ Nikāya. Lần đầu là chúng tôi nghe để nắm hiểu ý nghĩa chung của mỗi bài kinh. Lần sau nghe thì chúng tôi bắt đầu để ý đến chi tiết của bài kinh. Trong khoảng bốn năm đầu nghe kinh Nikāya, tuy rất thích, rất khoan khoái với từng bài trong Nikāya, nhưng vẫn không nắm hiểu được tinh thần chung, tinh hoa và cốt tủy của Nikāya.

Cứ như vậy, đến khoảng năm 2009, trong khi nghe và làm phân loại Nikāya, chúng tôi bắt đầu phát hiện ra: ***“Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn”***. Khi phát hiện ra điều này, trong tâm chúng tôi khởi lên câu hỏi: *“Tại sao kinh Nikāya lại nhắc nhiều đến Ngũ uẩn như vậy? Chắc là Ngũ uẩn có một vai trò quan trọng gì đây nên Nikāya lại nhắc nhiều đến Ngũ uẩn như vậy?”*.

Năm 2008, khi bắt đầu làm công việc phân loại kinh Nikāya, cũng là lúc chúng tôi bắt đầu thực hành thiền tập. Trong thời gian đầu khi đến với kinh Nikāya, chúng tôi không biết tinh yếu của Đại Tạng Kinh này là gì, đến năm 2009, khi phát giác Nikāya nhắc nhiều đến Ngũ uẩn, sự thắc mắc trong chúng tôi khởi lên, từ đó danh từ Ngũ uẩn in sâu vào tâm trí của chúng tôi. Sau đó, chúng tôi quyết định xem kỹ lại các định nghĩa về Ngũ uẩn trong Nikāya và bắt đầu áp dụng việc nhận diện Ngũ uẩn trong các buổi thiền tập của mình.

Trong hai năm đầu tu tập nhận diện Ngũ uẩn, chúng tôi gặp khá nhiều những khó khăn vì hiện tại đang có một số những hiểu biết sai lầm về Ngũ uẩn so với định nghĩa Ngũ uẩn trong Nikāya, chúng tôi bị nhập nhòe trong việc nhận diện TƯỚNG và HÀNH, HÀNH và THỨC, TƯỚNG và THỨC. ***Sau đó, chúng tôi quyết định bỏ hết những sự giải thích về Ngũ uẩn vầy khác của các vị đương thời và quay về với lời giải thích về Ngũ uẩn theo lời dạy chánh thống***

của Đức Phật trong kinh Nikāya. Sau khi xác quyết rõ đường hướng mình đi theo và tu tập theo đường hướng này một thời gian thì các pháp đã dần lộ rõ, chúng tôi đã dần thấy biết rõ hành tướng của Ngũ uẩn trong nội tâm mình. Thời gian đầu chúng tôi chỉ thấy được những hành tướng thô sơ của Ngũ uẩn, nhưng rồi với thời gian, với sự tinh cần hành trì, tinh cần tu tập nhìn lại nội tâm mình, tinh cần phát giác phát hiện những gì đang có mặt, đang vận hành, đang hoạt động trong nội tâm mình thì sau đó chúng tôi đã dần phát hiện những hành tướng vi tế hơn, tinh vi hơn của Ngũ uẩn và phát hiện những pháp bất thiện, những rác bần, những rấn, rết, sâu bọ ranh ma, quỷ quyết nằm ẩn nấp trong Ngũ uẩn trong nội tâm, và chúng tôi đã tiến hành ***như lý tác ý*** để tẩy trừ những rác bần, những rấn rết sâu bọ này trong tâm.

Nếu chúng ta quán sát kỹ về thân tâm và cuộc sống thì chúng ta sẽ thấy rằng: “*Cuộc sống bên ngoài mà chúng ta đang nhìn thấy tuy muôn hình vạn trạng nhưng tất cả cũng chỉ là Sắc Uẩn. Phần còn lại khi nhìn vào bên trong tâm mình thì tất cả những cái hiện đang có mặt trong tâm này chỉ là những Cảm Tho, những Tưởng, những Suy Nghĩ và những sự Hay Biết”.* Như vậy, nếu khéo quán sát thân tâm này, thế giới này và cuộc sống này, chúng ta sẽ thấy rằng: ***Tất cả những gì đang có mặt trong thân tâm này, trong***

thế giới này và trong cuộc sống này, tất cả chỉ xoay quanh Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) mà thôi.

Thông qua việc nhận diện Ngũ uẩn theo tinh thần của *Tứ Niệm Xứ* và thực hành *Cảm Giác Toàn Thân*, hành giả thường định tâm trên thân, tâm vị này thường trú trong sự an lạc, bình an, khuynh hướng của tâm luôn thấy rõ sự có mặt, sự vận hành, sự chi phối, sự khống chế của Ngũ uẩn trong thân tâm và trong thế giới, luôn biết rằng các sắc, thọ, tưởng, hành và thức này là do duyên sanh, bản chất của nó là biến đổi, vô thường, khổ, phiền não và hoại diệt, không có gì là mình, là của mình cả. Khi đối duyên xúc cảnh, tâm vị này không dễ bị dao động, thường quay về rõ biết những cảm giác trong thân tâm, tinh tế và nhanh nhạy phát giác phát hiện những sự động chuyển trong tâm, tinh tế phát hiện những cảm thọ có tham, có sân, có si trong thân tâm, tinh tế phát giác những cảm giác của bản ngã, cảm giác ta đây, cảm giác hơn thua, cảm giác ích kỷ v.v.

Khi đã nhanh nhẹn, tinh tế phát hiện những hoạt động của Ngũ uẩn và phát hiện những rác bần trong nội tâm thì việc tẩy sạch những rác bần trong tâm là điều không còn xa nữa. Tức là không còn xa nữa, không còn lâu nữa, việc thanh lọc sạch nội tâm, thành tựu tâm trong sạch, thanh tịnh, giải thoát, Niết-bàn. Đây là một logic thiết thực của đạo lý nhân quả trong cuộc sống. Đây là một nhân quả đúng pháp của

việc tu học Phật pháp chứ không có gì là mơ hồ, ảo vọng, mộng lung.

Khi một người tu học theo con đường này, cho đến khi vị này đã nhìn thấy khá rõ những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm mình, đã thấy khá rõ, khá nhiều, khá sâu sắc những rác bần thô tế trong tâm và đã có sự khéo như lý tác ý để tẩy sạch những rác bần đã trôi ra, đã lộ ra trong tâm thì vị này đã có được sự an toàn, sự vững chắc trên con đường vượt thoát lưới sanh tử.

Đến giờ phút này, sau gần mười lăm năm tiếp xúc với kinh Nikāya và sau trên mười năm trong việc tu tập quay về nội tâm nhận diện Ngũ uẩn, chúng tôi vẫn không dám nói mình đã nhìn thấy hết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, và cũng không dám nói mình đã nhìn thấy hết tất cả những rác bần trong nội tâm, nhưng chúng tôi biết rõ mình đã nhìn thấy được khá nhiều về nội tâm này và con đường đưa đến sự vượt thoát biển trầm luân sanh tử này là không còn xa nữa.

Viết những lời này ra không phải để khoe khoang, cũng không phải để nhận được lời khen ngợi của ai, mà chỉ để khích lệ các bạn đạo đang dần thân trên con đường tìm hiểu và tu học theo lời dạy của Đức Phật trong kinh Nikāya.

Khi làm công việc phân loại kinh Nikāya và khi phát giác ra vai trò của **“trí về Ngũ uẩn”** trong sự tu học Phật pháp,

chúng tôi đã phát hiện ra cốt tủy của lời Phật dạy là: *“Mục đích của việc tu đạo không phải để thành một ông thần ông thánh to lớn nào cả, hay không phải để thành một hình tướng với hào quang với sắc hình vậy khác, mà việc tu đạo hay việc tu học theo lời dạy của Đức Phật chính là việc: Quay về nhìn lại nội tâm mình để phát giác phát hiện Ngũ uẩn đang có mặt, đang vận hành, đang dẫn dắt, đang chi phối mọi hoạt động lớn nhỏ của mình ra sao trong từng giây phút của sự sống. Từ sự phát giác phát hiện ra sự lộng hành của Ngũ uẩn trong tâm sẽ đi đến việc phát giác phát hiện ra những sự uế nhiễm trong tâm, những rác bần, những cặn bã, những sâu bọ, rần rết, xà tinh, yêu tinh, yêu quái trong tâm. Sau khi phát hiện ra những rác bần trong tâm thì thực hành theo phương pháp Tám đúng, tinh cần như lý tác ý để tẩy sạch những rác bần này”*.

Như vậy, tu không phải để thành một cái gì, hay thành một thân tướng gì, mà tu chính là tu tập nhìn lại nội tâm, tập nhìn thấy rõ Ngũ uẩn trong tâm, tập nhận diện những rác bần trong tâm, tiến hành việc tẩy trừ những rác bần, những tham ái dính mắc đối với Ngũ uẩn trong tâm. Đó gọi là tu.

Khi tâm hết sạch rác bần, hết sạch tham sân si, hết sạch bản ngã ta đây, hết sạch *dục nhiễm, hữu nhiễm, vô minh nhiễm*, tâm được hoàn toàn trong sạch, không còn một tí rác bần nào trong tâm, không còn một chút làm chấp nào

đối với Ngũ uẩn, không còn một chút dao động nào khi sáu căn của Ngũ uẩn tiếp xúc với sáu trần, đó là sự tu đã thành công, sự tu đã thành tựu, đó chính là Niết-bàn, là giải thoát.

Tu không phải để nắm lấy một cái gì, không phải để nắm giữ một cái gì, không phải để cho một cái gì là mình, là của mình, không phải để thành một hình tướng nào, hay thành một tâm này tâm nọ, mà **tu chính là “thấy để mà buông bỏ”**.

- **Thấy** đây là thấy Ngũ uẩn và thấy Rác bản trong tâm.
- **Buông** đây là buông tham ái, sân hận, si mê, buông chấp thủ đối với Ngũ uẩn.
- **Bỏ** đây là vứt bỏ, là đào thải, là diệt tận những dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu do sự vô trí đối với Ngũ uẩn đã hình thành lâu ngày trong nội tâm.

Đó là điều mà chúng tôi đã phát giác ra trong quá trình tu học của bản thân trong hơn mười lăm năm thâm nhập vào lời dạy của Đức Phật thông qua việc nghe, đọc, học, hành và phân loại kinh Nikāya.

5.5 Ngũ uẩn Trí và Ba mươi bảy Bồ-đề Phần

Một điều lý thú khác nữa là sau khi làm việc và tu tập nhận diện Ngũ uẩn theo lời dạy của Đức Phật thì dần dần chúng tôi cũng đã thông hiểu được những tinh túy thâm sâu trong sự liên hệ giữa Trí về Ngũ uẩn và Ba mươi bảy Bồ-đề phần.

Đây là những pháp giúp hành giả tu tập đi đến sự đoạn diệt *Vô minh* và *Khát ái* đối với Ngũ uẩn.

• **37 Bồ-đề Phần**

- Tứ Niệm Xứ là **Bốn chỗ cần quán sát** để thấy biết rõ về Ngũ uẩn.
- Tứ Chánh Cần là **Bốn việc chánh cần làm** để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Tứ Như Ý Túc là **Bốn pháp để đình tâm** như ý muốn.
- Năm Căn là **Năm nền tảng tu tập** để tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Năm Lực là **Năm sức mạnh cần có** để diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Thất Giác Chi là **Bảy pháp đến giác ngộ**, đưa đến thấy biết tất cả những hoạt động của Ngũ uẩn trong nội tâm, diệt tận vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.
- Bát Chánh Đạo là **Phương pháp tu Tám Đúng** đưa đến diệt tận vô minh và khát ái với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng này chuyển vận trạng thái tâm từ vô minh không thấy biết Ngũ uẩn đi đến sự thấy biết rõ Ngũ uẩn và diệt tận tham ái đối với Ngũ uẩn. Phương pháp Tám đúng là: *Thấy đúng, Nghĩ đúng, Nói đúng, Làm đúng, Sống đúng, Siêng đúng, Quán đúng, Định đúng*. Tức là Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh

Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

- Với **Chánh tri kiến là Thấy biết đúng về Tứ Thánh Đế**. Tứ Thánh Đế là Bốn sự thật về khổ, hay Bốn sự thật về Ngũ uẩn, hay Bốn Thánh trí về khổ, hay Bốn Thánh trí về Ngũ uẩn.
 - *Thánh trí thứ nhất*: Sự chấp thủ Ngũ uẩn là phiền não và khổ đau.
 - *Thánh trí thứ hai*: Ngũ uẩn sanh khởi do duyên vô minh và tham ái.
 - *Thánh trí thứ ba*: Ngũ uẩn diệt tận khi hết vô minh và hết tham ái.
 - *Thánh trí thứ tư*: Phương Pháp Tám đúng là phương pháp chân chánh đưa đến tẩy sạch vô minh và tham ái đối với Ngũ uẩn.
- Với **Chánh niệm là Tứ niệm xứ**. Tứ Niệm Xứ chính là Bốn chỗ cần quán niệm để đưa đến thấy biết đầy đủ về Ngũ uẩn.
 - Niệm *Thân* đưa đến thấu rõ về Sắc Uẩn.
 - Niệm *Thọ* đưa đến thấu rõ về Thọ Uẩn.
 - Niệm *Tâm* đưa đến thấu rõ hành tướng chung của Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn.

- Niệm *Pháp* đưa đến thấu rõ những vấn đề xung quanh sự vận hành của Ngũ uẩn và những điều phải tu tập để tẩy sạch Vô minh và Tham ái đối với Ngũ uẩn.

Như vậy, thông qua sự trình bày trên, chúng ta thấy rằng, **Ba mươi bảy Bồ-đề phần** chính là **Ba mươi bảy pháp dự phần vào Giải thoát**, đưa đến Niết-bàn, đưa đến tẩy sạch vô minh và khát ái đối với Ngũ uẩn.

5.6 Các hình thức phân loại trong công trình này

Khi thực hiện công việc phân loại kinh Nikāya, chúng tôi đã tìm hiểu thật kỹ về các giai đoạn kết tập kinh điển của Phật giáo và được biết trong lần kết tập kinh điển đầu tiên là khoảng 3 tháng sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, kinh Nikāya lúc **bảy giờ chỉ có 4 bộ kinh**. Sau đó, đến lần kết tập kinh điển lần thứ 2, tức là 100 năm sau khi Đức Phật nhập diệt và đến lần kết tập kinh điển lần thứ 3, tức là khoảng 250 năm sau khi Đức Phật nhập diệt, thì Tiểu Bộ Kinh dần dần được thành lập. Vì vậy, để cẩn thận chính xác theo lời Phật dạy, chúng tôi để riêng phần phân loại Tiểu Bộ Kinh, không để chung trong phần phân loại 4 bộ kinh chính.

Bốn bộ Nikāya được phân loại theo 3 phần chính sau đây:

- Nikāya phân loại theo Chủ đề
- Nikāya phân loại theo Tên kinh
- Nikāya phân loại theo Tìm kiếm khác.

5.6.1 Phần 1 – Nikāya theo Chủ Đề

Khi cần tìm một chủ đề nào đó trong kinh Nikāya thì chúng ta chỉ cần vào phần “**Nikāya phân loại theo chủ đề**” thì chúng ta sẽ có tất cả những bài kinh Nikāya liên hệ với chủ đề đó. Khi vào trong phần Nikāya phân loại theo chủ đề, chúng ta sẽ thấy tất cả những chủ đề được nói đến trong đạo Phật. Phần chủ đề này được sắp theo thứ tự bảng chữ cái ABC.

ÁC KIẾN	6/6/2018 2:59 PM	File folder
ÁC MA	5/24/2018 9:33 PM	File folder
ÁC PHÁP	4/26/2018 3:49 PM	File folder
ÁC TỶ-KHEO	6/20/2018 9:43 PM	File folder
Ái	4/26/2018 3:49 PM	File folder
Alahán	4/26/2018 3:43 PM	File folder
ANĀTHAPINDIKA	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Atula	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Ba mươi bảy Bồ đề phần	6/16/2018 8:49 AM	File folder
Bạc Alahán	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Bát Lai	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Chân Nhân	4/29/2018 9:00 PM	File folder
Bạc Chánh Đẳng Giác	7/26/2018 7:58 PM	File folder
Bạc Dự Lưu	5/5/2018 5:25 AM	File folder
Bạc Hữu Học	6/20/2018 9:23 PM	File folder
Bạc Nhất Lai	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Tam Minh	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Thân Chứng	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bạc Thanh Văn	4/26/2018 3:43 PM	File folder

Ví dụ: Nếu muốn tìm chủ đề Bát Chánh Đạo thì chúng ta sẽ vào mục “Bát Chánh Đạo”. Khi vào trong chủ đề Bát Chánh Đạo, chúng ta sẽ có tất cả các bài kinh nói về Bát Chánh Đạo: Phần đầu trong chủ đề này là những bài kinh nói về định nghĩa Bát Chánh Đạo, các bài tiếp theo là tất cả những bài kinh liên hệ đến chủ đề về Bát Chánh Đạo như: Bắt đầu tu tập từ đâu ở trong Bát Chánh Đạo, Con đường trung đạo, Đầu đuôi của sự tu tập và Bát Chánh

Đạo, Người thành tựu trí về Bát Chánh Đạo còn gọi là gì, Mục đích của Bát Chánh Đạo, Quả của Bát Chánh Đạo, Bát Chánh Đạo liên hệ như thế nào trong tiến trình sanh khởi Bảy giác chi, Tiến trình tu tập, v.v.

Như vậy khi muốn tìm hiểu chủ đề về Bát Chánh Đạo thì chỉ cần vào trong “Nikāya phân loại theo chủ đề”, rồi vào trong thư mục Bát Chánh Đạo thì ta sẽ có tất cả những bài kinh trong Nikāya liên hệ đến Bát Chánh Đạo.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng có thể thống kê được số lượng bao nhiêu bài kinh trong một chủ đề. Ví dụ, ở phần Bát Chánh Đạo này là 147 bài kinh, nhưng đây chỉ là những bài kinh nói chung về Bát Chánh Đạo chứ không phải nói về từng phần riêng trong Bát Chánh Đạo. Sau đó, nếu chúng ta muốn tìm hiểu riêng như Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy... từng phần trong Bát Chánh Đạo thì có từng chủ đề riêng và những phần này sẽ khác trong phần Bát Chánh Đạo chung.

Bát Chánh đạo	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 1 - Chánh kiến	4/29/2018 2:32 PM	File folder
Bát chánh đạo 2 - Chánh tư duy	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 3 - Chánh ngữ	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 4 - Chánh nghiệp	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 5 - Chánh mạng	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 6 - Chánh tinh tấn	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 7 - Chánh niệm	4/26/2018 3:43 PM	File folder
Bát chánh đạo 8 - Chánh định	4/26/2018 3:43 PM	File folder

Chẳng hạn khi vào “Bát Chánh Đạo 1 - Chánh Kiến” thì chúng ta sẽ có tất cả những bài kinh về Chánh Kiến, tương tự đối với Chánh Tư Duy cũng vậy, ở đây ta cũng có thể biết số lượng các bài kinh nói về Chánh Kiến cũng như Chánh Tư Duy.

Nếu muốn tìm hiểu một tiêu đề nào đó trong Bát Chánh Đạo như tiêu đề “*hai duyên làm sanh khởi Chánh Kiến*” thì chúng ta nhấn hai lần chuột phải vào tiêu đề này và sẽ thấy được bài kinh nói về tiêu đề này. Khi nhấn vào tiêu đề này chúng ta thấy xuất hiện file word với bài kinh tên “*Đại Kinh Phương Quảng, số 43, Trung Bộ quyển I*”.

Trong phần phân loại này, những bài kinh Nikāya trong đây có điểm đặc biệt khác so với trên mạng. Phần kinh Nikāya để trên mạng sẽ để tất cả chữ là màu đen, phải tự đọc và tự tìm hiểu những câu kinh quan trọng ở trong đó. Nhưng khi chúng ta tìm hiểu Nikāya trong phần *phân loại*

này, chúng ta sẽ thấy những câu kinh thuộc về câu hỏi được đề *chữ nghiêng*, những điểm quan trọng trong bài kinh chúng tôi sẽ cho *tô đậm, tô màu, chữ nghiêng, gạch đầu hàng, gạch dưới* v.v. Cách làm này sẽ giúp chúng ta nắm được ý nghĩa của các bài kinh một cách nhanh chóng và khi đọc xong bài kinh, chúng ta sẽ dễ dàng nhớ lại chi tiết và tổng quát nội dung bài kinh.

Những chủ đề còn lại rất đa dạng như *Bệnh và Thuốc, Bốn Thánh Quả, Cõi trời, Cư Sĩ, Cách chọn thầy chọn bạn, Tứ Niệm Xứ, Lậu Hoặc, Lòng Tin, Duyên Khởi* v.v. Trong phần phân loại này có tổng cộng 448 chủ đề, và với số lượng này chúng tôi hy vọng sẽ làm hài lòng những vị muốn tìm hiểu và học hỏi kỹ tinh thần Nikāya mà Đức Phật đã truyền trao.

5.6.2 Phần 2 – Nikāya theo Tìm Kiếm Khác

Tiếp theo là phần kinh Nikāya xếp theo tìm kiếm khác. Nếu chúng ta muốn tìm kiếm một câu kinh đặc biệt nào đó mà Đức Phật đã tuyên bố, hay một vài vấn đề nhỏ lẻ trong Phật giáo, phần Nikāya Xếp Theo Tìm Kiếm Khác này sẽ đáp ứng được điều đó cho chúng ta. Ví như chúng ta muốn tìm hiểu vấn đề “*Sự hiểu sai về Chánh Pháp*” thì khi vào trong phần này chúng ta sẽ có những bài kinh liên quan đến nội dung này và thông qua vấn đề này chúng ta sẽ thấy rõ rằng: ***Ngay thời Đức Phật còn tại thế vẫn có những người hiểu***

sai lầm Chánh Pháp, hiểu sai lầm lời Phật dạy còn nói gì đến sau khi Đức Phật nhập diệt.

Hay khi chúng ta nghe câu kinh “*Không có một con mắt nào có thể thấy được Đức Phật một khi Ngài đã nhập diệt*” nhưng chúng ta không biết câu kinh đó nằm ở đâu thì chúng ta bấm vào trong phần tìm kiếm khác chúng ta gõ chữ “*Không*” thì lập tức màn hình sẽ hiển thị tất cả những bài mà chúng ta cần tìm. Trong phần này có 3.355 bài kinh để tìm hiểu những vấn đề riêng lẻ trong đạo Phật.

5.6.3 Phần 3 – Nikāya theo Tên Kinh

Đây là phần công hiến tất cả những bài kinh được xếp theo tên kinh.

Thí dụ chúng ta nghe nói trong Kinh Thủ Chuyển, Đức Phật nói rằng “*Khi Ngài chưa chứng ngộ Trí tuệ về Ngũ uẩn thì Ngài không nói là Ngài chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Ngài đã chứng được Trí tuệ về Ngũ uẩn thì Ngài mới tuyên bố Ngài đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Khi nghe nói như vậy, chúng ta thấy nghi ngờ và muốn tự mình tìm hiểu vấn đề này thì chúng ta có thể vào phần xếp theo tên kinh và gõ chữ “*Thủ*” thì sẽ gặp ngay bài kinh Thủ Chuyển.

Trong phần kinh Nikāya xếp theo Tên Kinh này, chúng tôi xin công hiến đến quý vị tất cả các bài kinh có trong Nikāya,

từ những bài kinh có nội dung dài hàng trăm trang đến những bài kinh chỉ có vài hàng, tất cả đều được tập hợp đầy đủ trong phần này.

Tổng số lượng của Nikāya phân xếp theo tên kinh là 3.036 bài kinh. Đây vẫn là con số chưa chính xác, vì còn một số bài kinh nằm trong phần cuối của những phần như Tương Ứng Uẩn, Tương Ứng Đạo, Tương Ứng Sáu Xứ, v.v. Trong những phần Tương Ứng này, một số bài kinh ở phần cuối chỉ có tựa đề mà thôi, còn những phần chánh trong kinh thì lặp lại những bài kinh trước đó. Vì thế, phân xếp loại này có 3.036 bài kinh đây chỉ là con số tương đối chứ chưa thật sự chính xác. Con số chính xác phải thêm một số bài kinh nữa, nhưng những bài kinh này cũng chỉ là tên kinh mà thôi.

5.6.4 Phần 4 – Phân loại Kinh Tiểu Bộ Tập 1 và Tập 3

Riêng về phần **Tiểu Bộ Kinh**, chúng tôi không làm phân loại Tiểu Bộ tập 2, 4-10, vì trong tiểu bộ tập 2 là nói về chuyện ngạ quỷ và cõi trời, còn Tiểu Bộ tập 4 cho đến tập 10 thì nói về những câu chuyện tiền thân của Đức Phật và các vị đệ tử. Vì xét về thời gian hình thành của Tiểu Bộ Kinh nên chúng tôi hạn chế việc tìm hiểu sâu vào Tiểu Bộ Kinh để tránh phạm lỗi khi đi theo những quyển kinh sách hình thành sau này.

Trong phần Tiểu Bộ Kinh tập 1 và tập 3, chúng ta sẽ thấy có phần phân loại Kinh Tiểu Tụng, Kinh Pháp Cú, Kinh Phật Tự Thuyết, Kinh Phật Thuyết Như Vậy, Kinh Tập, bên cạnh đó có thêm phần Kinh Pháp Cú có số thứ tự và không có số thứ tự.

Chẳng hạn, nếu chúng ta muốn tìm hiểu câu kinh “***Ai sống một trăm năm không thấy Pháp sanh diệt***” thì chúng ta chỉ cần tìm **văn A** thì sẽ ra ngay câu kinh mà chúng ta muốn tìm.

Kinh Tiểu Bộ Tập 3 nói về Trưởng Lão Tăng, Trưởng Lão Ni, đó là các vị thánh đệ tử thời Đức Phật. Vì phần này quan trọng và cũng là gương tu tập nên chúng tôi đã tiến hành phân loại phần kinh này.

5.6.5 Phần 5 – Bốn Bộ Nikāya bằng PDF

Tiếp theo là Phần công hiến cho chúng ta **Bốn bộ kinh Nikāya dạng PDF** với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, xuất bản 1996. Trong phần này nếu chúng ta thấy một bài kinh nào đó và muốn đọc nội dung của bài kinh ấy, chỉ cần nhấn ngay vào bài kinh đó thì chúng ta sẽ có ngay nội dung của bài kinh.

Phiên bản 4 bộ kinh Nikāya dạng file PDF trong này khác biệt thế nào so với một số phiên bản đăng tải trên mạng?

Với một số phiên bản PDF về kinh Nikāya hiện có trên mạng, khi chúng ta vào phần Kinh Tăng Chi Bộ - *Chương Một Pháp* thì chỉ có một phần *Chương Một Pháp* thôi, còn tất cả những bài kinh nhỏ còn lại nằm trong phần *Chương Một Pháp* thì không có đường dẫn, cho nên nếu chúng ta muốn tìm 1 bài kinh nhỏ ở trong *Chương Một Pháp* trong phiên bản này thì chúng ta phải tự mình kiểm bài kinh đó, không thể nhấn vào và thấy liền nội dung của bài kinh mà mình muốn xem.

Nhưng với phần phân loại này của chúng tôi sẽ giúp ích cho các bạn rất nhiều trong việc tìm kiếm các kinh trong Tăng Chi Bộ và Tương Ưng Bộ.

Trên đây là toàn bộ công trình phân loại kinh Nikāya mà chúng tôi đã tiến hành thực hiện trong 9 năm qua, tức là từ năm 2008 đến 2017.

5.7 Đặc điểm văn phong trong Kinh Nikāya bản dịch tiếng Việt

5.7.1 Đơn giản, ngắn gọn, súc tích

Văn phong, ngôn ngữ, từ ngữ trong bộ kinh này rất đơn giản, ngắn gọn, súc tích, không lòng vòng quanh co mà đi thẳng vào vấn đề. Đây là ưu điểm thứ nhất về văn phong trong bộ kinh Nikāya do Hòa thượng Thích Minh Châu biên dịch.

Tuy nhiên, vì cách nói thẳng và nói rất ngắn gọn, cho nên, nếu người đọc thiếu kham nhẫn, thiếu cẩn trọng, đọc nhanh, đọc lẹ, đọc lướt, đọc không kỹ, không để tâm vào từng lời kinh, không để tâm chiêm nghiệm ý nghĩa của từng câu kinh, không khéo nhìn sâu để thấy được sự liên hệ trước sau của câu kinh, thì vị này rất khó thâm nhập ý nghĩa của câu kinh, khó thấy biết trọn vẹn ý nghĩa của bài kinh, khó nắm được cốt tủy của Nikāya và khó thể nhập thâm sâu vào dòng pháp này.

5.7.2 Tính lặp lại của văn nói và tính nguyên bản

Lại nữa, các bài kinh này được dịch chính xác từ nguyên bản Pāli, người dịch tôn trọng nguyên bản nên không tự tiện thêm bớt đoạn kinh nào dù rằng nguyên bản có nhiều đoạn được lặp đi lặp lại nhiều lần. Đây là ưu điểm thứ hai về văn phong trong bộ kinh Nikāya này, tức là sự nghiêm túc cung kính trong sự truyền thừa và trao truyền giáo pháp, không tự tiện thêm bớt chỉnh sửa lời Phật dạy.

Tuy nhiên, vì nhiều lần lặp lại như vậy, cho nên, nếu người đọc không có sự kham nhẫn, không có sự kiên trì thì rất dễ thấy ngán, thấy chán trong khi đọc và rất dễ bỏ cuộc trong việc nghiên cứu học hỏi kinh Nikāya.

5.7.3 Văn phong gần gũi với người Việt

Với lối hành văn đơn giản, gần gũi, dễ hiểu, ngôn ngữ sử dụng không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, các câu văn, câu kinh trong bản dịch này hợp với văn phong của người Việt, làm cho người Việt có thể đến gần với lời của đức Thế Tôn. Bản dịch này không phải là một bản dịch có ngôn ngữ cá nhân, có cách hành văn cá nhân, có tư cách cá nhân, có cái nhìn cá nhân, có ý kiến cá nhân. Bản dịch này được xem là bản dịch có giá trị nhất trong các bản dịch kinh Nikāya đã và đang được thực hiện hiện nay. Đây là ưu điểm thứ ba về văn phong trong bộ Nikāya này.

5.7.4 Thuật ngữ Hán Việt trong bản dịch

Một số từ trong bản dịch này còn sử dụng danh từ Hán Việt, gây khó hiểu đối với cộng đồng người Việt hiện nay, đây cũng là điểm hạn chế trong bộ kinh này. Nhưng có lẽ chúng ta cũng nên làm quen với những danh từ này vì thật sự cũng khó tìm những danh từ thuần Việt để diễn giải hết ý nghĩa của những danh từ như lậu hoặc, vô minh, Niết-bàn... Vì vậy, trong phần “Giải thích một số từ Hán Việt” trong tập sách này, chúng tôi đã mạo muội chia sẻ ý nghĩa của một vài danh từ Hán Việt trọng yếu trong bộ kinh để hành giả thuận tiện trong việc tìm hiểu, học hỏi, tu tập. Hành giả cũng có thể lên mạng tra từ điển để tìm hiểu thêm. Sau khi

sáng tỏ ý nghĩa, hành giả nên áp dụng tu tập thực hành để có thể thể nhập thâm sâu vào lời Phật dạy trong bộ kinh này.

5.7.5 Một vài ý kiến khác

Một số ý kiến cho rằng bản dịch này có vài điểm chưa sáng tỏ, chưa trong sáng, nhưng nếu xét về tinh thần chủ đạo trong lời dạy của Đức Phật chính là Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo thì bộ kinh này là hoàn hảo, không có gì đáng để chê trách. Lại nữa, với quá trình nghiên cứu, học hỏi, hành trì theo kinh Nikāya trong hơn mười lăm năm, với sự nắm hiểu được tinh thần cốt tủy của Nikāya và tinh hoa của Ba mươi bảy Bồ-đề phần thì đối với chúng tôi vài điểm nhỏ nhất không sáng tỏ trong bộ kinh này là điều hoàn toàn không đáng kể vì nó không ảnh hưởng đến tinh thần tu học về Tứ Thánh Đế, Bát Chánh Đạo, Tứ Niệm Xứ, không ảnh hưởng đến sự tu tập thân tâm, nhiếp phục thân tâm, đoạn diệt tham, sân, si, bản ngã, vô minh, lậu hoặc trong hành giả. Vì vậy, những điểm nhỏ nhất, không sáng tỏ trong bộ kinh này là điều hoàn toàn không quan trọng, không ảnh hưởng đến sự tu tập của hành giả theo Chánh pháp, chánh đạo trong những lời dạy nguyên gốc của đức Thế Tôn.

Ví như có một bức tranh đồ sộ, vĩ đại, bức tranh này là một tuyệt tác đỉnh điểm của nghệ thuật. Trên bức tranh này có một vài hạt bụi nhỏ thì những hạt bụi đó là không đáng kể, không quan trọng, không ảnh hưởng đến tổng thể và chi tiết của bức tranh, không đáng được đem ra làm chỗ để đánh giá thấp giá trị của bức tranh vĩ đại này, người có tầm nhìn rộng lớn sẽ không làm việc đó.

Cũng vậy, bộ Đại Tạng Kinh Nikāya do cố Hòa thượng Thích Minh Châu biên dịch là một bức tranh tuyệt tác đồ sộ vĩ đại của thế kỷ hai mươi. Đây là một tác phẩm vĩ đại của Phật Giáo Việt Nam. Với tác phẩm này, với sự chịu khó tìm hiểu cẩn trọng và sự nỗ lực thực hành đúng theo lời dạy của Đức Phật trong bộ kinh này, người vô minh sẽ được thành người có trí, người không giới đức sẽ được thành người có giới đức, người không thiện định sẽ được thành người có thiện định, Ngũ uẩn bị nhìn thấy, vô minh bị đâm thủng, sanh tử bị phơi bày, luân hồi bị phá vỡ. Do đó, với một tác phẩm vĩ đại như vậy, với một bức tranh tuyệt vời như vậy, thật không đáng đem một vài hạt bụi nhỏ trong đó ra để phê bình, chỉ trích. Người tu học đạo cần nắm được trọng tâm chủ yếu, pháp hành chủ yếu trong lời Phật dạy trong Nikāya rồi đem ra thực hành tu tập nhiếp

phục tự thân, đó là điều quan trọng nhất và đó cũng là cách học pháp thông minh được Đức Phật nói là “người có trí tự mình giác hiểu”.

5.7.6 Lời khuyên dành cho học giả, hành giả

Tóm lại, dù rằng lối văn phong trực chỉ và ngắn gọn, các câu kinh được lặp lại nhiều lần, nhiều danh từ Hán Việt được sử dụng, gây khó hiểu cho người đọc nhưng người học Phật cũng nên cố gắng *nghe - đọc - học* trực tiếp, tiếp cận trực tiếp với các bản kinh Nikāya. Vì sao vậy?

Vì trước là để làm quen với văn phong của bộ kinh này, sau là khi đã quen với lối văn phong này rồi thì hành giả có thể tự mình tìm hiểu các bài kinh khác trong bộ Nikāya. Một khi đã quen với lối văn phong này, hành giả sẽ cảm thấy thích thú, cảm thấy khoan khoái khi tự mình được nghe, được đọc những lời dạy chân chánh nguyên gốc của đức Thế Tôn trong kinh tạng Nikāya.

Tóm lại, nếu ai muốn tìm hiểu học hỏi các bài kinh gốc về lời dạy của Đức Phật trong bộ Nikāya này thì ba yêu cầu quan trọng, hay ba điều cần phải tu tập trước nhất đó là:

- ***Sự yêu thích*** tìm cầu học hỏi cái gốc của Phật pháp.
- ***Sự khéo để tâm*** vào lời dạy của Đức Phật, khéo chiêm nghiệm, khéo quán sát ý nghĩa lời kinh với thực tế cuộc sống.

- **Sự kiên trì**, nhẫn nại, chịu khó, kham nhẫn trong khi tu học Phật pháp, trong khi đọc những lời được lặp lại nhiều lần trong Nikaya.

Nếu không yêu thích học hỏi, không khéo để tâm quán sát chiêm nghiệm và không kham nhẫn với sự lặp lại trong câu kinh thì sẽ không thể tiếp cận, không thể thâm nhập sâu vào lời dạy của bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong kinh tạng Nikāya.

Việc lặp lại nhiều lần trong kinh Nikaya cũng giúp cho hành giả xem lại các cảm thọ trong mình và nhận diện chúng. Hành giả tập quán sát những cảm giác khó chịu, cảm giác thiếu kiên nhẫn, cảm giác hấp tấp vội vàng, cảm giác nóng vội muốn nắm hiểu ý nghĩa. Khi nhìn thấy những tập khí sân si nóng nảy này, hành giả nên thực hành như lý tác ý để nhiếp phục chúng, hướng chúng đến sự thanh tịnh lắng dịu trong khi đọc, học kinh sách.

Chư vị Thánh tăng ngày xưa đã cẩn trọng truyền khẩu cho nhau lời Phật dạy trong sự lặp tới lặp lui nhiều lần như vậy để bảo đảm không bị sai sót, không bị tam sao thất bản trong lời dạy của Đức Bổn Sư. Các Ngài đã phải học thuộc lòng tất cả những câu kinh lặp tới lặp lui như vậy để trao truyền nhau giáo pháp thần diệu của Đức Phật, mãi cho đến khi kinh Nikaya được kết tập, được ghi lại bằng chữ viết thì việc truyền khẩu kinh Nikaya mới được chấm dứt.

Như vậy, chư vị Thánh tăng ngày xưa đã phải khổ công học thuộc lòng bộ đại kinh này để gìn giữ và trao truyền lại Thánh pháp cao quý này cho người đời sau. Và Hòa thượng thượng Minh hạ Châu đã phải để thời gian mười mấy năm trời trong cuộc đời của Ngài để phiên dịch lại những bản kinh này sang Việt ngữ, giúp người con Phật ở Việt Nam có cơ hội được tiếp cận những lời dạy nguyên chất của Đức Phật. Để rồi ngày giờ này chúng ta có được một phiên bản kinh Nikaya lời Phật dạy bằng tiếng Việt, ngày giờ này chúng ta có cơ hội được thấy, được nghe, được học, được đọc, được cầm trên tay mình những quyển kinh Nikaya tuyệt vời thần diệu, phơi bày sự thật của cuộc sống, vén lên bức màn bí mật của cuộc đời. Chúng ta thật là may mắn, thật là hạnh phúc. Ngày giờ này chúng ta chỉ cần ngồi xuống, chậm rãi mở từng trang kinh ra và chậm rãi đọc cẩn trọng từng lời từng chữ trong quyển kinh để chúng ta được quay về trong thời Đức Phật còn tại thế, được sống lại trong những giây phút mà Đức Phật đã khai thị, đã trình bày, đã thuyết giảng sự thật về cuộc đời này cho chúng sanh... Thật hạnh phúc thay cho chúng ta! Thật tuyệt vời thay cho chúng ta! Thật may mắn thay cho chúng ta!

Khi đọc những lời lặp đi, lặp lại trong bộ kinh này, chúng tôi thật sự cảm thấy kính phục, cảm thấy ngưỡng mộ, thương mến, quý kính vô cùng chư vị Thánh tăng ngày xưa,

các Ngài đã phải khổ công học thuộc lòng và truyền tụng cùng nhau những lời kinh lặp đi lặp lại này, để ngày giờ này chúng ta có được những phiên bản chắc thật trong lời Phật dạy. Thế mà chúng ta ngày nay chỉ cần ngồi xuống và đọc lại thôi nhưng chúng ta cũng thiếu sự kham nhẫn, thiếu sự nhẫn nại, tâm đầy khó chịu trước sự lặp lại nhiều lần của lời kinh, trong khi đó chư vị Thánh tăng ngày xưa đã phải học thuộc lòng hết tất cả những lời kinh này... Thật tội nghiệp thay cho chúng ta! Thật tầm quý thay cho chúng ta! Thật đáng thương thay cho sự thiếu kham nhẫn của chúng ta!

Ngày nay, chúng ta cần tác ý như vậy để tâm được lắng dịu, được kham nhẫn, được dễ chịu trong khi học, đọc những quyển kinh Nikaya chân chánh được trao truyền từ chư vị Thánh tăng ngày xưa. Trong khi đọc, học kinh Nikaya, chúng ta cần tu tập, cần rèn luyện cho mình đức tánh chậm rãi, cẩn trọng, kham nhẫn, không hấp tấp, không vội vàng, không bất cẩn, không đọc qua loa những lời dạy nguyên chất của đức Bổn Sư.

Lại nữa, người con Phật ngày nay không nên dừng lại ở địa vị của một học giả mà cần tiến lên địa vị của một hành giả, cần dần thân tu tập thực hành lời Phật dạy để tự thân chứng thực được những sự thật về thân tâm, sự thật về cuộc sống, để tự thân thật sự nếm được hương vị vi diệu trong giáo pháp chân chánh của đức Bổn Sư. Vì vậy, hãy là một hành

giả chứ không chỉ là một học giả. Bởi học giả được Đức Phật ví như “Muỗng với vị canh”; hành giả được Đức Phật ví như “Lưỡi với vị canh”. Hãy là một hành giả để nếm được hương vị trí tuệ, hương vị tu tập và hương vị giải thoát vi diệu, thần diệu của Thánh pháp này.

5.8 Lời kết

Với lòng chân thành hướng về những người con chân chánh của Đức Phật đang trên con đường tìm hiểu Phật pháp nên chúng tôi đã thực hiện tập sách “*Tinh Hoa Nikāya*” và “*Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya*” này. Còn nhiều công trình tiếp theo cần phải làm từ công trình này nhưng có lẽ chúng tôi không còn nhiều thời gian nữa. Chúng tôi *không giữ bản quyền* công trình phân loại này. Nếu có vị thiện tri thức nào phát tâm làm tiếp những gì cần phải làm sau công trình này thì đây là điều chúng tôi vô cùng ủng hộ, hoan hỷ và tùy hỷ. Chúng tôi thực hiện công trình này với tâm nguyện góp phần làm tỏa sáng và rực sáng Chánh Pháp cao quý này, và giúp cho những người con Phật được thuận tiện trong việc tìm hiểu và tu học theo lời dạy của Đức Phật trong kinh Nikāya. Do đó, chúng tôi cũng mong rằng: *Những ai sử dụng công trình này xin hãy một lòng tôn kính Đức Phật và tôn kính Pháp bảo cao quý này, vì lợi ích cho bản thân và vì lợi ích cho số đông trong hiện tại và tương lai, xin đừng thêm bớt bất cứ gì vào trong các bài kinh Nikāya nguyên chất lời Phật dạy này và xin*

đừng làm cho sớm ngày diệt tận Chánh Pháp vì diệu hy hữu này.

Tuy đã toàn tâm, toàn ý trong việc thực hiện tập sách và công trình này nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những sơ sót trong quá trình làm. Vì vậy, nếu có những sai sót nào hoặc có sự không hài lòng nào trong công trình này và trong những lời chia sẻ trên, xin quý vị thiện tri thức hãy vì lòng từ bi và lòng tôn kính Pháp bảo mà chân thành chỉ dạy hoặc hỷ xả bỏ qua cho.

Kính chúc tất cả Quý đạo hữu thân tâm thường an lạc, thành tựu Giới hạnh, Thiền định và Trí tuệ mà Đức Phật đã hướng dẫn, đạt được mục đích chân chánh của một người con Phật chân chánh.

5.9 Lời tri ân

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Cố Hòa thượng Thích Minh Châu, Ngài đã mang ánh sáng trí tuệ của Đức Phật đến với Phật tử Việt Nam. Ngài đã đem những lời dạy nguyên chất của Đức Phật từ văn bản Pāli dịch sang Việt ngữ, nhờ vậy mà ngày nay chúng con được thấy, được nghe, được học hiểu chính xác những lời dạy nguyên chất của Đức Bổn Sư và nhờ vậy cuộc sống của chúng con không trở thành vô nghĩa, vô ích. Một lần nữa chúng con xin chân thành cúi đầu với vô lượng cung kính

tri ân Cố Hòa thượng thượng Minh hạ Châu - Vị đệ tử cao quý, đáng kính của Đức Phật.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Đại Đức Thích Giác Hoàng, nguyên Chánh văn phòng Học viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Ngài đã hoan hỷ hỗ trợ chúng con hoàn thành việc giới thiệu công trình phân loại kinh Nikāya này với chư Tôn đức Tăng Ni tại Học viện Phật Giáo Việt Nam cơ sở II, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 2017, đây là thời điểm chính thức công bố công trình phân loại 5 bộ kinh Nikāya.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân Đại đức Thích Minh Thành, trụ trì chùa Linh Quy Pháp Ấn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Ngài đã chân thành hoan hỷ đón nhận công trình này và đã phát tâm làm công trình này thành một *Ứng dụng (Apps)* đưa lên mạng để phổ biến rộng rãi trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam và thế giới, tạo điều kiện thuận lợi cho những ai muốn tìm hiểu kinh Nikāya và tu học theo tinh thần của Nikāya.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân đến hai bậc sanh thành, chúng con xin cảm ơn cha mẹ đã cho chúng con có mặt trong hiện đời này và làm những công việc hiền thiện chân chánh của một người con Phật chân chánh.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân quý đạo hữu Tâm Minh Anh (Dũng), đạo hữu Thiệu Trí (So), đạo

hữu Mỹ Vân và tất cả những đạo hữu đã hỗ trợ chúng con hoàn tất công trình này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý đạo hữu, quý Phật tử gần xa đã hoan hỷ cùng chúng con tham gia ấn tống tập sách này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân những nhân duyên thiện lành, tri ân phước báu, tri ân thọ mạng, tri ân Chư Thiên đã bảo hộ chúng con duy trì được thọ mạng để hoàn tất công trình này và hoàn tất tập sách này.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả những vị Thiện tri thức đã hoan hỷ đón nhận công trình Phân Loại Nikaya và phổ biến rộng rãi công trình này đến cộng đồng Phật giáo gần xa, góp phần làm duy trì Chánh Pháp, phổ biến Chánh Pháp và vững trú Chánh Pháp.

Chúng con xin chân thành cúi đầu cung kính tri ân tất cả quý vị Thiện tri thức đã hoan hỷ đón nhận tập sách Tinh Hoa Nikaya với tâm rộng lượng cởi mở, với lòng từ bi, với tuệ hỷ xả.

5.10 Hồi hướng

Với công đức mà chúng con có được trong khi thực hiện tập sách Tinh Hoa Nikāya và trong Công Trình Phân Loại Kinh Nikāya, chúng con xin chân thành cầu nguyện cho ngôi Tam Bảo được còn mãi trên đời để chúng sanh luôn có nơi nương tựa. Nguyện cầu chư tôn đức Tăng Ni cùng quý nam nữ Phật tử, tứ chúng đệ tử Phật ở khắp mọi nơi luôn sống theo Pháp, an trú trong Chánh Pháp, thân tâm thường an lạc, Giới Hạnh, Thiên Định và Trí Tuệ được thành tựu viên mãn, mau chóng chứng đạt sự bình lặng nội tại, diệt tận tham, sân, si, bản ngã, lậu hoặc, vô minh, đoạn tận sanh tử và chấm dứt khổ đau.

Phước báu của việc làm hiền thiện này, chúng con cũng xin hồi hướng chia sẻ đến cha mẹ hiện tiền của chúng con những người thân hiện tại, người thân đã mất, người thân quá khứ, bạn bè thân hữu gần xa, chư vị nghe, đọc, hiểu việc làm này, cùng chư vị hữu tình trong cùng khắp trời đất rộng lớn vô biên này, mong tất cả đều được tâm hiền thương và sự hồi hướng chia sẻ phước báu này thấm nhuần mà được nhiều an lạc, nhiều an vui, tuệ khai mở, trí thành tựu, diệt vô minh, diệt tham ái, xả chấp thủ, sạch phiền não, tâm thanh tịnh, thật giải thoát.

NGUYỄN ĐEM CÔNG ĐỨC NÀY,
HƯỚNG VỀ KHẮP TẤT CẢ,
ĐỆ TỬ VÀ CHÚNG SANH,
ĐỀU TRỌN THÀNH PHẬT ĐẠO.

HẾT TẬP 3